

30^{NĂM} DẤU ẤN TĂNG TRƯỞNG



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020

MỤC LỤC

06

CHƯƠNG 01 Tổng quan

- 08
Thông điệp của Chủ Tịch
- 10
Thông điệp của Tổng Giám đốc
- 12
30 năm hình thành và phát triển
- 24
Sự kiện, danh hiệu, giải thưởng nổi bật trong năm

28

CHƯƠNG 02 Thông tin tổ chức – Hoạt động sản xuất kinh doanh

- 30
Sơ đồ tổ chức
- 32
Giới thiệu về Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát
- 40
Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 46
Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 50
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 80
Báo cáo quản trị năm 2020

98

CHƯƠNG 03 Chiến lược phát triển

- 100
Khó khăn thử thách phát triển thị trường
- 102
Mô hình kinh doanh và động lực tăng trưởng giai đoạn 2021-2025
- 104
Kế hoạch SXKD 2021

106

CHƯƠNG 04 Báo cáo tài chính

- 108
Thông tin về doanh nghiệp
- 109
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 110
Báo cáo kiểm toán độc lập
- 112
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01-DN/HN)
- 115
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02-DN/HN)
- 116
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03-DN/HN)
- 118
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09-DN/HN)

 **Tên giao dịch:**
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần

 **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:**
3500102710

 **Địa chỉ:**
Tòa nhà PV GAS TOWER, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh

 **Vốn điều lệ:**
19.139.500.000.000 đồng
(Mười chín ngàn, một trăm ba mươi chín tỷ, năm trăm triệu đồng)

 **Số điện thoại:** (028) 3781 6777

 **Số Fax:** (028) 37815666 - 37815777

 **E-mail:** pvgas@pvgas.com.vn

 **Website:** www.pvgas.com.vn

 **Mã cổ phiếu:** GAS

Tóm tắt từ viết tắt:

Ban TGD	Ban Tổng Giám đốc
BKS	Ban Kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CCP	Giàn nén trung tâm
CNG	Khí thiên nhiên nén
GPP	Nhà máy Xử lý khí
HĐQT	Hội đồng Quản trị
LNG	Khí thiên nhiên hóa lỏng
LPG	Khí dầu mỏ hóa lỏng
NSNN	Ngân sách nhà nước

PV GAS Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP

SXKD Sản xuất kinh doanh

TSNH Tài sản ngắn hạn

TSDH Tài sản dài hạn

VCSH Vốn chủ sở hữu

CHƯƠNG 01

Tổng quan

08

Thông điệp của Chủ Tịch

10

Thông điệp của Tổng Giám đốc

12

30 năm hình thành và phát triển

24

Sự kiện, danh hiệu, giải thưởng
nổi bật trong năm



Ông NGUYỄN SINH KHANG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THÔNG điệp của Chủ tịch

Kính gửi Quý cổ đông,
Quý đối tác và Quý khách hàng!

Được thành lập từ ngày 20/9/1990, với bề dày kinh nghiệm hơn **30 năm** trong lĩnh vực vận chuyển, tồn chứa và kinh doanh khí, các sản phẩm khí, Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) luôn **tự hào đơn vị dẫn đầu - lá cờ đầu** của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam – Doanh nghiệp chủ lực của ngành Công nghiệp Khí nước nhà.

Năm 2020 là một năm đầy biến động và thách thức; cả thế giới và trong nước, cũng như ngành dầu khí phải chịu tác động kép của dịch bệnh covid 19 và giá dầu suy giảm, thay đổi khó lường. Nhưng năm 2020 cũng là năm hết sức đặc biệt đối với PV GAS – kỷ niệm 30 năm ngày thành lập. PV GAS đã có nhiều hoạt động để cùng nhau nhớ về chặng đường đã qua, những nỗ lực, từng bước làm thay đổi lớn tầm vóc, vị thế của PV GAS cho đến hôm nay. Với phương châm “Đoàn kết - Đổi mới - Chuyên nghiệp - Hành động”, mặc dù trong khó khăn, toàn thể Ban Lãnh đạo và Cán bộ công nhân viên PV GAS đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2020. PV GAS đã hoàn thành vượt mức kế hoạch trên tất cả các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước và thực hiện tốt công tác an sinh xã hội. PV GAS tiếp tục giữ vững vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp khí, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng và lương thực quốc gia với việc cung cấp khí đầu vào để sản xuất gần **20% sản lượng điện, 70% nhu cầu đạm toàn quốc** và đáp ứng trên **65% sản lượng LPG cả nước**. Bên cạnh đó đã tổ chức thành công Đại hội Đại biểu Đảng bộ lần thứ X của PV Gas, hướng tới Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

“

...Với phương châm “Đoàn kết - Đổi mới - Chuyên nghiệp - Hành động”, mặc dù trong khó khăn, toàn thể Ban Lãnh đạo và Cán bộ công nhân viên PV GAS đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2020...

”

Trong năm 2021 cũng như chặng đường phía trước của PV GAS sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức về sự hữu hạn của trữ lượng khí nội địa; về cơ chế chính sách trong lĩnh vực khí; về việc triển khai các dự án lớn, phức tạp, có nhu cầu vốn lớn và các hệ thống khí hoạt động đã lâu, đòi hỏi tăng các chi phí bảo dưỡng sửa chữa,...Mặc dù vậy với sự chỉ đạo và hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ ngành, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; sự phối hợp, hỗ trợ nhịp nhàng, tích cực từ các đơn vị trong và ngoài ngành; sự đồng hành, ủng hộ và tin tưởng của các đối tác, khách hàng và cổ đông; sự nỗ lực, đoàn kết của CBNV; tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh, linh hoạt, đầy sáng tạo trong quản trị điều hành của Ban Lãnh đạo PV GAS, Tôi hoàn toàn tin tưởng PV GAS sẽ hoàn thành xuất sắc các kế hoạch, mục tiêu chiến lược đề ra. Đây là cơ sở để PV GAS trở thành **một thương hiệu uy tín**, được sự tin tưởng của nhiều đối tác, sự ủng hộ của các khách hàng trên thị trường trong và ngoài nước cũng như mang đến những giá trị thiết thực cho tất cả Quý cổ đông, Quý đối tác và Quý khách hàng.

Thay mặt Hội đồng Quản trị PV GAS, Tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng của Quý cổ đông, Quý đối tác và Quý khách hàng đã đồng hành, sát cánh cùng nhau, ủng hộ Chúng tôi trong suốt quá trình hình thành và phát triển của Tổng công ty. Đồng thời mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của quý vị trong thời gian tới, đây là động lực to lớn để khích lệ Chúng tôi hoàn thành các nhiệm vụ trong năm 2021 cũng như chặng đường phía trước.

Kính chúc PV GAS ngày càng phát triển vững mạnh, lập thêm nhiều thành tích mới!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị PV GAS

Nguyễn Sinh Khang

Nguyễn Sinh Khang



THÔNG điệp của Tổng Giám đốc

Kính gửi Quý cổ đông,

Năm 2020 qua đi trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 kéo dài dẫn đến trong nước sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ đều bị tác động nặng nề, nhu cầu nhiên liệu sụt giảm, đặc biệt nhu cầu khí dùng cho sản xuất điện và công nghiệp giảm đáng kể. PV GAS cũng phải tiếp tục đối mặt với những khó khăn, đặc biệt là sự sụt giảm sản lượng của các mỏ khí đang khai thác; giá dầu, giá CP giảm sâu và duy trì mức thấp so với giá kế hoạch; một số dự án lớn có tiến độ sát và phức tạp, quá trình triển khai có nhiều phát sinh phải xử lý, đặc biệt lệnh phong tỏa của các nước do dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đáng kể đến việc huy động nhân sự, vật tư thiết bị để triển khai các dự án. Tất cả những yếu tố đó đã tạo áp lực không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS.

Mặc dù gặp nhiều bất lợi nhưng với phương châm “**Đoàn kết - Đổi mới - Chuyên nghiệp - Hành động**”, Ban Lãnh đạo PV GAS đã cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên luôn đoàn kết, đổi mới trong suy nghĩ và chuyên nghiệp trong hành động, tận dụng tốt các cơ hội, triển khai quyết liệt đồng bộ và hiệu quả 05 nhóm giải pháp (về công tác quản trị, đầu tư, tài chính, thị trường, cơ chế chính sách), cùng với sự hỗ trợ tích cực từ các cấp, đơn vị trong và ngoài ngành, sự phối hợp nhịp nhàng/chặt chẽ các khâu từ thượng nguồn đến hạ nguồn, với các nhà thầu triển khai dự án, đặc biệt là sự chỉ đạo và ủng hộ tích cực từ Tập đoàn, các Bộ ngành/Chính phủ,... PV GAS đã thực hiện thành công nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch với những kết quả đạt được như sau: Tất cả hệ thống/công trình khí của PV GAS vận hành an toàn và hiệu quả, cấp khí liên tục; thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đảm bảo PV GAS không có ca nhiễm bệnh; cung cấp gần 8,7 tỷ m3 khí khô, bằng 94% kế

hoạch; sản xuất và kinh doanh trên 1,9 triệu tấn LPG (trên 1,5 triệu tấn thị trường trong nước; trên 0,4 triệu tấn xuất khẩu và kinh doanh quốc tế), về đích trước kế hoạch 3 tháng; sản xuất và cung cấp trên 58 nghìn tấn condensate, vượt kế hoạch 6%; Các chỉ tiêu tài chính hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 0%-45% (tổng doanh thu trên 65,6 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế gần 10 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế gần 8 nghìn tỷ đồng, đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước và Tập đoàn (4,35 nghìn tỷ đồng)).

Trong năm 2020, PV GAS cũng đã hoàn thành và đưa vào vận hành toàn bộ chuỗi dự án khí Nam Côn Sơn 2 trong tháng 12/2020, đảm bảo tiến độ nhận khí Sao Vàng Đại Nguyệt và góp phần bổ sung đáng kể nguồn cung khí sụt giảm khu vực Đông Nam Bộ.

Với những kết quả trên, **PV GAS thuộc Top đầu các đơn vị có các chỉ số tài chính khả quan trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam** có các chỉ số tài chính tốt: tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 16%, trên vốn điều lệ đạt 41%, nợ phải trả/tổng tài sản 22%; thuộc Top đầu những đơn vị có vốn hóa lớn, có tỷ lệ chia cổ tức hàng năm bằng tiền mặt cao (30%/vốn điều lệ); tiếp tục duy trì cung cấp khí ổn định để sản xuất gần **20% sản lượng điện, 70% đạm, đáp ứng trên 65% thị phần LPG cả nước**. PV GAS lần thứ 8 liên tiếp nhận vinh danh của Forbes Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2020, đứng thứ 7 trong bảng xếp hạng Profit500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2020 do Vietnam Report phối hợp cùng Báo VietnamNet công bố, một trong 124 doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia năm 2020 được Bộ Công Thương công bố.

“

...PV GAS lần thứ 8 liên tiếp nhận vinh danh của Forbes Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2020, đứng thứ 7 trong bảng xếp hạng Profit500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2020...

”

Bước sang năm 2021, dự báo nền kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức, triển vọng tăng trưởng toàn cầu không chắc chắn bởi các biến số khó lường về tình hình dịch bệnh Covid-19, dự báo giá dầu có nhiều biến động và vẫn ở mức thấp. Bên cạnh đó, PV GAS sẽ gặp phải những thách thức không nhỏ khi sản lượng các mỏ khí trong nước đang suy giảm nhanh, mỏ/nguồn mới bổ sung chưa được kịp thời hoặc sản lượng nhỏ, đồng thời hệ thống khí hiện tại qua nhiều năm sử dụng cần bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên hơn, chi phí vận hành, bảo dưỡng sửa chữa ngày càng tăng; số sự cố thiết bị gây gián đoạn cấp khí hoặc dùng cấp khí của phía thượng nguồn ngày một tăng; các quy định liên quan đến công tác đầu tư xây dựng quá phức tạp, việc triển khai gặp nhiều khó khăn vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ các dự án; các nguồn khí mới cũng như các dự án khí mới có giá thành cao, rủi ro lớn,...

Dự kiến PV GAS phải huy động tối đa các nguồn lực hiện có để tháo gỡ và vượt qua các thách thức nêu trên. Tuy nhiên, với tiềm lực vững chắc về cơ sở vật chất, tài sản, tài chính, kinh nghiệm, uy tín, thương hiệu,... và đặc biệt đội ngũ cán bộ lãnh đạo của PV GAS với năng lực quản trị, tinh thần trách nhiệm cao, tác phong làm việc chuyên nghiệp hiện đại, nhạy bén với những diễn biến của thực tế, có tầm nhìn chiến lược lâu dài, kịp thời ban hành các quyết sách hợp lý; và mỗi người lao động của PV GAS luôn nỗ lực làm việc sáng tạo với ý thức kỷ luật cao nhất, tin rằng PV GAS sẽ hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch của năm 2021, đồng thời đạt được những mục tiêu phát triển trong trung và dài hạn, duy trì và giữ vững vị thế là doanh nghiệp chủ lực của ngành công nghiệp khí Việt Nam, phấn đấu vươn ra khu vực và thế giới, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông và các nhà đầu tư.

Thay mặt cho gần 3.000 Cán bộ công nhân viên PV GAS, Ban lãnh đạo PV GAS xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các khách hàng, đối tác và đặc biệt là Quý cổ đông đã luôn hỗ trợ, ủng hộ, đồng hành với PV GAS trong những năm qua và trên hành trình phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Tổng Giám đốc

Dương Mạnh Sơn

30 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

Phát triển PV GAS thành doanh nghiệp **mạnh, bền vững, có sức cạnh tranh cao**, hoạt động hoàn chỉnh trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị khí và sản phẩm khí; giữ vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp khí Việt Nam và tham gia tích cực thị trường quốc tế.

Sứ mệnh

Tối đa hóa lợi ích của quốc gia và đối tác thông qua việc xây dựng và vận hành an toàn, hiệu quả toàn bộ hệ thống thu gom, nhập khẩu, vận chuyển, tồn trữ, chế biến, phân phối khí, các sản phẩm khí và đường ống kết nối với hệ thống khí khu vực; **đảm bảo cung cấp khí, các sản phẩm khí và dịch vụ khí** cho các hộ tiêu thụ trên toàn quốc, đồng thời mở rộng ra thị trường quốc tế.

Giá trị cốt lõi

- **An toàn** là vấn đề sống còn;
- **Phát triển bền vững** cùng cộng đồng xã hội và môi trường thân thiện;
- **Đề cao tính trách nhiệm** với nhân viên, khách hàng, nhà đầu tư và đối tác;
- **Tính chuyên nghiệp**: Thành thạo công việc, năng động, sáng tạo và hiệu quả;
- **Tính liên kết**: Thống nhất, khả năng làm việc theo nhóm, phối hợp giữa các bộ phận trong PV GAS;
- **Tính hội nhập**: Toàn cầu hóa;
- **Tính trung thành**: Trung thành với lợi ích PV GAS và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- **Tính quyết liệt**: Tự tin, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển của PV GAS;
- **Yếu tố con người**: Tôn trọng, phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người;
- **Tính truyền thống**: Phát huy truyền thống của “Những người đi tìm lửa”.

Lĩnh vực kinh doanh, sản phẩm, đối tác



◆ Lĩnh vực kinh doanh

Thu gom, vận chuyển, tàng trữ, chế biến khí và sản phẩm khí;

Tổ chức phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí khô, LNG, CNG, LPG, Condensate; nạp LPG vào chai, xe bồn; kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí; kinh doanh dịch vụ cảng, kho, bãi,...;

Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng đồng bộ, thống nhất trong toàn PV GAS từ khâu nguồn cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ trên phạm vi cả nước và ở nước ngoài;

Tiêu thụ LPG từ các nhà máy lọc hóa dầu và các nguồn khác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình khí;

Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí;

Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông, lâm, ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí; dịch vụ vận tải của các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí;

Xuất, nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, khí lỏng, Condensate;

Nhập khẩu vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí;

Tham gia đầu tư các dự án khí thượng nguồn nhằm tăng tính chủ động và hiệu quả cho hoạt động chế biến và kinh doanh sản phẩm khí;

Đầu tư tài chính vào các công ty bên ngoài;

Đầu tư mua, bán, chuyển nhượng, đàm phán, ký các hợp đồng, dự án, tài sản, công trình khí;

Mua các công ty khí quốc tế khác để trở thành công ty thành viên của PV GAS; bán các công ty con khi cần thiết;

Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện, công trình khí hoặc liên quan đến khí;

Các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm và phù hợp với định hướng, điều phối của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.



◆ Sản phẩm và dịch vụ chính

Sản phẩm

Khí khô, khí ẩm, LPG, Condensate, KTA, CNG;
LNG: Đang phát triển.

Dịch vụ

Vận chuyển khí và các sản phẩm khí;
Sản xuất ống thép và bọc ống.

◆ Khách hàng và các đối tác của PV GAS

Hiện nay, PV GAS đang cung ứng ra thị trường 3 loại sản phẩm chính: Khí khô, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và condensate. Ngoài ra, PV GAS còn có sản phẩm từ khí khô là khí thiên nhiên nén (CNG) hiện nay và khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) trong tương lai. Các sản phẩm của PV GAS được cung cấp cho các khách hàng khác nhau và có đặc thù sử dụng riêng.

Khách hàng của khí khô

Các nhà máy điện là khách hàng tiêu thụ chính, chiếm tới 80% tổng sản lượng khí, tiếp theo là các nhà máy đạm với 11% và 9% sản lượng khí được cung cấp cho các khách hàng công nghiệp.

Khu vực Đông Nam Bộ: Khí thiên nhiên từ các mỏ thuộc bể Cửu Long và Nam Côn Sơn được thu gom, vận chuyển và xử lý tại nhà máy xử lý khí Dinh Cố và nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn để tách thành các sản phẩm khí. Khí khô sau khi qua các nhà máy xử lý khí sẽ được vận chuyển bằng đường ống cung cấp cho các khách hàng tiêu thụ tại Bà Rịa, Phú Mỹ, Nhơn Trạch và Hiệp Phước (TP. Hồ Chí Minh), gồm:

- Các nhà máy điện:

Bà Rịa	350MW
Phú Mỹ 1	1090MW
Phú Mỹ 2.1	884MW
Phú Mỹ 4	450MW
Phú Mỹ 2.2	720MW
Phú Mỹ 3	720MW
Nhơn Trạch 1	450MW
Nhơn Trạch 2	750MW
Hiệp Phước 1	375 MW

- Nhà máy đạm

- Khách hàng công nghiệp:

Khu vực Tây Nam Bộ: Khí thiên nhiên từ các mỏ thuộc bể Malay – Thổ Chu được vận chuyển bằng đường ống đến cung cấp cho 2 nhà máy điện Cà Mau với tổng công suất 1500 MW và nhà máy Đạm Cà Mau.



Khách hàng của khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)

PV GAS đang đóng vai trò là nhà sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh LPG hàng đầu Việt Nam, chiếm trên 65% thị phần bán buôn LPG.

Các nguồn cung cấp LPG:

- LPG từ nhà máy xử lý khí Dinh Cố được sản xuất từ khí thiên nhiên bắt nguồn từ các mỏ khí thuộc bể Cửu Long;
- LPG mua từ nhà máy lọc dầu Dung Quất;
- LPG từ nguồn nhập khẩu từ Trung Đông và các nước lân cận như Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan, Singapore, Indonesia...;
- LPG được bán buôn dưới hình thức xe bồn, tàu vận chuyển tới các kho chứa của khách hàng.

Mạng lưới kinh doanh LPG bán lẻ bao phủ rộng khắp trong cả nước được giao cho các đơn vị thành viên của PV GAS là Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam (LPG Việt Nam) và Công ty Cổ phần kinh doanh Khí miền Nam (PV GAS South). Các đơn vị này phát triển mạng lưới phân phối bán lẻ thông qua các đại lý để phát triển thương hiệu PetroVietnam Gas. LPG được bán lẻ dưới hình thức bình 12kg và 45kg cho các đối tượng khách hàng dân dụng và thương mại.

Khách hàng của khí thiên nhiên nén (CNG)

Sản phẩm CNG bắt đầu tham gia thị trường khí vào năm 2008, đã được thị trường chấp nhận do giá bán cạnh tranh với các loại nhiên liệu truyền thống như xăng, dầu, LPG... Các khách hàng hiện đang sử dụng CNG là các hộ công nghiệp sản xuất gạch men, sắt thép, gốm sứ... nằm xa tuyến ống dẫn khí của PV GAS. Trong tương lai, sản phẩm CNG sẽ hướng đến thị trường miền Trung trên cơ sở nguồn khí tại chỗ. Hiện nay, ba đơn vị phụ trách việc kinh doanh phân phối CNG là Công ty CP CNG Việt Nam, PV GAS South và LPG Việt Nam.

Ngoài ra, CNG còn được sử dụng trong giao thông vận tải để thay thế các nhiên liệu truyền thống như xăng, dầu. Hiện nay có 100 xe bus chạy CNG đang hoạt động trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

CNG có đặc điểm là nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường và có xu thế được sử dụng rộng rãi trên thế giới.



Khách hàng của khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)

LNG là khí thiên nhiên hóa lỏng ở -162 độ C, dự kiến được nhập khẩu và phân phối tại Việt Nam từ 2022 hướng đến khách hàng mục tiêu là các nhà máy điện và khách hàng công nghiệp tại khu vực Đông Nam Bộ và Bình Thuận.

LNG nhập khẩu sẽ được phân phối đến các khách hàng tiêu thụ theo 2 phương thức:

- **Đường ống:** LNG được tái hóa khí và bơm vào đường ống để cung cấp cho khách hàng tiêu thụ;
- **Xe bồn/ trạm LNG vệ tinh:** Vận chuyển bằng xe bồn đến khách hàng xa hệ thống đường ống, tồn chứa tại các kho vệ tinh để tái hóa khí và cung cấp cho khách hàng tiêu thụ.

Từ năm 2022-2023, LNG sẽ được cung cấp làm nhiên liệu cho 2 nhà máy điện là Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 tại Đồng Nai và 2 nhà máy điện Sơn Mỹ 1 và Sơn Mỹ 2 tại Bình Thuận.

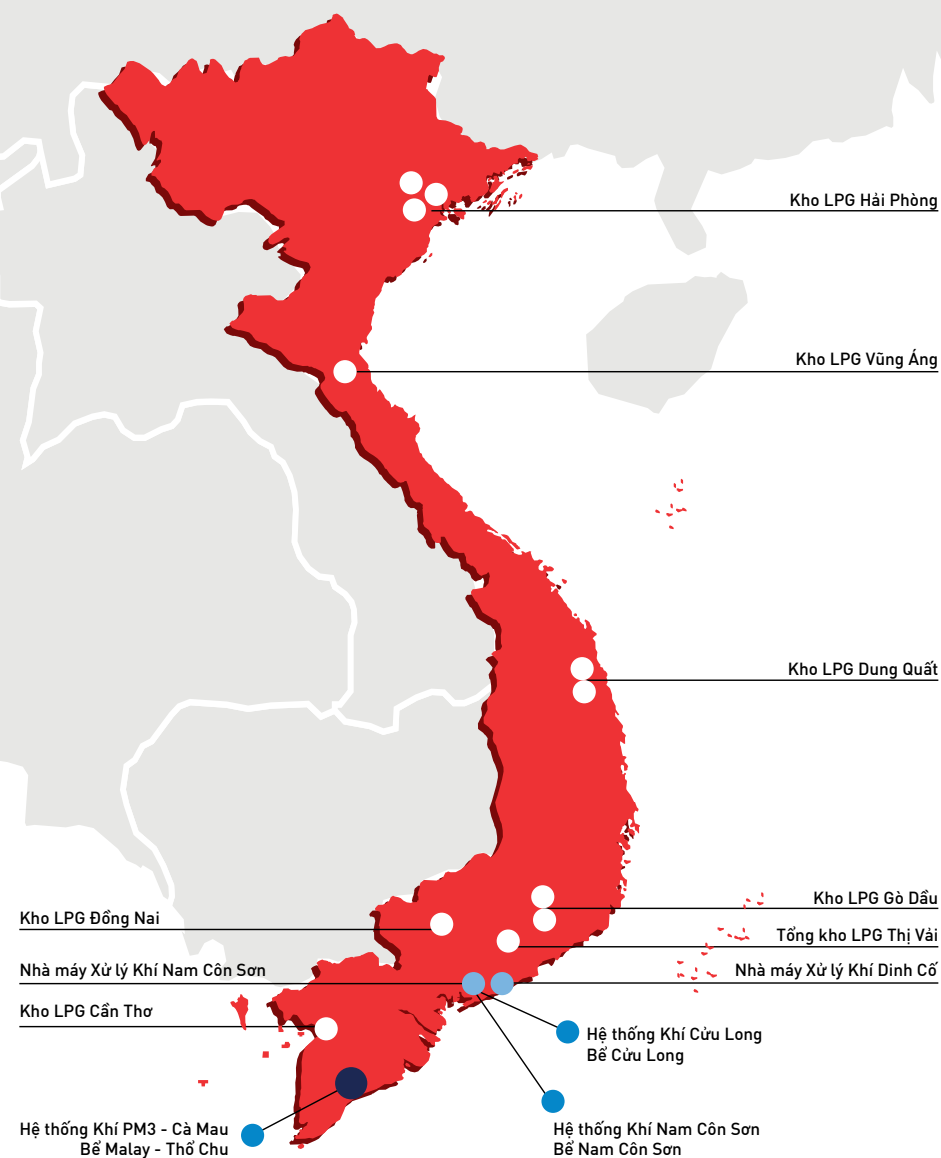
Khách hàng của condensate

Condensate là sản phẩm thu được từ khí ẩm được khai thác từ các mỏ dầu khí thuộc bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn, được sử dụng chủ yếu cho việc chế biến xăng thành phẩm đóng góp một phần vào việc đảm bảo nguồn cung cấp xăng trong nước.

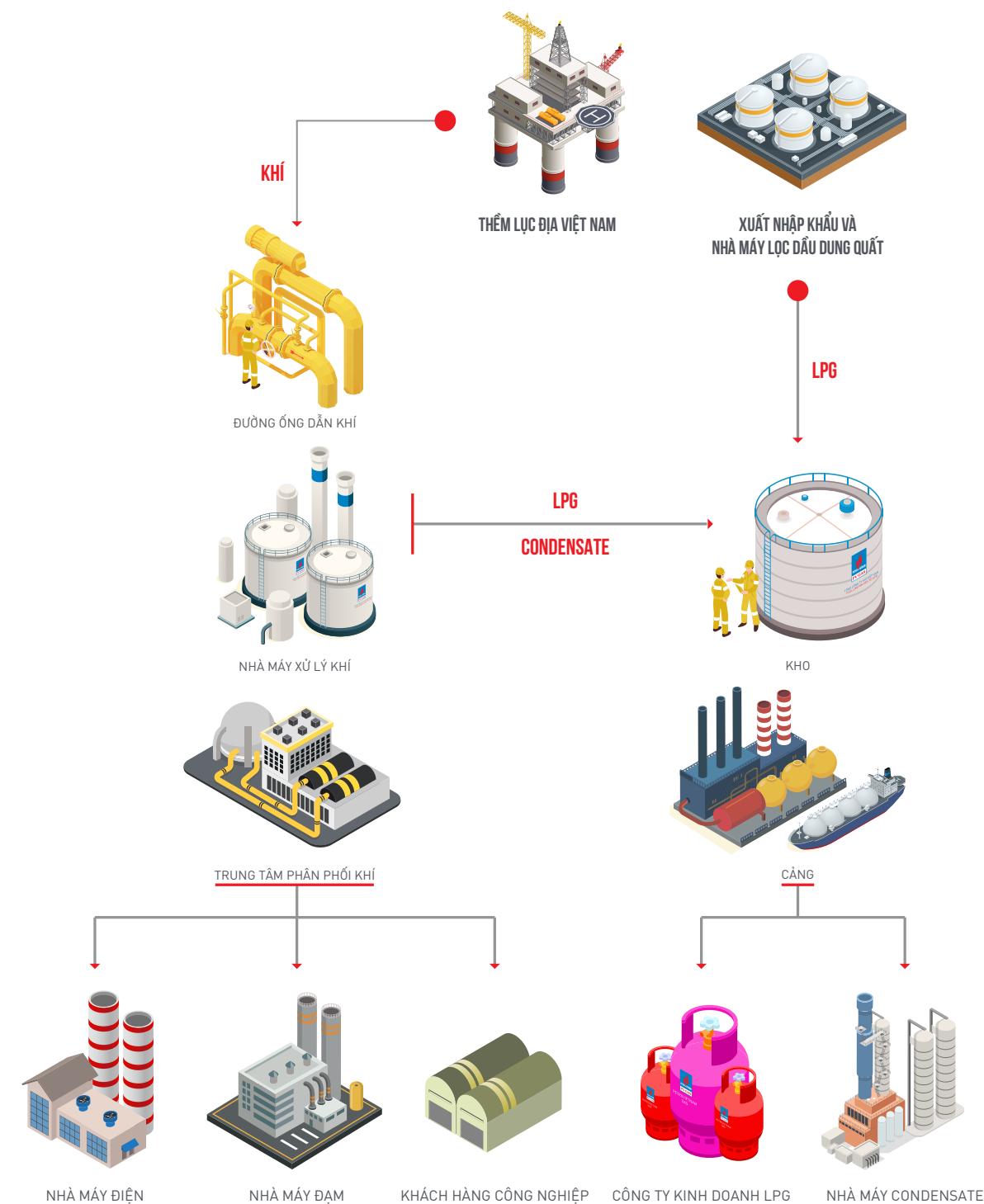


♦ Địa bàn kinh doanh

Trải rộng khắp cả nước, tập trung các công trình tại Thái Bình, TP. HCM, Vũng Tàu, Cà Mau



Sơ đồ CHUỖI CUNG ỨNG



30
NĂM

DẤU ẤN TĂNG TRƯỞNG

1990 09/ Thành lập Công ty Khí đốt với nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, kinh doanh khí và các sản phẩm khí.

1995 04/ Dòng khí đầu tiên từ bể Cửu Long được đưa vào bờ cung cấp cho hệ tiêu thụ khu vực Đông Nam Bộ.

1998 10/ LPG & Condensate lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam.

2002 12/ Dòng khí đầu tiên từ bể Nam Côn Sơn được đưa vào bờ cung cấp cho hệ tiêu thụ khu vực Đông Nam Bộ.

2003 11/ Mạng cấp khí thấp áp đầu tiên hoàn thành.

2007 05/ Dòng khí đầu tiên từ mỏ PM3 - 46 Cái Nước được đưa vào bờ cung cấp cho hệ tiêu thụ khu vực Tây Nam Bộ.

2007 07/ Trở thành Tổng công ty Khí, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

2011 05/ Trở thành Công ty cổ phần, vốn điều lệ: 18.950 tỷ đồng.

2012 05/ Niêm yết và giao dịch ngày đầu tiên cổ phiếu của PV GAS trên sàn chứng khoán TP. HCM.

2015 08/ Dòng khí đầu tiên từ bể Sông Hồng được đưa vào bờ cung cấp cho hệ tiêu thụ khu vực Bắc Bộ.

2016 01/ Tăng vốn điều lệ lên 19.139,5 tỷ đồng.

2018 Nhà máy xử lý khí Cà Mau đi vào hoạt động, góp phần gia tăng giá trị khí từ nguồn PM3.

2020 12/ Chuỗi DA NCS2 đi vào vận hành (GD2 NCS2 điều chỉnh; SV-ĐN; cải hoán GPP Dinh Cố để tiếp nhận khí NCS2 điều chỉnh - GD2), góp phần bổ sung đáng kể nguồn khí sụt giảm khu vực ĐNB.

Các mốc sự kiện lịch sử

SỰ KIỆN, DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT TRONG NĂM



Sự kiện nổi bật trong năm 2020



Tổ chức thành công Đại hội Đại biểu Đảng bộ PV GAS lần thứ X, nhiệm kỳ 2020 - 2025; kỷ niệm 30 năm ngày thành lập PV GAS (20/09/1990-20/09/2020).



Vận hành an toàn, hiệu quả các công trình khí, không để bất kỳ sự cố gây mất an toàn nào xảy ra.



Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch tất cả các chỉ tiêu tài chính trong điều kiện không thuận lợi, ảnh hưởng của giá dầu giảm sâu.



Hoàn thành xây dựng lắp đặt và đưa chuỗi dự án NCS 2 vào vận hành (GD2 NCS2 điều chỉnh; SV-ĐN; cải hoán GPP Dinh Cố để tiếp nhận khí NCS2 điều chỉnh - GD2) trong điều kiện gặp nhiều bất lợi, góp phần bổ sung đáng kể nguồn khí sụt giảm khu vực ĐNB.



Được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước đánh giá cao:

- **Lần thứ 8 liên tiếp** nhận vinh danh của Forbes **Top 50 công ty niêm yết tốt nhất VN** năm 2020;
- **Đứng thứ 7** trong bảng xếp hạng **Profit500 DN lợi nhuận tốt nhất VN** năm 2020 do Vietnam Report phối hợp cùng Báo VietnamNet đã công bố;
- **Một trong 124 DN** có sản phẩm đạt **thương hiệu quốc gia năm 2020** được BCT công bố.



Thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đảm bảo PV GAS không có ca nghi nhiễm Covid-19, góp phần quan trọng trong việc thực hiện thành công nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.



Các danh hiệu, giải thưởng đạt được trong năm 2020

- 01 Đứng thứ

07

Top 500 DN lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2020
- 02 Một trong

124

doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia năm 2020
- 03 Đứng thứ

05

Top 20 doanh nghiệp vốn hóa lớn nhất thị trường Việt Nam
- 04 Lần thứ

08

liên tiếp nhận Vinh danh của Forbes “Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2020”
- 05 Tiếp tục lọt Bảng xếp hạng

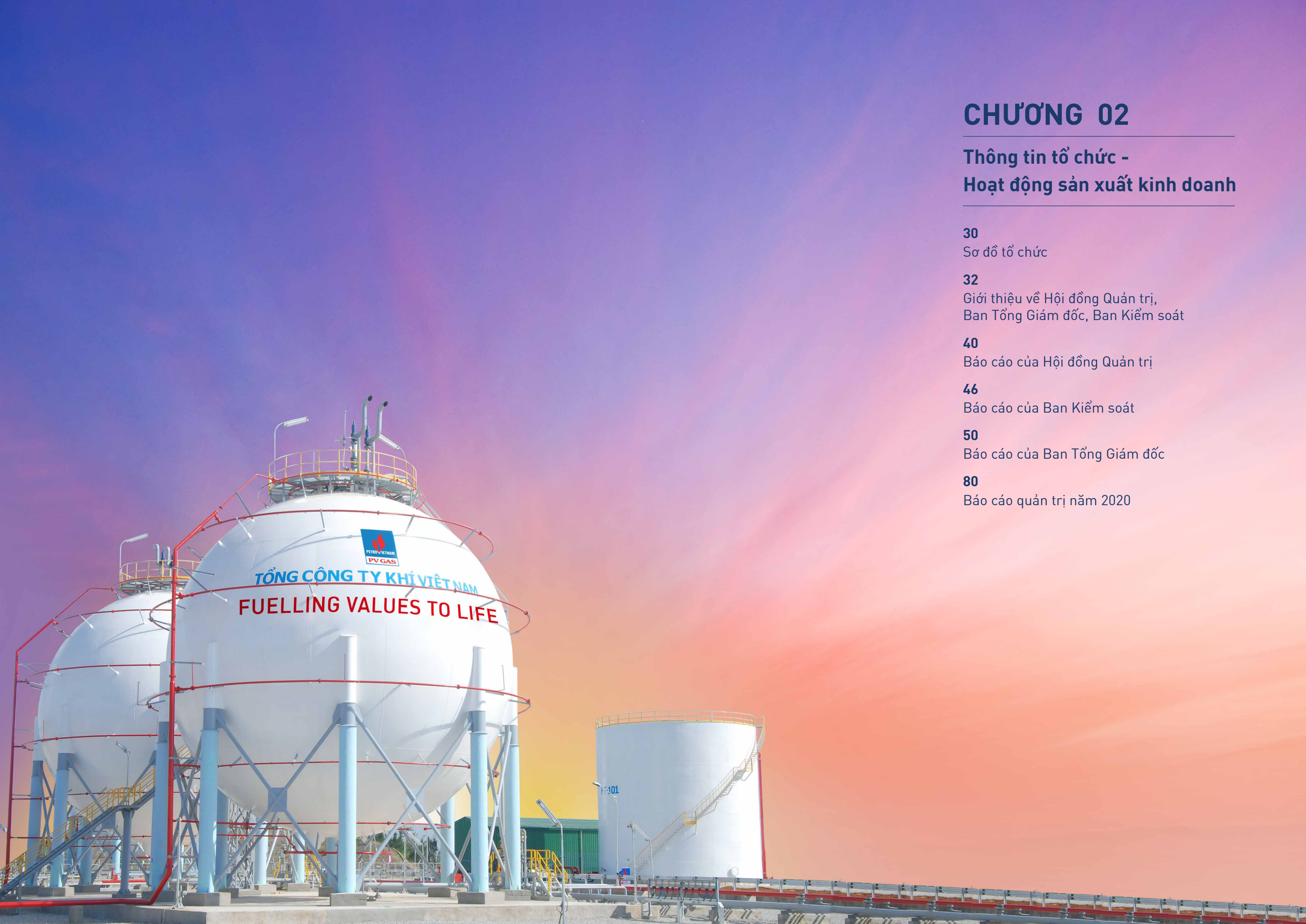
VNR500

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2020
- 06 Nhận tôn vinh

50

Công ty Kinh doanh Hiệu quả nhất Việt Nam 2019





CHƯƠNG 02

Thông tin tổ chức - Hoạt động sản xuất kinh doanh

30

Sơ đồ tổ chức

32

Giới thiệu về Hội đồng Quản trị,
Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

40

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

46

Báo cáo của Ban Kiểm soát

50

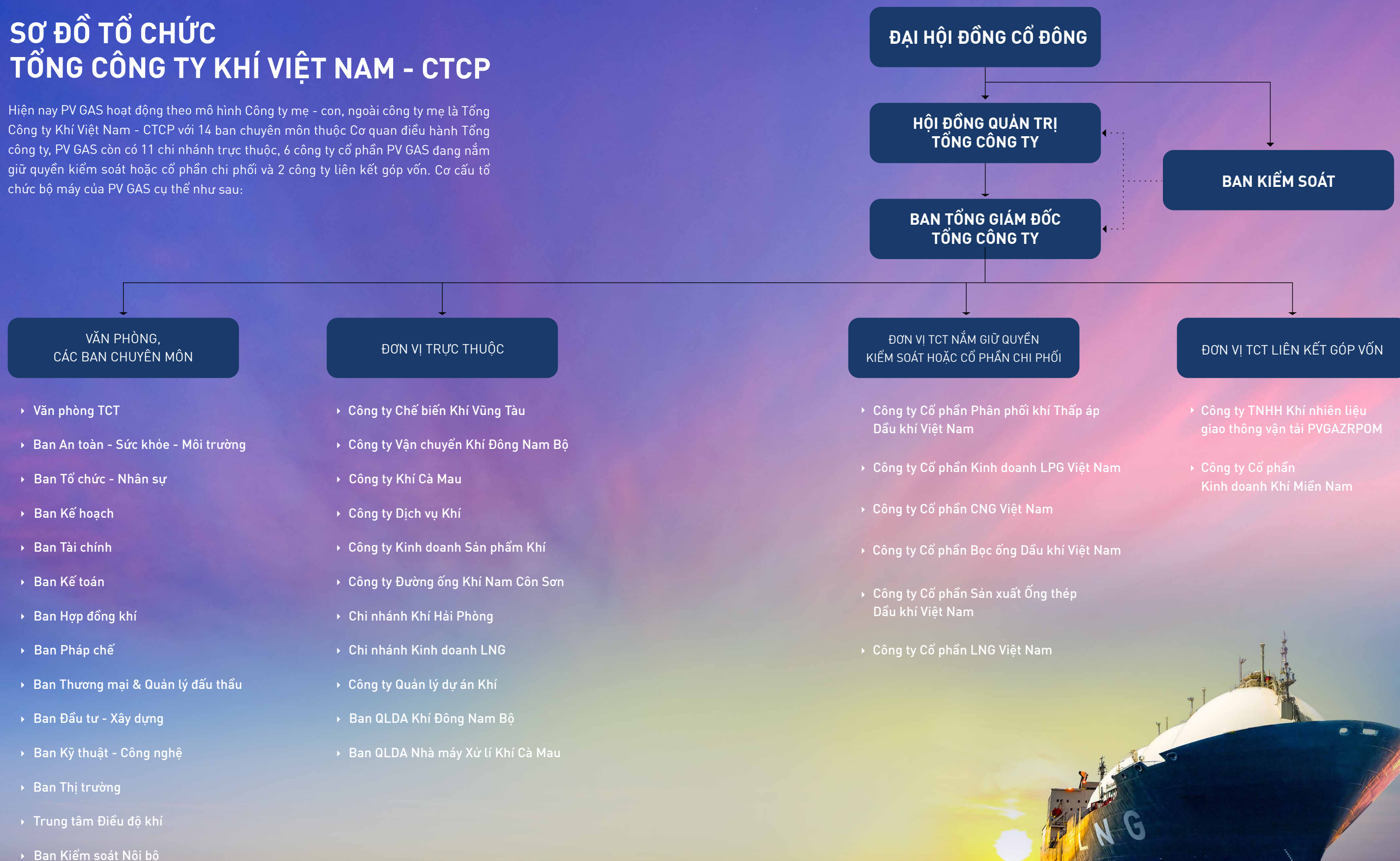
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

80

Báo cáo quản trị năm 2020

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

Hiện nay PV GAS hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con, ngoài công ty mẹ là Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP với 14 ban chuyên môn thuộc Cơ quan điều hành Tổng công ty, PV GAS còn có 11 chi nhánh trực thuộc, 6 công ty cổ phần PV GAS đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối và 2 công ty liên kết góp vốn. Cơ cấu tổ chức bộ máy của PV GAS cụ thể như sau:



GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị



Ông Nguyễn Sinh Khang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quá trình công tác:

09/1978	Sinh viên khoa Vô tuyến điện tử,
11/1983	Đại học Kỹ thuật Quân sự;
12/1983	Công tác tại Trung đoàn thông
03/1990	tin 23, Bộ Tư lệnh Quân khu 7;
03/1990	Công tác tại phòng Kế hoạch,
02/1996	Sở Công nghiệp tỉnh Bà Rịa
	Vũng Tàu;
03/1996	Công tác tại phòng Kế hoạch
12/2006	Tổng hợp, Công ty Thương mại
	Dầu khí (Petechim);
12/2006	Thành viên HĐQT, Phó Tổng
04/2008	Giám đốc, Công ty Chế biến và
	Kinh doanh sản phẩm dầu mỏ
	(PDC);
04/2008	Chủ tịch HĐQT, Công ty Chế
06/2008	biến và Kinh doanh sản phẩm
	dầu mỏ (PDC);
06/2008	Chủ tịch HĐQT, Tổng công ty
03/2010	Dầu Việt Nam (PV OIL);
03/2010	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn
12/2018	Dầu khí Việt Nam;
12/2018	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
đến nay	PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Điện tử- Viễn thông;
- Cử nhân Quản trị kinh doanh;
- Thạc sỹ Kỹ thuật.



Ông Dương Mạnh Sơn
Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

05/1992	Công tác tại Nhà máy sửa chữa
03/1994	tàu biển Phà Rừng, Hải Phòng;
03/1994	Công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp
05/1995	xây lắp Dầu khí;
05/1995	Công tác tại Công ty Thiết kế và
06/1999	Xây dựng Dầu Khí;
06/1999	Công tác tại Công ty đăng kiểm
04/2002	Lloyd's Register of Shipping,
	Vương quốc Anh;
04/2002	Phó phòng, Phụ trách Phòng,
10/2006	Trưởng phòng Kỹ thuật sản
	xuất PV GAS;
10/2006	Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh
06/2007	Khí Thấp áp (nay là Công ty Cổ
	phần phân phối Khí Thấp áp),
	PV GAS;
10/2007	Trưởng ban xây dựng, PV GAS;
02/2009	
02/2009	Phó Tổng Giám đốc PV GAS;
08/2013	
08/2013	Phó Tổng Giám đốc thường
05/2015	trục PV GAS;
05/2015	Thành viên Hội đồng Quản trị,
đến nay	Tổng Giám đốc PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư công nghệ hàn;
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



Ông Phan Quốc Nghĩa
Thành viên Hội đồng Quản trị

Quá trình công tác:

06/1990	Công tác tại Công ty liên doanh
04/1999	Coats Total Phong Phú;
04/1999	Tổng Công ty Dầu Khí Việt
12/2000	Nam tiếp nhận và cử đi học tại
	Viện Công nghệ Châu Á (AIT),
	Thái Lan;
04/2001	Kỹ sư; Phó phòng; Trưởng
11/2007	phòng Nam Côn Sơn, PV GAS;
11/2007	Trưởng Ban Kinh tế thị trường
02/2009	PV GAS;
02/2009	Thành viên HĐQT PV GAS;
04/2011	
04/2011	Thành viên Hội đồng Quản trị
đến nay	PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư cơ khí;
- Cử nhân Anh ngữ;
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
- Thạc sỹ kỹ thuật.



Bà Võ Thị Thanh Ngọc
Thành viên Hội đồng Quản trị

Quá trình công tác:

07/1997	Giáo viên, Trường Đào tạo nhân
10/2002	lực Dầu khí (PVTMC);
11/2002	Chuyên viên, Phòng Thương
07/2006	mại, Công ty Dịch vụ kỹ thuật
	Dầu khí (PTSC);
08/2006	Điều phối viên, Trường Sơn
06/2007	JOC, Công ty Thăm dò và Khai
	thác Dầu khí (PVEP);
07/2007	Chuyên viên, Ban Chế biến Dầu
12/2007	khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
01/2008	Phó trưởng Ban Chế biến Dầu
11/2010	khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
11/2010	Phó Tổng Giám đốc, Công ty Liên
10/2015	doanh Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn;
10/2015	Thành viên Hội đồng Quản trị
đến nay	PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Công nghệ Hóa dầu;
- Thạc sỹ Kỹ thuật hóa học ứng dụng;
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



Ông Đỗ Đông Nguyên
Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Quá trình công tác:

10/1996	Kỹ sư, Ban Quản lý dự án Khí
07/2000	Vũng Tàu;
08/2000	Chuyên viên, Ban Khí, Tổng
08/2006	Công ty Dầu khí Việt Nam;
07/2006	Chuyên viên, Ban Xây dựng, Tập
02/2009	đoàn Dầu khí Việt Nam;
03/2009	Phó Trưởng ban, Ban Khí, Tập
03/2011	đoàn Dầu khí Việt Nam;
04/2011	Trưởng ban, Ban Khí, Tập đoàn
04/2018	Dầu khí Việt Nam;
04/2018	Thành viên độc lập Hội đồng
đến nay	Quản trị PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Công nghệ Hóa dầu;
- Thạc sỹ kỹ thuật Hóa dầu.



Ông Trương Hồng Sơn
Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Quá trình công tác:

02/1993	Chuyên viên tập sự, Công ty
03/1993	Petrovietnam 1, Tổng Công ty
	Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam;
03/1993	Chuyên viên/Phó phòng/Trưởng
04/2003	phòng, Công ty Đầu tư – Phát
	triển Dầu khí (PIDC), Tổng Công
	ty Dầu khí Việt Nam;
04/2003	Chánh Văn phòng, Công ty
07/2005	Thăm dò Khai thác Dầu khí
	(PVEP);
07/2005	Phó Trưởng Ban Luật, Tập đoàn
10/2007	Dầu khí Việt Nam;
10/2007	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công
03/2018	ty Thăm dò Khai thác Dầu khí
	(PVEP);
03/2018	Trưởng Ban Pháp chế và Kiểm
03/2019	tra, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
04/2019	Thành viên độc lập Hội đồng
đến nay	Quản trị PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Luật.

Ban Kiểm soát



Ông **Mai Hữu Ngân**
Trưởng Ban Kiểm soát

Quá trình công tác:

05/1988	Kế toán tổng hợp, Xí nghiệp thi công cơ giới, Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam);
11/1991	Kế toán tổng hợp, Phụ trách
12/2003	kế toán, Xí nghiệp dịch vụ cung ứng vật tư hàng hóa, Công ty Dịch vụ - Du lịch Dầu khí (nay là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí);
12/2002	Trưởng phòng kế toán Xí nghiệp Vận chuyển Khí (nay là Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ), PV GAS;
08/2007	Kế toán trưởng PV GAS;
01/2016	
01/2016	Trưởng Ban Kiểm soát PV GAS.
05/2020	

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kế toán.



Bà **Trần Thị Hoàng Anh**
Trưởng Ban Kiểm soát

Quá trình công tác:

10/1993	Chuyên viên Phòng Tài chính –
04/1997	Kế toán PV GAS;
05/1997	Chuyên viên, Ban quản lý dự án tuyển ống và kho cảng, PV GAS;
04/2002	Chuyên viên, Ban Nam Côn Sơn, PV GAS;
11/2002	
12/2002	Phó phòng Kế toán, Xí nghiệp
06/2006	chế biến khí, PV GAS;
06/2006	Trưởng phòng Kế toán, Xí nghiệp
05/2007	chế biến khí, PV GAS;
05/2007	Trưởng phòng Kế toán, Công ty
11/2007	Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ, PV GAS;
11/2007	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ
10/2009	PV GAS;
10/2009	Phó Ban Kế toán – Kiểm toán
12/2010	PV GAS;
01/2011	Phó Ban Tài chính PV GAS;
05/2016	
05/2016	Phó Ban Kế toán PV GAS;
05/2020	
05/2020	Trưởng Ban Kiểm soát PV GAS.
đến nay	

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kế toán;
- Chứng chỉ đào tạo kiểm toán viên.



Ông **Nguyễn Công Minh**
Kiểm soát viên

Quá trình công tác:

08/1985	Học viên sỹ quan, C56A, D2,
08/1988	Trường sỹ quan tài chính, Bộ Quốc Phòng;
09/1988	Trợ lý Ban Tài chính, Trưởng
04/2003	ban HC-KD-DV, Trưởng ban Tài chính Trung tâm TĐTT QP II, Bộ tham mưu quân khu 7;
05/2003	Trưởng ban Tài chính Trường
03/2005	dạy nghề số 7;
04/2005	Giám đốc Trung tâm dạy nghề
11/2009	Thái Sơn, Cán bộ phòng chính trị, Công ty Thái Sơn/Trung Tâm Nhiệt đới Việt Nga, Bộ Quốc phòng;
12/2009	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP
07/2011	Thủy sản Sài Gòn Cao Lãnh, Tổng Công ty Thái Sơn/Trung Tâm Nhiệt đới Việt Nga, Bộ Quốc phòng;
08/2011	Phó phòng, Trưởng phòng kế
03/2016	toán, Ban Quản lý dự án Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau, PV GAS;
04/2016	Kiểm soát viên PV GAS.
đến nay	

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kế toán
- Chứng chỉ đào tạo kiểm toán viên



Bà **Hồ Thị Ái Thanh**
Kiểm soát viên

Quá trình công tác:

04/1999	Chuyên viên Phòng Tài chính
08/2007	- kế toán PV GAS;
09/2007	Kiểm soát viên chuyên trách
04/2011	PV GAS;
04/2011	Kiểm soát viên PV GAS.
đến nay	

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân tài chính;
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
- Chứng chỉ đào tạo kiểm toán viên.

Ban Tổng Giám đốc



Ông Dương Mạnh Sơn
Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

05/1992	Công tác tại Nhà máy sửa chữa tàu biển Phà Rừng, Hải Phòng;
03/1994	Công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp xây lắp Dầu khí;
03/1994	Công tác tại Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu Khí;
05/1995	Công tác tại Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu Khí;
06/1999	Công tác tại Công ty đăng kiểm Lloyd's Register of Shipping, Vương quốc Anh;
04/2002	Phó phòng, Phụ trách Phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất PV GAS;
10/2006	Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh Khí Thấp áp (nay là Công ty Cổ phần phân phối Khí Thấp áp), PV GAS;
10/2007	Trưởng ban xây dựng, PV GAS;
02/2009	Phó Tổng Giám đốc PV GAS;
08/2013	Phó Tổng Giám đốc thường trực PV GAS;
05/2015	Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư công nghệ hàn;
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



Ông Nguyễn Thanh Bình
Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

10/2000	Chuyên viên xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập Khẩu Thương mại và Du lịch Sovilaco, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.
03/2001	
06/2001	Học viên cao học Trường Đại học Monash, Tp. Melbourne, Bang Victoria, Australia.
09/2003	
10/2003	Chuyên viên/Trợ lý/Phó Ban/Trưởng Ban, Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí (PV Trans).
09/2009	
10/2009	Trưởng Ban Nhập khẩu và Phát triển thị trường, PV GAS.
03/2015	Giám đốc Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí, PV GAS.
07/2019	Phó Tổng giám đốc PV GAS.
đến nay	

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Quản trị kinh doanh ngoại thương.
- Thạc sỹ Kinh doanh Quốc tế.



Ông Nguyễn Thanh Nghị
Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

12/1979	Công tác tại Trường tập huấn, Bộ tư lệnh Không quân;
03/1980	
03/1980	Học viên Trường trung cấp kinh tế, Bộ Cơ khí và luyện kim;
04/1982	Công tác tại Nhà máy A41 Không quân, Sân bay Tân Sơn Nhất;
07/1993	Công tác tại Công ty Bảo hiểm Bà Rịa - Vũng Tàu, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt);
05/1996	
05/1996	Công tác tại một số đơn vị thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI);
06/2008	
06/2008	Phó Tổng Giám đốc PVI;
07/2009	
07/2009	Phó Tổng Giám đốc PV GAS.
đến nay	

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế kế hoạch;
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



Ông Hoàng Văn Quang
Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

07/1994	Kỹ thuật viên khai thác, Công ty Dầu khí BHP;
1996	
1997	Trưởng ca khai thác, Công ty Petronas Carigali;
1999	
1999	Trưởng ca khai thác, Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro;
2001	
2002	Đốc công khai thác, Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro;
2004	
2005	Giàn phó sản xuất Giàn Đại Hùng, Công ty Dầu khí Đại Hùng, Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Việt Nam (PVEP);
2006	
2007	Giàn trưởng Giàn Đại Hùng, Công ty Dầu khí Đại Hùng, PVEP;
2010	
03/2010	Quyển Giám đốc Công ty Dịch vụ Khí;
09/2010	
10/2010	Giám đốc Công ty Dịch vụ Khí;
11/2019	
12/2019	Giám đốc Công ty Dịch vụ Khí kiêm Giám đốc Chi nhánh Khí Hải Phòng;
02/2020	
02/2020	Phó Tổng Giám đốc PV GAS kiêm Giám đốc Chi nhánh Khí Hải Phòng thuộc PV GAS.
đến nay	

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư cơ khí Chế tạo máy.



Ông Huỳnh Quang Hải
Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

10/1997	Cán bộ kỹ thuật Phòng Kinh tế Kỹ thuật, Công ty Thiết kế và xây dựng Dầu khí (PVECC);
11/2001	
12/2001	Chỉ huy trưởng công trường Dự án Trung tâm phân phối khí Phú Mỹ - hạng mục: chế tạo lắp đặt ống công nghệ và thiết bị;
06/2002	
07/2002	Phó phòng Kinh tế Kỹ thuật, Xí nghiệp xây lắp đường ống bể chứa;
11/2002	
12/2002	Chỉ huy trưởng công trường Dự án CPP3 - hạng mục: chế tạo và lắp đặt cầu dẫn số 2, số 4;
06/2003	
07/2003	Chỉ huy trưởng công trường Dự án tuyến ống dẫn khí Thấp áp Phú Mỹ - Gò Dầu;
02/2004	
03/2004	Phó phụ trách phòng Kinh tế Kỹ thuật, Xí nghiệp Xây lắp Đường ống Bể chứa;
06/2004	
07/2004	Chỉ huy trưởng công trình mở rộng xưởng lên men Nhà máy bột ngọt Vedan;
12/2004	
03/2005	Kỹ sư, Phòng Kỹ thuật - Sản xuất, PV GAS;
07/2007	
07/2007	Phó phòng Kỹ thuật - Sản xuất, PV GAS;
10/2007	
10/2007	Phó Ban Xây dựng, PV GAS;
06/2008	
08/2008	Phó Giám đốc Công ty Tư vấn Quản lý dự án Khí, PV GAS;
06/2011	
06/2011	Phó Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ, PV GAS;
06/2011	
06/2011	Phó giám đốc Công ty Tư vấn Quản lý dự án Khí, PV GAS;
11/2012	
11/2012	Quyển Giám đốc Công ty Tư vấn Quản lý dự án Khí, PV GAS;
01/2013	
01/2013	Giám đốc Công ty Quản lý dự án Khí, PV GAS;
08/2015	
08/2015	Trưởng Ban Quản lý Dự án Nhà máy xử lý Khí Cà Mau, PV GAS;
09/2019	
09/2019	Trưởng Ban Đầu tư - Xây dựng kiêm Trưởng Ban QLDA Nhà máy xử lý Khí Cà Mau, PV GAS;
02/2020	
02/2020	Phó Tổng Giám đốc PV GAS.
đến nay	

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư công nghệ hóa học và thực phẩm.



Ông Phạm Đăng Nam
Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

07/1993	Cử nhân kinh tế, Phòng Tài chính kế toán Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro;
10/1999	
11/1999	Phó trưởng Phòng Tài chính tín dụng Công ty liên doanh Nhà máy lọc dầu Việt - Nga (Vietross);
03/2003	
03/2003	Phó trưởng phòng, phụ trách Phòng Thương mại Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN);
11/2003	
11/2003	Chuyên viên Ban Tài chính - Kế toán Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN);
04/2004	
04/2004	Phó ban; Trưởng ban Thương mại thị trường Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo);
03/2009	
04/2009	Ủy viên Hội đồng Quản trị PVFCCo. Từ 09/2008 - 03/2010 kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Miền Bắc (thuộc PVFCCo);
02/2010	
03/2010	Ủy viên Hội đồng Quản trị PVFCCo kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu Khí Tây Nam Bộ (thuộc PVFCCo);
01/2011	
02/2011	Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn;
02/2014	
02/2014	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần vận tải Dầu khí (PVTrans);
09/2014	
10/2014	Phó Tổng Giám đốc PV GAS.
đến nay	

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kinh tế công nghiệp;
- Cử nhân kinh tế chính trị;
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



Ông Nguyễn Quốc Huy
Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

09/1994	Chuyên viên phòng công nghệ khí và Trung tâm vận hành khí, PV GAS;
01/1997	Trưởng Phòng kỹ thuật – Trung tâm vận hành khí, PV GAS;
12/2001	Trưởng Phòng kỹ thuật Trung tâm vận hành, kiêm Phó quản đốc Kho cảng Thị Vải, PV GAS;
08/2002	Phó Giám đốc Trung tâm vận hành, kiêm Phó Quản đốc Kho cảng Thị Vải, PV GAS;
10/2002	Phó Giám đốc Xí nghiệp Chế biến khí, kiêm Quản đốc Kho cảng Thị Vải, PV GAS;
10/2006	Phó Giám đốc Công ty chế biến khí Vũng Tàu, PV GAS;
03/2008	Giám đốc Công ty chế biến khí Vũng Tàu, PV GAS;
01/2010	Phó Tổng Giám đốc PV GAS.
03/2020	

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân khoa học ngành tin học.



Ông Bùi Ngọc Quang
Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

03/1983	Kỹ sư Khoan, Công ty Dầu khí I
07/1989	Thái Bình;
08/1989	Phòng Kỹ thuật, Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí Hà Nội;
10/1991	
11/1991	Trưởng phòng hợp đồng, Công ty liên doanh ADF - Việt Nam;
10/1995	
11/1995	Phó Giám đốc thứ nhất, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Giám đốc thứ nhất Công ty
09/2006	M-I-Việt Nam;
04/2009	Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty
04/2009	Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí;
08/2009	Phó Ban Kế hoạch, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
12/2010	Trưởng Ban quản lý dự án khí
01/2011	Đông Nam Bộ, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
05/2016	Phó Tổng Giám đốc PV GAS
05/2016	kiêm Trưởng Ban Quản lý Dự án khí Đông Nam Bộ;
08/2020	Phó Tổng Giám đốc PV GAS.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư khoan dầu khí.

Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Công Luận
Kế toán trưởng

Quá trình công tác:

12/2002	Chuyên viên Phòng Tài chính -
08/2003	Kế toán, PV GAS;
09/2003	Chuyên viên kế toán, Xí nghiệp vận chuyển khí, PV GAS;
08/2006	Phó phụ trách Phòng Tài chính – Kế toán, Xí nghiệp Khí Cà Mau, PV GAS;
07/2007	Kế toán trưởng, Công ty Khí Cà Mau, PV GAS;
04/2008	Kiểm soát viên chính PV GAS;
01/2009	
02/2009	Phó ban Tài chính PV GAS;
08/2016	
08/2016	Phó ban phụ trách Ban Tài chính PV GAS;
06/2017	Trưởng ban Tài chính PV GAS;
07/2019	Kế toán trưởng PV GAS.
đến nay	

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kế toán.
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2020

STT	Họ và Tên	Thay đổi	Hiệu lực từ ngày
1	Ông Mai Hữu Ngạn	Thôi giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát	05/05/2020
2	Bà Trần Thị Hoàng Anh	Được bầu làm Kiểm soát viên Trưởng Ban Kiểm soát	05/05/2020
3	Ông Huỳnh Quang Hải	Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc	18/02/2020
4	Ông Hoàng Văn Quang	Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc	19/02/2020
5	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc	01/04/2020
6	Ông Bùi Ngọc Quang	Thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc	01/09/2020

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Báo cáo của Hội đồng Quản trị trong Báo cáo thường niên theo quy định tại Phụ lục 4, Thông tư 96/2010/TT-BTC ngày 16/11/2020



Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của PV GAS

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của PV GAS, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2020, với phương châm “Đoàn kết - Đổi mới - Chuyên nghiệp - Hành động”, PV GAS hoàn thành/hoàn thành vượt mức hầu hết các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch, vận hành an toàn, liên tục hệ thống khí và đảm bảo tiến độ các dự án trọng điểm trong bối cảnh đại dịch Covid-19, giá dầu suy giảm và huy động khí cho điện thấp; các chỉ tiêu sản lượng LPG kinh doanh, lợi nhuận và nộp ngân sách Nhà nước về đích trước kế hoạch 2-3 tháng, đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; là Top đầu các đơn vị có các chỉ số tài chính khả quan trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tiếp tục là một trong những đơn vị có tỷ lệ chia cổ tức ổn định và ở mức cao trên thị trường chứng khoán; góp phần đảm bảo an ninh năng lượng và lương thực quốc gia với việc cung cấp khí đầu vào để sản xuất gần 20% sản lượng điện, 70% đạm, đáp ứng trên 65% thị phần LPG cả nước; thực hiện tốt công tác an sinh xã hội; được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước đánh giá cao về kết quả hoạt động và trao tặng trao tặng các giải thưởng, danh hiệu giá trị...

Ngoài ra, trong năm 2020, PV GAS hoàn thành đầu tư và đưa vào vận hành chuỗi dự án Nam Côn Sơn 2 góp phần bổ sung đáng kể lượng khí cho khu vực Đông Nam Bộ, không ngừng hoàn thiện cơ sở hạ tầng ngành công nghiệp khí Việt Nam; cũng như kỷ niệm 30 năm ngày thành lập PV GAS (20/09/1990-20/09/2020) – chặng đường đầy mơ ước và nhiệt thành, nỗ lực đồng tâm hiệp lực của tập thể Ban lãnh đạo và Người lao động PV GAS từng ngày, từng bước làm thay đổi lớn tầm vóc, vị thế của PV GAS, cho đến hôm nay, PV GAS đã trở thành đơn vị dẫn đầu - Lá cờ đầu của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam – Doanh nghiệp chủ lực của ngành Công nghiệp Khí nước nhà, với uy tín và thương hiệu lớn mạnh, được sự tin tưởng của nhiều đối tác, sự ủng hộ của các khách hàng trong và ngoài nước.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	%TH/KH
1	Khí ẩm	Tr.m ³	9.760	8.948	92%
2	Khí tiêu thụ	Tr.m ³	9.255	8.690	94%
3	Condensate tiêu thụ	1000T	55	58	106%
4	LPG tiêu thụ (Công ty mẹ)	1000T	1.300	1.962	151%
5	Tổng doanh thu	Tỷ Đ	66.164	65,673	99%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	8.294	9.978	120%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ Đ	6.636	7.972	120%
8	Tỷ suất LNST/VDL	%	34.6	41,7	121%
9	Nộp Ngân sách Nhà nước	Tỷ Đ	3.002	4.354	145%
10	Giải ngân vốn đầu tư (Công ty mẹ)	Tỷ Đ	6.806	6.752	99%



An ninh, an toàn, chất lượng, môi trường: luôn được PV GAS chú trọng, đặt lên hàng đầu; các cơ sở sản xuất kinh doanh của PV GAS hoạt động an ninh, an toàn; đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ; không vi phạm qui định về môi trường.

Vận hành, sản xuất: ổn định, liên tục suốt các ngày trong năm và 24/24 giờ (bắt đầu từ các mỏ khí ngoài khơi biển Việt Nam đến các địa điểm giao nhận khí, sản phẩm khí với khách hàng; kết nối trực tiếp với các chủ mỏ, bên bán khí, chủ đường ống, nhà máy điện, nhà máy đạm, công ty kinh doanh LPG, Condensate, bên vận chuyển và nhà thầu, PV GAS D,...; bao gồm: hệ thống khí Cửu Long, hệ thống khí Nam Côn Sơn, hệ thống khí Nam Côn Sơn 2, hệ thống khí PM3 và hệ thống khí Hàm Rồng – Thái Bình).

Bảo dưỡng sửa chữa: được thực hiện tốt về mặt khối lượng công việc, tiến độ và chất lượng; với các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, ngăn ngừa, đột xuất và kiểm định hiệu chuẩn các công trình khí để duy trì trạng thái vận hành liên tục, ổn định, hiệu quả; ngăn ngừa, khắc phục nhanh chóng sự cố làm gián đoạn quá trình vận hành, sản xuất; trên hết là cho mục tiêu an toàn – chất lượng – hiệu quả; góp phần giúp hoạt động vận hành, sản xuất, kinh doanh của PV GAS an toàn, không xảy ra sự cố nghiêm trọng nào trong suốt 30 năm qua.

Kinh doanh khí khô: cấp khí với nỗ lực tối đa, linh hoạt trong bối cảnh huy động khí cho điện thấp; không có khiếu nại của khách hàng về chất lượng khí, với sản lượng khí cung cấp gần 8,7 tỷ m³, bằng 94% kế hoạch năm, trong đó khách hàng điện chiếm tỷ trọng 76% sản lượng khí tiêu thụ, đạm 13%, khách hàng công nghiệp khác 11%.



CUNG CẤP RA THỊ TRƯỜNG

1.962 nghìn tấn LPG

BẰNG VỚI

151% KẾ HOẠCH NĂM

Kinh doanh LPG: hoàn thành kế hoạch sản lượng LPG kinh doanh ở mức cao trong bối cảnh chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19 và giá dầu giảm kéo theo giá CP của LPG liên tục giảm, một số khách hàng lớn bỏ/không nhận đủ hàng theo cam kết tại một số thời điểm (do giá giảm). PV GAS - công ty mẹ cung cấp ra thị trường 1.962,0 nghìn tấn LPG (Dinh Cố 238,9 nghìn tấn, Cà Mau 131,7 nghìn tấn, Dung Quất 218,6 nghìn tấn, nhập khẩu tiêu thụ trong nước 917,5 nghìn tấn, xuất khẩu 222,4 nghìn tấn và kinh doanh quốc tế 232,6 nghìn tấn), bằng 151% kế hoạch năm, bằng 111% so với năm 2019. Với lợi thế về cơ sở vật chất, nguồn hàng, đội ngũ nhân viên và đối tác kinh doanh, PV GAS tiếp tục giữ vững vị trí là nhà sản xuất và kinh doanh LPG số 1 tại thị trường Việt Nam.

Kinh doanh Condensate: với 58,3 ngàn tấn Condensate, bằng 106% kế hoạch năm.

Vận chuyển khí: đáp ứng 100% yêu cầu của bên thuê về chất lượng, số lượng, tiến độ của dịch vụ vận chuyển khí, sản phẩm khí từ nguồn Nam Côn Sơn, PM3 – Cà Mau.

Đầu tư xây dựng: được triển khai tích cực trong điều kiện gặp nhiều bất lợi do ảnh hưởng của dịch COVID-19 với nhiều giải pháp để bù/hạn chế/giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến tiến độ của các dự án; nổi bật là hoàn thành và đưa vào vận hành toàn bộ chuỗi dự án khí Nam Côn Sơn 2 trong tháng 12/2020, dự án kho chứa LNG 1 MMTA tại Thị Vải vượt tiến độ kế hoạch đề ra, công tác quyết toán có nhiều tiến triển,...

Bên cạnh những thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh chính, nhận thức và thực hiện tốt trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, công tác tái cấu trúc, nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, tiết giảm chi phí, hợp tác đầu tư, lao động, tiền lương, an sinh xã hội... cũng đạt kết quả tốt, cùng đóng góp vào thành công chung của PV GAS trong năm 2020 về mặt hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp cũng như những đóng góp cho cộng đồng.



Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc PV GAS

Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành PV GAS trong năm 2020, cụ thể:

- **Triển khai, chỉ đạo** các đơn vị, phòng, ban chức năng phối hợp thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của Hội đồng Quản trị và cố gắng khắc phục các khó khăn, có những biện pháp điều hành sát sao để thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- **Quản lý, điều hành** hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- **Tăng cường công tác quản lý**, đánh giá phân loại và có các biện pháp thu hồi, xử lý với các khoản nợ, hàng tồn kho, tài sản không cần dùng tại đơn vị nhằm giảm thiểu rủi ro, hạn chế bị chiếm dụng vốn ảnh hưởng đến công tác cân đối vốn, dòng tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- **Tiếp tục rà soát** thường xuyên các dự án đầu tư nhằm đảm bảo việc triển khai dự án được an toàn, chất lượng, phù hợp với tiến độ phê duyệt.
- **Nghiêm túc thực hiện các kiến nghị** tại biên bản của thanh tra, kiểm tra của các Bộ/ngành.
- Thực hiện công tác **tái cấu trúc PV GAS** theo phương án được phê duyệt.
- Làm việc thường xuyên với các đơn vị để kịp thời **chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh** theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị.
- Công tác **nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển** nguồn lực có nhiều chuyển biến tích cực và được quán triệt đến từng công ty con, công ty liên kết, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
- Tiền lương và chế độ chính sách: **thực hiện chi trả** lương và chế độ chính sách **đúng các quy định, quy chế hiện hành**.



Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Năm 2021 vẫn có thể là một năm **đầy khó khăn, thách thức** đối với PV GAS khi bên cạnh những ảnh hưởng của kinh tế, chính trị thế giới, thì nội tại PV GAS phải đối diện và giải quyết các vấn đề về tác động kép của dịch Covid-19 và giá dầu sụt giảm; về chi phí bảo dưỡng sửa chữa ngày càng tăng theo số năm vận hành công trình khí; về suy giảm nguồn khí trong nước giá thấp trong khi nguồn khí mới bổ sung chưa được kịp thời hoặc sản lượng nhỏ, không còn thuận lợi về giá và chi phí đầu tư cao hơn, thủ tục, quy định về đầu tư phức tạp hơn so với trước đây,... Vì vậy, để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2021, Hội đồng Quản trị đã xác định những nhiệm vụ chính cần thực hiện như sau:

- Tiếp tục tổ chức bộ máy Hội đồng Quản trị làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành PV GAS của Ban Tổng Giám đốc.
- Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định và tổ chức họp bất thường khi cần thiết để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, tham gia các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc để cùng Ban Tổng Giám đốc kịp thời xử lý công việc.
- Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng Quản trị và các cấp có thẩm quyền.

■ Chỉ đạo:

Triển khai các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 2233/QĐ-TTg ngày 28/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; và Quy hoạch ngành công nghiệp khí Việt Nam làm cơ sở để Tổng công ty phát triển bền vững.

Vận hành **an toàn, hiệu quả** và đảm bảo công tác an ninh, an toàn các công trình khí hiện có.

Đảm bảo hiệu quả trong sản xuất kinh doanh; tiêu thụ, cung cấp khí và các sản phẩm khí tối đa cho khách hàng; sản xuất và đẩy mạnh công tác phát triển bán lẻ LPG, gia tăng thị phần, nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.

Tập trung **kiểm soát tiến độ**, thu xếp, bố trí đủ vốn theo tiến độ giải ngân của dự án, đảm bảo đưa các dự án/chuỗi dự án vào vận hành đúng tiến độ, phát huy hiệu quả đầu tư. Thực hiện quyết toán các dự án đã hoàn thành theo đúng thời hạn quy định.

Quản lý/ khai thác có hiệu quả các hợp đồng mua bán vận chuyển khí. Hoàn thành trình các cấp có thẩm quyền, khách hàng về giá khí, cước phí cho nguồn hiện hữu cũng như các mỏ mới. Nghiên cứu, tìm kiếm, phát triển các nguồn khí mới trong, ngoài nước; tham gia đấu tư thượng nguồn khi có điều kiện và đảm bảo hiệu quả.

Triển khai phương án cấp sớm LNG ngay khi được phê duyệt và chuẩn bị thị trường tiêu thụ LNG; hoàn thiện xây dựng Đề án tổng thể phát triển hạ tầng nhập khẩu - phân phối - kinh doanh LNG và đẩy nhanh nghiên cứu

các phương án: (i) Thu gom, vận chuyển khí mỏ Tuna đường ống về Việt Nam; (ii) Nghiên cứu phương án nâng công suất đường ống dẫn khí Phú Mỹ-Nhơn Trạch/Hồ Chí Minh; (iii) Nghiên cứu lựa chọn địa điểm xây dựng kho LPG/LNG tại miền Bắc; (iv) Nghiên cứu triển khai phương án cấp LNG tại khu vực Tây Nam Bộ;...

Tiếp tục thực hiện các giải pháp **phòng, chống và ứng phó với tác động kép của dịch Covid-19** và giá dầu sụt giảm. Tăng cường thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí tối thiểu từ 5-10% cho từng khoản chi phí cụ thể, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Thực hiện công tác **tái cấu trúc; rà soát, sắp xếp** nhân sự hiệu quả, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS. Không ngừng nâng cao năng suất lao động, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

Thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và **hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ** cho phù hợp với các văn bản của Nhà nước, cấp có thẩm quyền và tình hình thực tiễn tại PV GAS. Nâng cao công tác quản trị; rà soát và từng bước số hóa, đơn giản hóa hệ thống quản lý.

Nâng cao **chất lượng và hiệu quả** của hệ thống kiểm soát nội bộ; kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có vốn góp của PV GAS; tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền, công tác kiểm tra, quản lý thu hồi công nợ, xây dựng phương án xử lý dứt điểm với công nợ tồn đọng, khoản bảo lãnh/đảm bảo của PV GAS cho các đơn vị thành viên.

Mục tiêu phấn đấu năm 2021 là: vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo an ninh các công trình khí; đảm bảo tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư; cung cấp 9,5 tỷ m³ khí cho các hộ tiêu thụ, tổng doanh thu toàn PV GAS đạt 70 nghìn tỷ đồng, tiếp tục là đơn vị chủ lực của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và đạt được kỳ vọng của cổ đông PV GAS.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

BKS gồm có 03 thành viên:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số buổi họp tham dự	Tỉ lệ tham dự họp	Tỉ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp	Trình độ chuyên môn
1	Ông Mai Hữu Ngạn	Trưởng BKS	Tháng 04/2016	Tháng 05/2020	1/1	100%	100%		- Cử nhân kế toán, - Chứng chỉ đào tạo kiểm toán viên.
2	Bà Trần Thị Hoàng Anh	Trưởng BKS	Tháng 05/2020		3/3	100%	100%		- Cử nhân kế toán, - Chứng chỉ đào tạo kiểm toán viên.
3	Bà Hồ Thị Ái Thanh	Kiểm soát viên	Tháng 05/2011		4/4	100%	100%		- Cử nhân kế toán, - Chứng chỉ đào tạo kiểm toán viên.
4	Ông Nguyễn Công Minh	Kiểm soát viên	Tháng 04/2016		4/4	100%	100%		- Cử nhân kế toán, - Chứng chỉ đào tạo kiểm toán viên.



Hoạt động giám sát của BKS đối với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị nghiêm túc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Hội đồng Quản trị ban hành các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và tổ chức nhân sự theo đúng quy định tại Điều lệ PV GAS.

Hội đồng Quản trị thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban chức năng, đơn vị của PV GAS điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh; đồng thời phân cấp mạnh cho Tổng Giám đốc, các Ban quản lý dự án nhằm tăng cường tính chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng.

Hội đồng Quản trị chỉ đạo thực hiện công tác tái cấu trúc PV GAS theo phương án đã được phê duyệt.

Hội đồng Quản trị tiếp tục công tác thúc đẩy các hoạt động hợp tác, tìm kiếm cơ hội đầu tư nhằm tìm thêm các nguồn khí, phát triển hệ thống đường ống thu gom, vận chuyển, xây dựng các kho chứa và chủ động tạo lập thị trường kinh doanh khí, quảng bá thương hiệu của PV GAS trong nước và quốc tế.

Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc triển khai, chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban chức năng phối hợp thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của Hội đồng Quản trị và cố gắng khắc phục các khó khăn, có những biện pháp điều hành sát sao để thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc tăng cường công tác quản lý, đánh giá phân loại và có các biện pháp thu hồi, xử lý với các khoản nợ, hàng tồn kho, tài sản không cần dùng tại đơn vị nhằm giảm thiểu rủi ro, hạn chế bị chiếm dụng vốn ảnh hưởng đến công tác cân đối vốn, dòng tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc tiếp tục rà soát thường xuyên các dự án đầu tư nhằm đảm bảo việc triển khai dự án được an toàn, chất lượng, phù hợp với tiến độ phê duyệt.

Ban Tổng Giám đốc nghiêm túc thực hiện các kiến nghị tại biên bản của thanh tra, kiểm tra của các Bộ/ngành.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện công tác tái cấu trúc PV GAS theo phương án được phê duyệt.

Ban Tổng Giám đốc làm việc thường xuyên với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị.

Công tác nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn lực có nhiều chuyển biến tích cực và được quán triệt đến từng công ty con, công ty liên kết, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Tiền lương và chế độ chính sách: thực hiện chi trả lương và chế độ chính sách đúng các quy định, quy chế hiện hành.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Giữa BKS và Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc PV GAS luôn có sự phối hợp chặt chẽ. BKS nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện từ Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp thông tin, tài liệu, cử cán bộ làm việc với BKS khi có yêu cầu. Các báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát của BKS đều được gửi tới Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Hoạt động khác của BKS:

BKS hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát theo kế hoạch năm 2020 đã được phê duyệt, đồng thời tiếp tục rà soát, đôn đốc, các vấn đề còn tồn tại đang thực hiện của năm 2019.

BKS có các ý kiến đóng góp kịp thời về công tác quản lý điều hành nhằm tăng cường công tác giám sát theo quy định.

BKS thực hiện soát xét, thẩm định Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 và Báo cáo tài chính các quý năm 2020 theo quy định. Báo cáo tài chính PV GAS đã lập đúng theo qui định của Bộ Tài chính và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh tại đơn vị. Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ doanh thu, thu nhập, nộp ngân sách và tình hình nợ phải thu phải trả của đơn vị.

BKS thẩm định quỹ tiền lương, tiền thưởng 2019 của PV GAS.

Thông qua các báo cáo của PV GAS, BKS đánh giá tình hình đầu tư vốn vào các đơn vị khác, để kiểm soát tình hình hoạt động của các đơn vị thành viên trong PV GAS cũng như để giám sát nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

BKS tham gia và có ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc, tham gia các cuộc họp của Ban lãnh đạo PV GAS với các phòng ban, đơn vị trực thuộc, các đơn vị thành viên.

BKS thường xuyên họp rút kinh nghiệm và trao đổi các vấn đề phát sinh liên quan chức năng nhiệm vụ của Ban theo qui chế hoạt động của BKS.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng quan hoạt động 2020

Năm 2020, PV GAS đã gặp vô vàn khó khăn thách thức so với những năm trước như:

Đại dịch Covid-19 bùng phát phức tạp và kéo dài dẫn đến kinh tế xã hội toàn thế giới khủng hoảng nghiêm trọng, các nước phong tỏa trên diện rộng, việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ đều bị tác động nặng nề, nhu cầu nhiên liệu sụt giảm, đặc biệt nhu cầu khí, sản phẩm khí dùng cho sản xuất điện, công nghiệp giảm đáng kể.

Ngành dầu khí còn bị tác động kép từ giá dầu và giá CP giảm sâu và duy trì mức thấp so với giá kế hoạch, trung bình năm: Giá dầu Brent khoảng 41,8 USD/thùng (bằng 69% giá kế hoạch); giá CP của LPG khoảng 400,4 USD/tấn (bằng 95% giá kế hoạch).

Số sự cố phía thượng nguồn tăng, thời gian giảm/dừng cấp khí kéo dài; nguồn khí Nam Côn Sơn suy giảm mạnh so với năm 2019, đặc biệt sự cố dừng cấp khí Lô 11.2 kéo dài từ đầu tháng 03 đến tháng 8/2020.

Một số văn bản/kết luận của cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến cước phí áp dụng không thống nhất, khó khăn trong việc thực hiện hợp đồng giữa PV GAS và bên mua khí. PV GAS phải nộp Ngân sách Nhà nước tiền chênh lệch giá khí đối với lượng khí trong bao tiêu từ tháng 3/2019 theo quyết định của Chính phủ.

Hoạt động kinh doanh khí và các sản phẩm khí (LPG, KTA, CNG ...) bị ảnh hưởng nặng nề: khách hàng giảm sản lượng tiêu thụ do phải dừng/giảm sản xuất, phải cạnh tranh với các nhiên liệu giá thấp hơn (dầu FO, DO, LPG, Biomass...) hoặc ưu đãi nhiều hơn (năng lượng tái tạo) ..., cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt ... Hoạt động sản xuất ống thép và bọc ống 6 tháng cuối năm 2020 rất ít/giá trị không cao, gần như không sản xuất.

Một số dự án lớn có tiến độ sát và phức tạp, quá trình triển khai có nhiều phát sinh, đặc biệt lệnh phong tỏa của các nước do dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đáng kể đến việc huy động nhân sự, vật tư thiết bị để triển khai các dự án.



CUNG CẤP GẦN

8.7 Tỷ m³
KHÍ KHÔ

SẢN XUẤT & KINH DOANH

Trên **1.9** Triệu tấn
LPG

SẢN XUẤT & CUNG CẤP

Trên **58** Nghìn tấn
CONDENSATE

PV GAS đã thực hiện thành công nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch với những kết quả đạt được như sau:

Tất cả hệ thống/công trình khí của PV GAS vận hành an toàn và hiệu quả, cấp khí liên tục; thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đảm bảo PV GAS không có ca nhiễm bệnh.

Sản lượng: Hoàn thành ở mức cao trong điều kiện thượng nguồn gặp nhiều sự cố, nguồn cung giảm. Cụ thể: mặc dù nguồn khí đầu vào chỉ bằng 93% kế hoạch (9 tỷ m³); PV GAS đã cung cấp gần 8,7 tỷ m³ khí khô, bằng 94% kế hoạch; sản xuất và kinh doanh trên 1,9 triệu tấn LPG về đích trước kế hoạch 3 tháng (trên 1,5 triệu tấn bán buôn trong nước; 0,4 triệu tấn xuất khẩu và kinh doanh quốc tế); sản xuất và cung cấp trên 58 nghìn tấn condensate.

Các chỉ tiêu tài chính: Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 0% - 45% (Tổng doanh thu trên 65 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế gần 10 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế gần 8 nghìn tỷ đồng), đặc biệt lợi nhuận và nộp Ngân sách về đích trước kế hoạch 2 - 3 tháng, là Top đầu các đơn vị có các chỉ số tài chính khả quan của PVN (tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 16%, trên vốn điều lệ đạt trên 41%, nợ phải trả/tổng tài sản 22%), Top đầu những đơn vị có vốn hóa lớn, có tỷ lệ chia cổ tức hàng năm bằng tiền mặt cao (30%/vốn điều lệ). Tiếp tục duy trì cung cấp khí ổn định để sản xuất gần **20% sản lượng điện, 70% đạm**, chiếm lĩnh **65% thị phần LPG cả nước**.

Công tác đầu tư xây dựng được triển khai tích cực với nhiều giải pháp đột phá, hiệu quả để bù/hạn chế/giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của việc phong tỏa, điều động nhân sự, thiết bị, mua sắm do dịch Covid-19. Tổng giá trị giải ngân cho công tác đầu tư xây dựng toàn PV GAS đạt 6.842 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ đạt 6.752 tỷ đồng, bằng 99% kế hoạch năm - là năm có giá trị giải ngân lớn nhất từ trước đến nay với các mốc son quan trọng là: hoàn thành và đưa vào vận hành toàn bộ chuỗi dự án khí Nam Côn Sơn 2, Sao Vàng Đại Nguyệt và Cấp bù khí ấm Nam Côn Sơn cho GPP Đình Cố; đồng thời dự án kho chứa LNG 1 MMTPA tại Thị Vải vượt tiến độ kế hoạch để ra.



Tổng kết kế hoạch 5 năm 2016-2020

Giai đoạn 2016 – 2020, PV GAS tiếp tục **phát triển vững mạnh, an toàn, chất lượng, hiệu quả, hoàn thành hầu hết các nhiệm vụ, chỉ tiêu** kế hoạch 2016 – 2020. Các hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý khí trên toàn quốc vận hành an toàn, ổn định, đáp ứng nguồn nguyên, nhiên liệu đầu vào sản xuất 30 – 20% sản lượng điện, 70% nhu cầu đạm cả nước và chiếm lĩnh trên 46 – 64% thị phần LPG toàn quốc. Liên tục là doanh nghiệp **đóng thuế thu nhập lớn thứ 3 Việt Nam**, là doanh nghiệp lợi nhuận tốt thứ 6 Việt Nam, thuộc Top 100 doanh nghiệp hàng đầu châu Á (bảng xếp hạng Nikkei).

Các chỉ tiêu tài chính **đạt 115 – 208% KH**, trong đó: doanh thu gần 340 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế trên 61 nghìn tỷ đồng, nộp Ngân sách gần 24 nghìn tỷ đồng, tổng tỷ lệ chia cổ tức 5 năm 208% vốn điều lệ, tổng tài sản trên 63 nghìn tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu trên 49 nghìn tỷ đồng.

Các chỉ số tài chính khả quan: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân đạt 21%, trên vốn điều lệ bình quân đạt 51%; Top đầu những đơn vị có vốn hóa lớn; Tỷ lệ chia cổ tức hàng năm bằng tiền mặt cao (tổng cổ tức 5 năm là 208%/vốn điều lệ).

Tiếp tục duy trì **cung cấp khí ổn định** để sản xuất gần 20% sản lượng điện, 70% đạm, đáp ứng trên 65% thị phần LPG cả nước.

Tiết giảm chi phí trên 2,8 nghìn tỷ đồng. Thực hiện An sinh xã hội 460 tỷ đồng.

Sản lượng: **Hoàn thành vượt mức kế hoạch** và tăng trưởng so với giai đoạn 2011 – 2015, trong đó: Thu gom, vận chuyển, chế biến khí gần 50 tỷ m³. Thu hồi tối đa lượng khí khai thác. Tiếp nhận thành công khí mỏ Thiên Ưng, Đại Hùng, Cá Tầm, Phong Lan Đại, Sao Vàng bù đắp 1 phần sản lượng suy giảm của các mỏ. Kinh doanh khí khô đạt trên 48 tỷ m³, bán buôn LPG trong nước đạt gần 5,4 triệu tấn giữ vững vai trò chủ đạo, chiếm lĩnh 46 – 65% thị phần toàn quốc, bán lẻ LPG dân dụng thương mại đạt gần 1,3 triệu tấn, kinh doanh LPG quốc tế và xuất khẩu đạt gần 2,4 triệu tấn, kinh doanh Condensate đạt gần 0,4 triệu tấn. Hoạt động dịch vụ khí đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

PV GAS đã quyết liệt triển khai công tác đầu tư xây dựng. Giai đoạn 2016 – 2020 giải ngân của Công ty mẹ đạt trên 17 nghìn tỷ đồng. Hoàn thành 07 dự án lớn: Cấp bù khí ấm Nam Côn Sơn cho GPP Dinh Cố năm 2016, Nam Côn Sơn 2 giai đoạn 1 năm 2017, GPP Cà Mau năm 2017, nâng cao hệ số thu hồi LPG tại GPP Dinh Cố năm 2018, Đường ống bờ/biển và các trạm thuộc dự án Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 2, Đường ống dẫn khí Sao Vàng – Đại Nguyệt, Cải hoán nâng cấp GPP Dinh Cố để tiếp nhận khí Nam Côn Sơn 2.





TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
FUELLING VALUES TO LIFE

Toà nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Phước Kiển, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: [84-28] 3781 6777 | Fax: [84-28] 3781 5666 | Email: pvgas@pvgas.com.vn | Website: <http://www.pvgas.com.vn>



Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh 2020

Tiếp nhận, sản xuất và kinh doanh khí khô

Sự cố phía thượng nguồn ngày một nhiều, thời gian khắc phục kéo dài; các hệ thống vận chuyển và xử lý khí của PV GAS hoạt động ổn định, thực hiện tăng lượng khí Thiên Ưng đưa vào bờ từ cuối tháng 03/2020, hoàn thành nâng công suất vận chuyển khí đường ống PM3 - Cà Mau lên 6,5 triệu m³/ngày đêm từ giữa tháng 04/2020; công tác ấn định, điều độ khí linh hoạt, hiệu quả, cấp khí liên tục; thực hiện nghiêm túc các hợp đồng mua bán khí, cấp khí với nỗ lực tối đa; tích cực đàm phán, ký kết các hợp đồng mua bán khí, cước phí mới; không có khiếu nại của khách hàng về chất lượng khí PV GAS cung cấp.

Tổng sản lượng khí ẩm tiếp nhận 8.947,5 triệu m³, bằng 92% kế hoạch năm, bằng 87% so với năm 2019; tổng sản lượng khí sản xuất và cung cấp cho khách hàng 8.689,9 triệu m³ (khách hàng điện 6.639,7 triệu m³, khách hàng đạm 1.152,2 triệu m³, khách hàng công nghiệp 898,1 triệu m³), bằng 94% kế hoạch năm, bằng 88% so với năm 2019; doanh thu đạt 64.150 tỷ đồng, bằng 97% kế hoạch năm, bằng 84% so với năm 2019.



Sản xuất và kinh doanh sản phẩm lỏng

- Về sản xuất

Tổng sản lượng LPG sản xuất 371,9 nghìn tấn, bằng 113% kế hoạch năm, bằng 100% so với năm 2019; sản xuất 58,3 nghìn tấn condensate, bằng 106% kế hoạch năm, bằng 83% so với năm 2019.

Tại GPP Dinh Cố: nhà máy dừng để bảo dưỡng sửa chữa từ ngày 22-30/09/2020, thời gian còn lại nhà máy xử lý khí hoạt động ổn định. Đã sản xuất 238,5 nghìn tấn LPG, bằng 110% kế hoạch năm, bằng 101% so với năm 2019; sản xuất 50,6 nghìn tấn condensate, bằng 101% kế hoạch năm, bằng 85% so với năm 2019. Sản lượng condensate sản xuất thấp hơn so với năm 2019 do từ tháng 03/2020 condensate trắng bơm về bờ giảm (do tăng khí Thiên Ưng về bờ); LPG sản xuất hoàn thành vượt mức kế hoạch năm và tăng so với năm 2019 chủ yếu do lượng khí ẩm về bờ tăng (từ khí Thiên Ưng).

Tại GPP Cà Mau: nhà máy dừng để bảo dưỡng sửa chữa từ ngày 18-29/08/2020, thời gian còn lại nhà máy xử lý khí hoạt động ổn định. Đã sản xuất 131,7 nghìn tấn LPG, bằng 104% kế hoạch năm, bằng 87% so với năm 2019; sản xuất 7,6 nghìn tấn condensate, bằng 151% kế hoạch năm, bằng 72% so với năm 2019. Sản lượng LPG sản xuất thấp hơn so với năm 2019 do sản lượng khí ẩm vào bờ giảm, thành phần khí đầu vào thay đổi (hàm lượng C3, C4 thấp); condensate sản xuất thấp hơn so với năm 2019 do những tháng đầu năm 2019, phía thượng nguồn bị sự cố thiết bị tách lỏng ngoài giàn, lượng condensate chưa qua xử lý đưa vào bờ tăng đột biến so với năm 2020.

- Về kinh doanh

Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm kéo theo giá CP của LPG liên tục giảm, đặc biệt giảm sâu trong tháng 03, 04/2020 và tiếp tục biến động, duy trì ở mức thấp so với giá kế hoạch, giá CP trung bình năm 395 USD/tấn, bằng 94% so với giá kế hoạch, bằng 90% so với năm 2019; một số khách hàng lớn bỏ/không nhận đủ hàng theo cam kết tại một số thời điểm (do giá giảm). Đã cung cấp ra thị trường 1.962,0 nghìn tấn LPG (Dinh Cố 238,9 nghìn tấn, Cà Mau 131,7 nghìn tấn, Dung Quất 218,6 nghìn tấn, nhập khẩu và kinh doanh quốc tế 1.372,5 nghìn tấn), bằng 151% kế hoạch năm, bằng 111% so với năm 2019, ứng với doanh thu 21.774,5 tỷ đồng, bằng 139% kế hoạch năm, bằng 103% so với năm 2019.

Ảnh hưởng giá dầu giảm, kéo theo giá bán condensate giảm, giá bán trung bình từ nguồn Dinh Cố 336,1 USD/tấn, bằng 63% giá kế hoạch năm, bằng 44% so với năm 2019; từ nguồn Cà Mau 366,6 USD/tấn, bằng 68% giá kế hoạch năm, bằng 46% so với năm 2019. Đã cung cấp cho khách hàng 58,3 nghìn tấn condensate, bằng 106% kế hoạch năm, bằng 83% so với năm 2019, ứng với doanh thu đạt 497,1 tỷ đồng, bằng 64% kế hoạch năm, bằng 38% so với năm 2019.



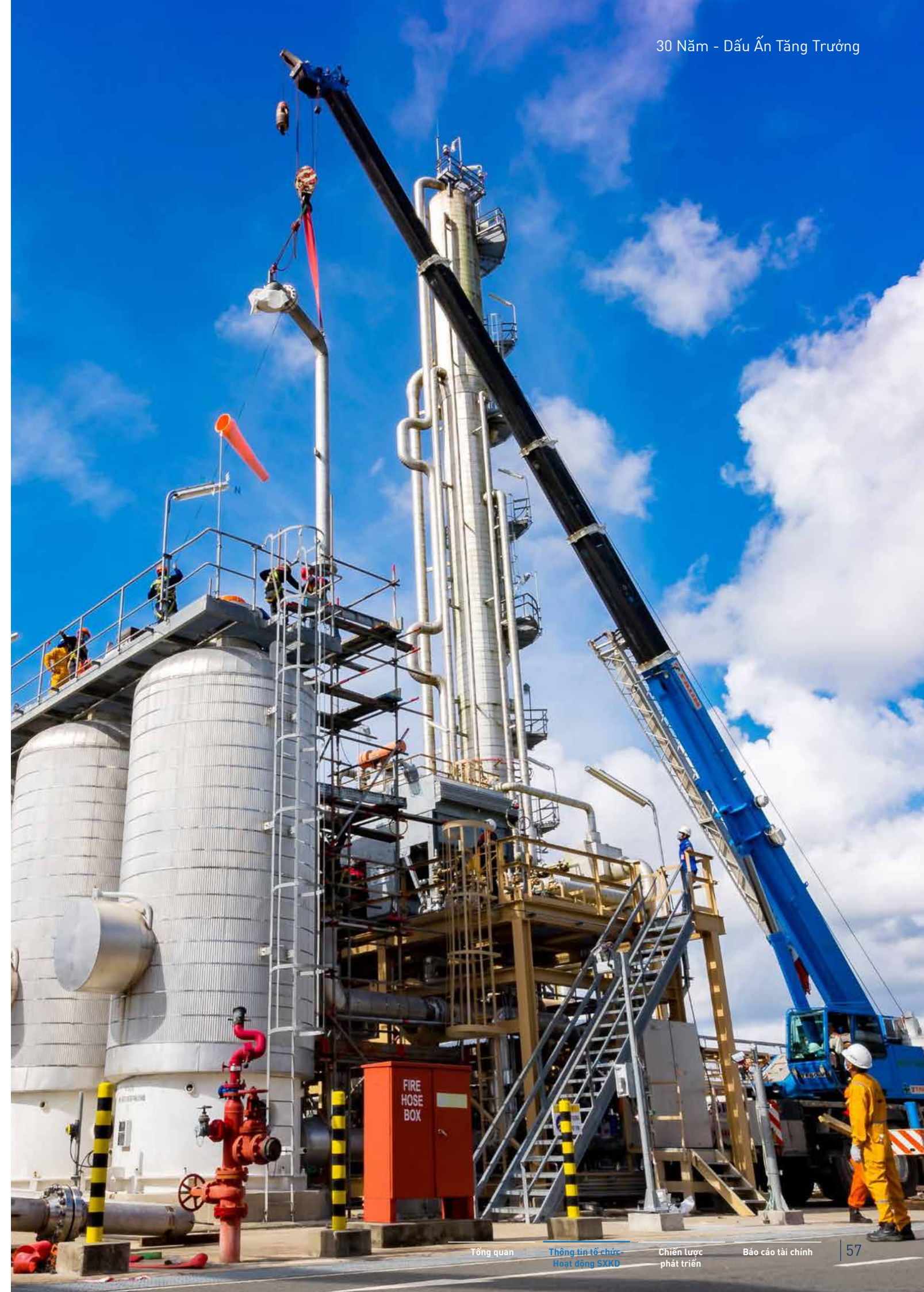
Bảo dưỡng sửa chữa, dịch vụ

- Bảo dưỡng sửa chữa

Hoàn thành dùng khí để thực hiện bảo dưỡng sửa chữa, kiểm định hiệu chuẩn các hệ thống khí Hàm Rồng - Thái Bình, PM3 - Cà Mau, Nam Côn Sơn, Cừ Long, Slug catcher 01 tháng 05/2020, Slug catcher 02 tháng 12/2020 (GPP Dinh Cố); hoàn thành bảo dưỡng sửa chữa 3.558 đầu việc ngăn ngừa, 1.419 đầu việc đột xuất; kiểm định hiệu chuẩn hoàn thành 100% khối lượng công việc.

Hoàn thành công tác khảo sát/bảo dưỡng sửa chữa tuyến ống: khảo sát ROV & sửa chữa các freespan tuyến ống biển Sư Tử Vàng - Rạng Đông - Bạch Hổ - Long Hải, Tê Giác Trắng - Bạch Hổ, RP1-RC3, NCS2 - giai đoạn 1 tháng 09/2020; khảo sát hiện trạng chôn ống đoạn tiếp bờ từ KP 101.000 đến KP 106.515 thuộc hệ thống đường ống dẫn khí 16" Bạch Hổ - Long Hải tháng 07/2020; sửa chữa 02 điểm lõm ống (DENT) tuyến Rạng Đông - Bạch Hổ tháng 07/2020; khảo sát ROV, sửa chữa các freespan tuyến ống biển 18" PM3 - Cà Mau tháng 10/2020; phóng thoi kiểm tra tuyến ống PM3 - Cà Mau tháng 11/2020.

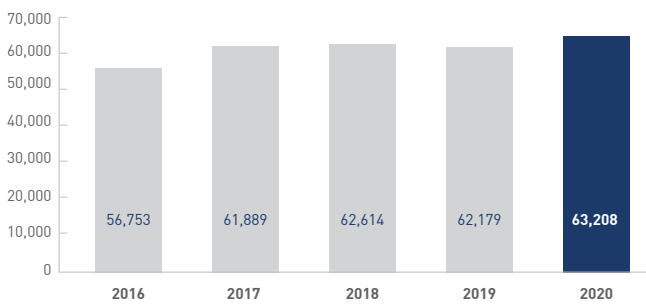
Công tác khảo sát, bảo dưỡng sửa chữa, phóng thoi, kiểm định hiệu chuẩn được thực hiện theo kế hoạch, đúng qui trình, có chất lượng và đảm bảo hệ thống khí hoạt động ổn định.



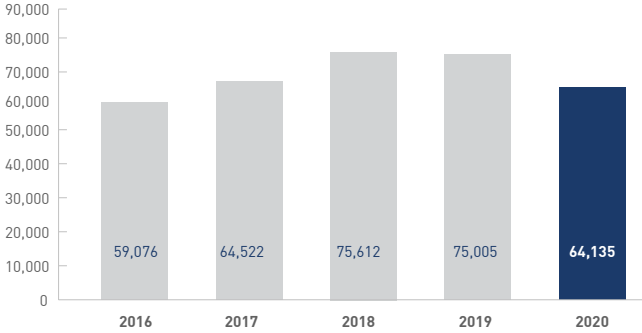
Tình hình tài chính năm 2020

Các chỉ số tài chính tiêu biểu

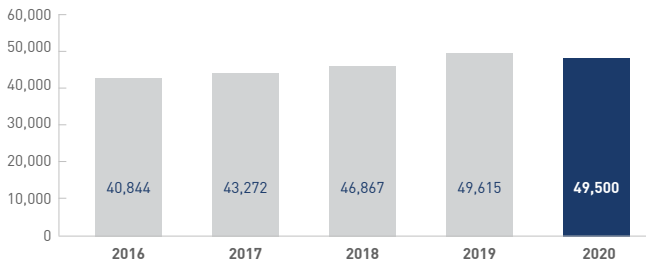
Tổng tài sản



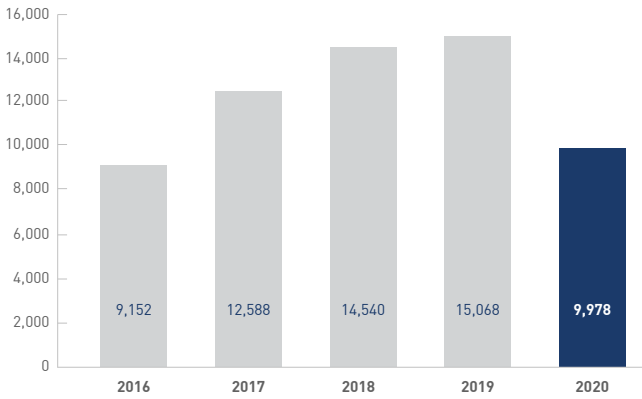
Doanh thu thuần



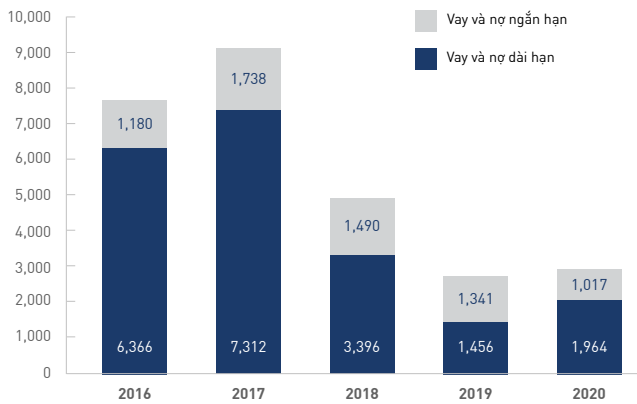
Vốn chủ sở hữu



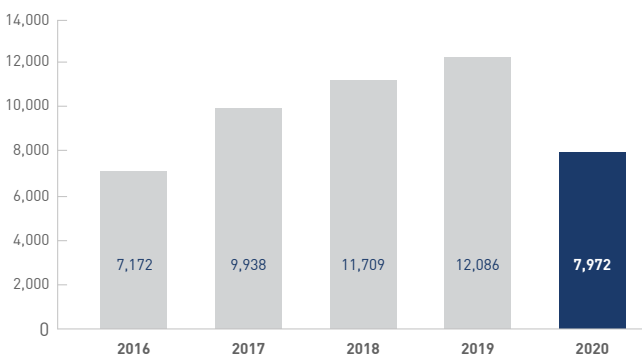
Lợi nhuận trước thuế



Nợ vay ngân hàng



Lợi nhuận sau thuế



Chi tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
1. Chi tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	3,62	3,51	3,46	4,20	4,05
Hệ số thanh toán nhanh	3,48	3,36	3,29	4,04	3,88
2. Chi tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,28	0,30	0,25	0,20	0,22
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,39	0,43	0,34	0,25	0,28
3. Chi tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân):	37,97	33,62	32,35	32,98	32,58
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,04	1,04	1,21	1,21	1,01
4. Chi tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,15	0,20	0,19	0,20	0,16
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,22	0,29	0,31	0,30	0,20
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,16	0,20	0,23	0,24	0,16

Phân tích tài chính

• Tình hình tài sản

Tổng Tài sản của Tổng công ty Khí Việt Nam tại 31/12/2020 là 63.208 tỷ đồng, tăng 1,7% so với tổng tài sản tại 31/12/2019. Tỷ lệ tăng trưởng Tổng tài sản bình quân từ 2012 đến 2020 là 8,7%/năm là do từ năm 2012 đến nay, PV GAS đã hoàn thành đầu tư xây dựng công trình đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau, Dự án đường ống thu gom vận chuyển khí Sao Vàng Đại Nguyệt và đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 – Giai đoạn 2. Đây là mức tăng tài sản tương đối lớn đối với những doanh nghiệp có tổng tài sản lớn như PV GAS. Tuy nhiên, trong các năm trở lại đây, tỷ lệ tăng tài sản của PV GAS đã chậm lại do các công trình đường ống và nhà máy xử lý khí đã được hoàn thiện và đưa vào hoạt động.

Cơ cấu tài sản	2019	2020
Tổng tài sản (tỷ đồng)	62.179	63.208
<i>Tài sản ngắn hạn (tỷ đồng)</i>	<i>41.815</i>	<i>39.472</i>
<i>Tài sản dài hạn (tỷ đồng)</i>	<i>20.363</i>	<i>23.736</i>
TSNH/Tổng TS	0,67	0,62
TSDH/Tổng TS	0,33	0,38

Là một doanh nghiệp sản xuất, tỷ lệ tài sản dài hạn trung bình chiếm khoảng 30-40% tổng tài sản là một tỷ lệ an toàn và phù hợp với loại hình sản xuất kinh doanh.

Tình hình nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn:

Tiêu chí	2019	2020
Tổng Nguồn vốn (tỷ đồng)	62.179	63.208
Nợ phải trả (tỷ đồng)	12.564	13.709
<i>Nợ phải trả (tỷ đồng)</i>	<i>9.964</i>	<i>9.743</i>
<i>Nợ phải trả (tỷ đồng)</i>	<i>2.560</i>	<i>3.960</i>
Dư nợ vay ngân hàng (tỷ đồng)	2.796	2.981
<i>Vay và nợ dài hạn</i>	<i>1.456</i>	<i>1.964</i>
<i>Vay và nợ ngắn hạn</i>	<i>1.341</i>	<i>1.017</i>
Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn	0,20	0,22
Vốn Chủ sở hữu /Tổng Nguồn vốn	0,22	0,78
Hệ số nợ vay/Vốn Chủ sở hữu	0,06	0,06

Hiệu quả sử dụng tài sản, vốn

- Khả năng sinh lời

Tính đến hết ngày 31/12/2020, nợ phải trả đạt 13.709 tỷ đồng, chiếm khoảng 22% tổng nguồn vốn, trong đó trên 70% là nợ ngắn hạn. So với năm 2019, nợ phải trả tăng 9,1% do PV GAS trong năm 2020 đã giải ngân vốn vay từ các hợp đồng tín dụng trung và dài hạn để phục vụ cho việc xây dựng các dự án trọng điểm như đường ống Nam Côn Sơn 2 – Giải đoạn 2, Đường ống thu gom và vận chuyển khí Sao Vàng – Đại Nguyệt và dự án Kho chứa LNG 1 triệu tấn tại Thị Vải.

Chỉ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu duy trì mức 0.06 lần. Việc duy trì dư nợ vay ở mức phù hợp thông qua kế hoạch giải ngân hợp lý giúp giảm bớt rủi ro về chi phí lãi vay và áp lực trả nợ gốc. Bên cạnh đó, chỉ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu thấp cũng thể hiện khả năng dễ dàng huy động vốn vay trong tương lai cho các dự án đầu tư mới của PV GAS khi cần thiết.

Vốn chủ sở hữu: mặc dù là đơn vị sản xuất với chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng lớn nhưng tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn luôn duy trì trên 70% từ năm 2015 trở đi. Tỷ trọng này thể hiện lợi nhuận để tái đầu tư của PV GAS lớn và khả năng tự chủ về nguồn vốn để đầu tư của PV GAS cao. Với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng tự chủ về tài chính như trên, PV GAS là một doanh nghiệp được các tổ chức tín dụng đánh giá rất cao. Đây là một lợi thế lớn của PV GAS trong việc thu xếp nguồn vốn để tiếp tục thực hiện các dự án lớn trong tương lai.

Chỉ tiêu	2019	2020
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	75.005	64.135
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	15.068	9.978
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	12.086	7.972
Lợi nhuận trước thuế/Tổng Doanh thu	20%	16%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng Doanh thu	16%	12%
Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản (ROA)	19%	13%
Lợi nhuận ròng/Vốn CSH (ROE)	25%	16%
EPS (đồng)	6.314	4.165
Tỷ lệ cổ tức	43%	35%

- Khả năng thanh toán

- Các chỉ số hoạt động năm 2020

Chỉ tiêu	2019	2020
Hệ số TT hiện hành (lần) = TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	4,20	4,05
Hệ số TT nhanh = (Giá trị TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	4,04	3,88

Với hệ số khả năng thanh toán như trên cho thấy năng lực tài chính của PV GAS tốt, khả năng thanh toán các khoản nợ tốt và không gặp khó khăn về tài chính khi các khoản nợ đến hạn. Bên cạnh chỉ số về hệ số nợ vay/Vốn CSH, đây cũng là một trong những chỉ số quan trọng để các tổ chức tín dụng đánh giá, xếp hạng doanh nghiệp và với chỉ số như trên là một thuận lợi cho PV GAS để thu xếp vốn vay trên thị trường tài chính trong và ngoài nước.

Vòng quay các Khoản phải thu, Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	2019	2020
Vòng quay các khoản phải thu	7,29	6,23
Thời gian quay vòng khoản phải thu (ngày)	50,06	58,61
Vòng quay hàng tồn kho	32,98	32,58
Thời gian quay vòng hàng tồn kho (ngày)	11,07	11,20

Các chỉ số về khoản phải thu và hàng tồn kho trong năm 2020 khá ổn định so với năm 2019 do PV GAS luôn giám sát và tăng cường công tác quản lý nợ và thu hồi nợ, ban hành quy chế quản lý nợ chặt chẽ, phân tích tuổi nợ, phân loại nợ và lựa chọn khách hàng để hạn chế tối đa nợ xấu.

Vòng quay hàng tồn kho của PV GAS biến động không theo xu hướng nhất định là do đặc thù kinh doanh LPG của PV GAS. Hoạt động kinh doanh LPG của PV GAS là hoạt động thương mại, trong trường hợp PV GAS nhập LPG vào thời điểm cuối năm tài chính thì số dư hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm sẽ cao (do PV GAS chưa kịp bán được nhiều LPG), trường hợp PV GAS nhập LPG vào thời điểm trước thời điểm kết thúc năm khoảng 20-30 ngày thì khi đó số dư hàng tồn kho LPG sẽ thấp. Về hoạt động kinh doanh LPG, PV GAS đã lập 1 tổ công tác LPG để thường xuyên theo dõi giá LPG cũng như xác định cung-cầu thị trường theo tháng để đảm bảo việc nhập khẩu và tiêu thụ LPG đạt hiệu quả, không để tình trạng ứ đọng hàng tồn kho.

Tình hình đầu tư các dự án



Đầu tư xây dựng:

Hoạt động đầu tư xây dựng của PV GAS nhằm mục đích đầu tư phát triển bao gồm phát triển nguồn cung cấp khí từ các mỏ trong nước và nhập khẩu khí từ nước ngoài, phát triển cơ sở hạ tầng, cải tiến kỹ thuật để tăng cường năng lực sản xuất kinh doanh, tăng cường chế biến sâu để gia tăng giá trị sản phẩm,...; được phân cấp cho Công ty và các Ban Quản lý dự án (bao gồm Công ty Quản lý Dự án khí, Ban quản lý Dự án khí Đông Nam Bộ, Ban quản lý Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau) thực hiện với đội ngũ chuyên gia, kỹ sư, chuyên viên,... có năng lực chuyên môn vững vàng, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm kể từ khi PV GAS đầu tư xây dựng công trình khí đầu tiên đến nay.

Toàn bộ quá trình đầu tư xây dựng các dự án của PV GAS đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, giám sát cũng như hỗ trợ, hướng dẫn từ PVN và các cơ quan quản lý Nhà nước nên luôn đảm bảo chất lượng công trình và đúng mục tiêu và nguồn vốn của dự án.

Năm 2020, PV GAS đã triển khai 22 dự án/đầu việc (12 dự án nhóm A, 7 dự án nhóm B, 3 dự án nhóm C và mua sắm, đầu tư tài chính) với kế hoạch vốn giải ngân 6.806,1 tỷ đồng.

Công tác đầu tư xây dựng được PV GAS triển khai tích cực trong điều kiện gặp nhiều bất lợi do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. PV GAS đã chủ động triển khai nhiều giải pháp để bù/hạn chế/giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến tiến độ của các dự án. Kết quả là đã hoàn thành thi công lắp đặt tuyến ống Nam Côn Sơn 2 – Giai đoạn 2 trong tháng 12/2020, dự án Kho chứa LNG 1MMTPA tại Thị Vải vượt tiến độ kế hoạch đề ra, công tác quyết toán có nhiều tiến triển.

“Hoàn thành thi công lắp đặt tuyến ống Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 2 trong tháng 12/2020, dự án Kho chứa LNG 1MMTPA tại Thị Vải vượt tiến độ kế hoạch đề ra...”



Công việc thực hiện năm 2020 của một số dự án lớn:

Thu gom khí: Xây dựng các đường ống mới để thu gom khí ở các mỏ mới, bổ sung nguồn cung khí cho thị trường tiêu thụ.

- Dự án Đường ống dẫn khí **Nam Côn Sơn 2 – giai đoạn 2:**

Đầu tư các hạng mục đường ống, công trình khí còn lại của dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 sau khi đã hoàn thành toàn bộ giai đoạn 1 để thu gom, vận chuyển khí từ các mỏ Sư Tử Trắng, Sao Vàng, Đại Nguyệt,... về bờ.

Công việc thực hiện năm 2020: hoàn thành công tác xây dựng lắp đặt, Gas-in toàn bộ tuyến ống trong tháng 12/2020.

- Dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ **Sao Vàng – Đại Nguyệt:**

Đầu tư xây dựng đường ống từ giàn nén Sao Vàng kết nối với đường ống Nam Côn Sơn 2 nhằm thu gom và vận chuyển khí Sao Vàng – Đại Nguyệt về bờ nhằm bổ sung nguồn khí thiếu hụt khu vực Đông Nam Bộ phục vụ cho phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Công việc thực hiện năm 2020: hoàn thành công tác xây dựng lắp đặt, Gas-in vào tháng 11/2020

- Dự án Đường ống thu gom vận chuyển khí mỏ **Sư Tử Trắng:**

Đầu tư xây dựng đường ống từ chân giàn Sư Tử Trắng kết nối với đường ống Nam Côn Sơn 2 – Giai đoạn 2 để thu gom và vận chuyển khí Sư Tử Trắng về bờ nhằm bổ sung nguồn khí thiếu hụt khu vực Đông Nam Bộ, phục vụ cho phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Công việc thực hiện năm 2020: PVN ủy quyền cho PV GAS phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS), kế hoạch lựa chọn nhà thầu; PV GAS báo cáo PVN kế hoạch phê duyệt FS trước mốc First gas 30 tháng.



Nhập khẩu LNG: Xây dựng cơ sở hạ tầng để nhập khẩu, bổ sung nguồn cung cấp khí cho thị trường tiêu thụ.

- Dự án Kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải:

Đầu tư kho chứa tại Thị Vải để nhập khẩu LNG cung cấp cho khách hàng tiêu thụ tại khu vực Đông Nam Bộ. Đảm bảo điều hòa nguồn cung cấp khí cho nhu cầu trong nước và giữ gìn nguồn năng lượng không tái tạo cho tương lai đồng thời đa dạng hóa nguồn cung cấp khí đảm bảo nhu cầu năng lượng trong phát triển kinh tế.

Công việc thực hiện năm 2020: nhà thầu đang thực hiện gói thầu EPC vượt tiến độ kế hoạch đề ra.

- Dự án đường ống LNG Thị Vải – Phú Mỹ:

Đầu tư đường ống để vận chuyển lượng khí LNG tái hóa từ Kho chứa LNG tại Thị Vải (bao gồm giai đoạn sau khi mở rộng) đến Trung tâm phân phối khí Phú Mỹ (GDC Phú Mỹ) hiện hữu nhằm đáp ứng tiến độ cấp khí cho các hộ tiêu thụ trong khu vực.

Công việc thực hiện năm 2020: đã phê duyệt FS, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, ký và đang triển khai thực hiện EPC.

- Dự án mở rộng, nâng công suất kho chứa LNG 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải lên 3 triệu tấn/năm:

Đầu tư mở rộng nâng công suất kho chứa LNG nhằm mục đích tăng khả năng tồn chứa LNG, giúp nâng cao tổng công suất tiêu thụ qua 2 kho LNG lên đến 3 triệu tấn/năm để bù đắp lượng khí thiếu hụt và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ khí của khách hàng; giúp chủ đầu tư chủ động cấp khí từ nguồn khí nhập khẩu và tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng tại Kho cảng Thị Vải hiện hữu.

Công việc thực hiện năm 2020: ký Hợp đồng các gói thầu phục vụ lập FS và tổ chức lập FS của dự án.

Tổng công suất tiêu thụ qua 2 kho LNG lên đến

3 Triệu
Tấn/ năm

- Dự án kho cảng nhập LNG Sơn Mỹ - Bình Thuận:

Đầu tư kho chứa và cảng xuất tại Sơn Mỹ để nhập khẩu LNG cung cấp cho Trung tâm Điện lực Sơn Mỹ và cung cấp bổ sung cho lượng khí thiếu hụt tại khu vực Đông Nam Bộ.

Công việc thực hiện năm 2020: PV GAS trình/cập nhật/bổ sung FS, PVN đồng ý tạm dừng công tác thẩm định phê duyệt FS. PV GAS và Tập đoàn AES đã ký thỏa thuận các điều khoản chính của Hợp đồng liên doanh dự án kho cảng LNG Sơn Mỹ.

Tăng cường năng lực chế biến, tàng trữ khí, sản phẩm khí

- Dự án cải hoán GPP Dinh Cố để tiếp nhận khí NCS2 điều chỉnh – giai đoạn 2:

Đầu tư thiết bị để tiếp nhận khí sớm từ đường ống NCS2 điều chỉnh – giai đoạn 2, đặc biệt là nguồn khí Sao Vàng – Đại Nguyệt trong giai đoạn nhà máy GPP2 chưa hoàn thành; góp phần đảm bảo nghĩa vụ tiếp nhận khí Sao Vàng – Đại Nguyệt theo cam kết của Hợp đồng mua bán khí Sao Vàng – Đại Nguyệt đã được PV GAS ký kết với PVN.

Công việc thực hiện năm 2020: hoàn thành công tác xây dựng và lắp đặt dự án.

- Dự án cải tạo nâng công suất bồn chứa LPG tại kho cảng Thị Vải:

Cải tạo lại mặt bằng Kho cảng Thị Vải hiện hữu bằng cách chuyển đổi phương thức tồn chứa sản phẩm; nâng cao sức chứa sản phẩm lỏng, sắp xếp, di dời, tái bố trí thiết bị, hệ thống công nghệ để tạo thêm quỹ đất bổ sung vào quỹ đất hiện hữu, phục vụ các dự án tương lai của PV GAS (như dự án Nam Côn Sơn 2 – giai đoạn 2, dự án LNG...).

Công việc thực hiện năm 2020: hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

- Dự án kho LPG lạnh, LNG tại Bắc Bộ: đang nghiên cứu tìm kiếm địa điểm (Hải Phòng, Thanh Hóa, Quảng Ninh, Thái Bình, Hà Tĩnh,...)



Chính sách về an toàn – sức khỏe – môi trường

Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Do đặc thù của ngành dầu khí là sản xuất và vận chuyển sản phẩm bằng đường ống nên không có nguyên vật liệu dạng thô mà PV GAS sử dụng Khí tự nhiên làm nguyên liệu sản xuất:

Khí đầu vào: **8,948 tỷ** m3 khí.

Khí tự nhiên dùng làm nhiên liệu: **46,52 triệu** m3.

Dầu DO: **1804,8** tấn.

Hóa chất: **217,206** tấn (Helium, Ethylmercaptan, Hydrogen, hóa chất ức chế ăn mòn đường ống, Nito, dầu nhớt, hóa chất xử lý nước thải...).

Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Khí khô thương phẩm: **8,690** tỷ m3

Tỉ lệ: **97,12%**

Khí là nguồn năng lượng sạch và ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu năng lượng sơ cấp của Việt Nam. PV GAS đã và đang vận hành, triển khai nhiều dự án khí với quy mô lớn, nhằm đáp ứng nhu cầu khí cho các hộ tiêu thụ lớn như các nhà máy điện, nhà máy đạm, các nhà máy công nghiệp tiêu thụ khí thấp áp, đáp ứng các nhu cầu khí cho công nghiệp hóa chất, phân bón, giao thông vận tải và sinh hoạt dân dụng; sẵn sàng kết nối với đường ống dẫn khí khu vực Đông Nam Á phục vụ cho nhu cầu xuất và nhập khẩu khí đốt.

Về hoạt động vận chuyển khí nguyên liệu từ các giàn khai thác ngoài khơi vào bờ, trong năm 2020, tổng sản lượng khí được vận chuyển vào bờ là 8,812 tỷ m3;

Về sản phẩm khí khô thương phẩm trong năm 2020, PV GAS đã sản xuất 8,690 tỷ m3 cho các khách hàng.



Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện: 82,037 triệu Kwh.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Trong công tác sản xuất kinh doanh, PV GAS tập trung chuyển đổi hệ thống năng lượng từ việc sử dụng các máy phát điện diesel sang hệ thống sử dụng khí đồng hành tập trung tại các giàn khai thác trung tâm, máy nén khí, máy phát, nhờ đó đã hạn chế đáng kể phát thải và tiết kiệm chi phí năng lượng.

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Với vai trò là nhà cung cấp khí duy nhất cho thị trường Việt Nam, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và sử dụng hiệu quả tài nguyên, PV GAS đã chú trọng xây dựng một hệ thống thu gom khí đồng hành từ hầu hết các mỏ dầu, kết nối với hệ thống khai thác và vận chuyển khí đảm bảo cung cấp ổn định 10 tỷ m3 hàng năm cho các nhà máy điện, đạm và khí thấp áp cho một số hộ tiêu thụ công nghiệp. Với nhiều sáng kiến hữu ích như cải tiến sản xuất, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng, hằng năm PV GAS đã tiết giảm chi phí, giá thành sản phẩm khoảng 100 tỷ đồng.

Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nước cấp: 356.372 m3, trong đó bao gồm cả nước phục vụ diễn tập Phòng cháy chữa cháy, tưới cây, sinh hoạt và sản xuất.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

- Tỷ lệ phần trăm lượng nước tái chế: 0%

- Tỷ lệ phần trăm lượng nước tái sử dụng: 0%

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Mục đích của tuân thủ yêu cầu pháp luật về Môi trường là điều chỉnh các hoạt động, các sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp để đảm bảo quá trình hoạt động và sản xuất không gây phương hại đến cộng đồng, và tác động đến môi trường được giảm thiểu.

PV GAS luôn phổ biến các thay đổi về văn bản pháp luật môi trường đến từng đơn vị và hàng năm thực hiện giám sát kiểm tra sự tuân thủ của các đơn vị. Mặt khác PV GAS đã thu thập, thống kê các cơ sở dữ liệu, hồ sơ pháp lý về môi trường. Trong quá trình kiểm tra giám sát thực tế và qua kết quả từ hệ thống cơ sở dữ liệu, tìm ra các điểm chưa phù hợp trong hệ thống văn bản pháp quy với hoạt động đặc thù thực tế của ngành khí, từ đó có văn bản kiến nghị đến các Bộ ngành liên quan để chỉnh sửa cho phù hợp.

Trong năm 2020, PV GAS đã thực thi các quy định về bảo vệ môi trường sau:

- Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường như lập và phê duyệt cam kết bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, giám sát môi trường, quản lý chất thải (đặc biệt chất thải nguy hại), kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu...;
- Các hoạt động liên quan đến tràn dầu và hóa chất đều xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất;
- Việc giám sát môi trường được triển khai theo đúng các yêu cầu pháp luật, cam kết trong báo cáo Đánh giá tác động môi trường và Hướng dẫn của Tập đoàn dầu khí Việt Nam bao gồm môi trường nước, không khí và trầm tích... Các chỉ tiêu đều đạt quy chuẩn Việt Nam và lưu giữ hồ sơ theo quy định;
- Công tác đăng ký chủ nguồn thải, quản lý chất thải nguy hại (thu gom, vận chuyển, xử lý) và báo cáo định kỳ cho các cơ quan quản lý đúng theo quy định;
- Tiến hành thanh kiểm tra các đơn vị ít nhất 1 năm/lần, các đơn vị triển khai kiểm tra hàng quý (cấp công ty), hàng tháng (cấp phân xưởng, nhà máy) và hàng ca;
- Ban hành quy trình quản lý môi trường, quy trình phân định trách nhiệm để cụ thể hóa các yêu cầu của pháp luật thành những quy định, hướng dẫn để các Bộ phận/cá nhân triển khai thực hiện;
- Thường xuyên thông báo, cập nhật và đánh giá tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường cũng như các Nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật trong lĩnh vực môi trường;
- Mời chuyên gia các Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương tập huấn các quy định mới trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Tổ chức các hoạt động Hưởng ứng ngày môi trường thế giới, Chiến dịch làm sạch thế giới, Giờ trái đất, chống rác thải nylon...
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Trong năm 2020, PV GAS tiếp đoàn công tác bảo vệ môi trường của Cục Cảnh sát môi trường – Bộ Công an, Sở Tài nguyên & Môi trường các tỉnh vào làm việc, đoàn đánh giá cao công tác bảo vệ môi trường tại PV GAS và không có kiến nghị gì.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: là 0 đồng.





Hoạt động hợp tác quốc tế và trong nước

Hoạt động hợp tác quốc tế của PV GAS nhằm mục đích tìm kiếm cơ hội hợp tác với các công ty đến từ các quốc gia có nền công nghiệp dầu khí phát triển, đặc biệt là lĩnh vực LNG để học hỏi kinh nghiệm kinh doanh, xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cũng như mở rộng nguồn cung cấp khí từ các mỏ ngoài nước để góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, duy trì đà tăng trưởng, phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn mới.

Trong năm 2020, PV GAS đã có các hoạt động hợp tác quốc tế tiêu biểu sau:

Ký kết các nguyên tắc chính của thỏa thuận thành lập Công ty kho cảng LNG Sơn Mỹ cùng Tập đoàn năng lượng AES.

Tập đoàn AES có trụ sở tại Bang Virginia, Hoa Kỳ, có tên trong trong danh sách 500 công ty lớn nhất Hoa Kỳ do tạp chí Fortune bình chọn (500 Fortune) và là một trong những công ty hàng đầu thế giới về lĩnh vực năng lượng. AES có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, phân phối điện trên thế giới và có kinh nghiệm trong việc xây dựng hạ tầng trong ngành công nghiệp khí. Tại Việt Nam, AES có hoạt động thành công và hiệu quả từ năm 2010 đến nay, đã đầu tư vào dự án Nhà máy điện than Mông Dương 2 với công suất 1150 MW tại Quảng Ninh. Hiện nay, AES cũng đã được Chính phủ chấp thuận cho phép làm chủ đầu tư dự án Nhà máy điện Sơn Mỹ 2 sử dụng LNG và cùng PV GAS tham gia góp vốn vào Công ty Kho cảng LNG Sơn Mỹ.

Dự án kho cảng LNG Sơn Mỹ nằm trong chuỗi dự án điện khí LNG tại tỉnh Bình Thuận, với công suất kho cảng là 3 triệu tấn/năm (cho giai đoạn 1 và lên đến 6 triệu tấn vào giai đoạn tiếp theo) nhằm tiếp nhận, xử lý và cung cấp khí LNG tái hóa làm nhiên liệu cho 2 nhà máy điện Sơn Mỹ 1 và Sơn Mỹ 2 từ năm 2024, bổ sung nguồn khí thiếu hụt tại miền Nam Việt Nam, đặt biệt là sau 2023, khi các nguồn khí nội địa bắt đầu suy giảm.

Trên cơ sở bản ghi nhớ (MOU) được ký kết vào ngày 12/11/2017 dưới sự chứng kiến của Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump và Cố Chủ tịch nước Trần Đại Quang, được sự chấp thuận và chỉ đạo sát sao của Chính Phủ, Ủy Ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp, các Cơ quan Ban Ngành và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PV GAS và AES đã tổ chức đàm phán các điều khoản chính của Thỏa thuận liên doanh để thành lập Công ty Kho cảng LNG Sơn Mỹ. Trải qua quá trình đàm phán tích cực giữa hai bên thì các điều khoản chính đã được hoàn thành và tiến hành kí kết ngày 28/10/2020.



Ký kết Thỏa thuận khung (HOA) cùng Công ty Shell Eastern Trading.

Shell Eastern Trading (Shell) là một công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân có trụ sở tại Singapore, được thành lập và tồn tại theo luật pháp của Singapore. Vào ngày 24/08/2020, PV GAS và Shell đã cùng thống nhất các điều khoản của HOA và tiến hành ký kết. Theo đó, Shell đồng ý trở thành nhà thầu phụ đặc biệt để cung cấp LNG cho PV GAS trong Hồ sơ dự thầu cho gói thầu “Mua khí nhập khẩu phục vụ vận hành và sản xuất nhà máy điện Phú Mỹ” do Tổng công ty Phát điện 3 – CTCP (EVNGENCO 3) mời thầu. Trong trường hợp PV GAS là nhà thầu được lựa chọn, các Bên sẽ tiến hành thương thảo trên tinh thần thiện chí nhằm thực hiện một Hợp đồng Mua bán LNG đầy đủ và có ràng buộc (“LNG SPA”).

Tiếp tục trao đổi cùng Premier Oil Tuna B.V (Premier Oil) về tình hình phát triển mỏ Tuna.

Ngày 07/11/2019, các Bên gồm Premier Oil (Nhà điều hành) và MOECO Tuna E&P CO., Ltd (MOECO, Bên Bán) và PV GAS (Bên Mua) đã ký kết sửa đổi Biên bản ghi nhớ (MOU). Theo đó, thời gian hiệu lực của MOU được sửa đổi thành 42 tháng kể từ ngày ký để phù hợp với các mốc tiến độ mới của công tác triển khai dự án. Trong năm 2020, PV GAS và Premier Oil đã tích cực trao đổi các thông tin liên quan đến tình hình phát triển mỏ Tuna ngoài khơi Indonesia để kịp đáp ứng việc ký kết các hợp đồng từ thượng đến hạ nguồn liên quan trước ngày có khí đầu tiên của mỏ Tuna.

Ký kết Biên bản ghi nhớ (MOU) cùng VinaCapital Group Ltd (VinaCapital).

VinaCapital là một công ty đầu tư tài chính được thành lập theo luật pháp của British Virgin Islands, và có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh. Với 15 năm kinh nghiệm đầu tư

tại thị trường Việt Nam với tổng số vốn quản lý khoảng 3 tỷ USD, VinaCapital đã luôn mang lại hiệu quả đầu tư vượt trội cho nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

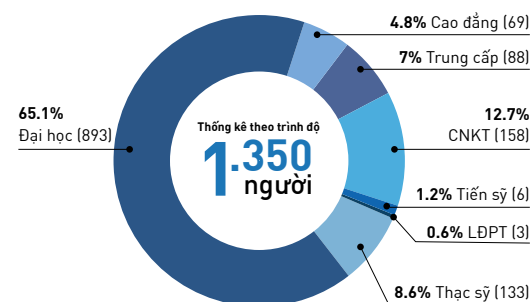
Theo nhận định của Bộ Công Thương, Việt Nam đang đối mặt với rất nhiều khó khăn trong việc cung ứng điện trong thời gian tới. Trong bối cảnh đó, VinaCapital với thế mạnh về tài chính và kinh nghiệm đầu tư, phát triển các dự án đã triển khai chiến lược đầu tư vào mảng năng lượng bền vững, bao gồm các dự án năng lượng tái tạo, các chuỗi dự án Khí – Điện sử dụng LNG. PV GAS với 30 năm kinh nghiệm, vận hành an toàn các hệ thống cấp khí cho các NMD cũng như các khách hàng khác trên toàn Việt Nam đã quyết định song hành cùng VinaCapital để triển khai chiến lược này.

Sau một thời gian trao đổi, hai bên đã đi đến thống nhất một Biên bản ghi nhớ về việc cùng phát triển chuỗi Khí – Điện nhằm hiện thực hoá mong muốn hợp tác giữa hai bên. Ngày 25/9/2020, tại thành phố Hồ Chí Minh đã diễn ra Lễ ký kết “Bản ghi nhớ về việc hợp tác phát triển chuỗi Khí – Điện” giữa PV GAS và VinaCapital. Lễ ký kết được coi là một sự kiện có ý nghĩa, chào mừng kỷ niệm 30 năm ngày thành lập PV GAS và kỷ niệm 45 năm thành lập ngành Dầu khí Việt Nam.

Lãnh đạo hai bên tin rằng việc hợp tác giữa hai bên sẽ đem lại không chỉ những giải pháp tốt nhất về mặt đầu tư, mà trên hết là góp phần giải quyết hiệu quả nhu cầu cấp điện cấp bách, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững của đất nước. Trong thời gian tới, hai bên sẽ sớm triển khai thực hiện các dự án thiết thực, hiệu quả để cung cấp khí LNG tái hóa cho Nhà máy điện Long An I/II từ năm 2025.



Chính sách về nhân sự, phát triển nguồn nhân lực



Tỷ lệ lao động có trình độ Đại học trở lên chiếm

77% nhóm lao động quản lý cấp cao, cấp trung, nhóm chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật

Số lượng, trình độ CBCNV trong năm 2020:

Tính đến ngày 31/12/2020, tổng số CBCNV tại Công ty mẹ, các chi nhánh và các công ty cổ phần do PV GAS nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối là 2.716 người, trong đó tổng số CBCNV tại Công ty mẹ và các chi nhánh của PV GAS là 1.350 người được phân chia theo trình độ như biểu đồ đính kèm.

Về ngành nghề đội ngũ lao động mà PV GAS đang sử dụng rất **đa dạng** lên đến gần **20 nhóm ngành nghề khác nhau**, tập trung nhiều trong các lĩnh vực kỹ thuật (trên 60%). Điều này là do đặc thù hoạt động trong ngành công nghiệp khí.

Về giới tính, cũng do đặc thù hoạt động trong ngành công nghiệp khí nên gần 80% là nam giới, trong đó tập trung vào các lĩnh vực vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, xây dựng công trình khí.

Với tỷ lệ lao động có trình độ cao chiếm tỷ lệ khá cao, trình độ từ Đại học trở lên chiếm 77% tập trung trong nhóm lao động quản lý cấp cao và cấp trung, nhóm chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật. Đây là lợi thế rất lớn của PV GAS trong việc phát triển nguồn nhân lực.

Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, trưởng thành qua thực tiễn sản xuất kinh doanh, đáp ứng với sự phát triển và hội nhập, điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhiều năm liền.

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

Năm 2020, công tác đào tạo của toàn TCT đã cơ bản đáp ứng yêu cầu cung cấp kiến thức, kỹ năng, cập nhật văn bản pháp luật để phục vụ tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và xây dựng Hệ thống quản trị nguồn nhân lực. Kết quả thực hiện như sau:

Tổng số lượt người thực hiện là: 14.251 người **đạt 115%** so với **Kế hoạch**.

Chi phí đào tạo thực hiện là: 25,2 tỷ đồng, đạt 60% kế hoạch năm. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid kéo dài nên các khóa đào tạo đã không được thực hiện đúng theo kế hoạch đề ra, đặc biệt liên quan đến các khóa học tại nước ngoài/ có yếu tố nước ngoài cho các khóa kỹ thuật chuyên môn sâu có chi phí cao.

Đặc biệt công tác đào tạo đã thực hiện được một số công việc sau:

- Triển khai xây dựng chương trình đào tạo dài hạn, tập trung vào việc đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, kỹ sư đầu ngành và cán bộ lãnh đạo, quản lý.
- Xây dựng, ban hành quy định về đánh giá, công nhận kỹ sư đầu ngành cấp đơn vị, dự thảo ban hành quy định đánh giá công nhận chuyên viên, kỹ sư chính tại Cơ quan điều hành.
- Xây dựng phần mềm quản lý đào tạo và tổ chức đánh giá năng lực chuyên môn cho toàn thể CBCNV.

- Đào tạo an toàn, vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, chuẩn bị cho các dự án LNG.
- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai áp dụng đào tạo nội bộ, E-learning và quản lý dữ liệu đào tạo thông qua phần mềm đào tạo trong toàn TCT.

Về xây dựng Hệ thống Quản trị nhân lực:

Trong năm 2020, TCT tiếp tục triển khai xây dựng, áp dụng hệ thống quản trị nhân sự tiên tiến, từng bước xây dựng hệ thống lương thưởng dựa trên giá trị công việc, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, qua đó góp phần tăng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, tạo động lực cho nhân viên phát triển và xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa. Cụ thể:

- Hoàn thiện hệ thống chức danh công việc tại Cơ quan điều hành TCT:
Rà soát, cập nhật chức năng nhiệm vụ và tiến hành phân tích công việc, sắp xếp công việc, xây dựng hệ thống chức danh, định biên lao động của các Ban/Văn phòng/Trung tâm.
Hoàn thành việc xây dựng bản mô tả công việc cho tất cả chức danh của các Ban/Văn phòng/Trung tâm.
Tiếp tục rà soát, xây dựng hệ thống chức danh công việc, định biên lao động và bản mô tả công việc của các đơn vị trực thuộc TCT.
- Đã xác định 6 lĩnh vực xây dựng kỹ sư đầu ngành (Điện, Đo lường, Điều khiển – Tự động hóa, Cơ khí tĩnh, Cơ khí quay, Chống ăn mòn thiết bị, PCCC, Quản lý tính toán vận hệ thống, Công nghệ, Đo lường), tổ chức đào tạo theo các chuẩn mực quốc tế và đã đánh giá công nhận 06 KSDN.
- Xây dựng và ban hành quy định về Văn hóa doanh nghiệp và Kế hoạch thực hành kiến tạo văn hóa PV GAS.
- Đánh giá năng lực nhân viên:
Tổ chức xây dựng, rà soát, cập nhật bộ dữ liệu ngân hàng câu hỏi và tiến hành đánh giá chuyên môn đối với tất cả các chức danh thông qua phần mềm để làm cơ sở đánh giá năng lực nhân viên, lập kế hoạch đào tạo hàng năm và phân công nhiệm vụ.
Tiến hành đánh giá năng lực (thông qua phỏng vấn trực tiếp, thực hành tại site) đối với các chức danh vận hành, bảo dưỡng sửa chữa định kỳ hàng năm hoặc khi bổ nhiệm, luân chuyển công việc.
- Tiến hành phân giao nhiệm vụ và đánh giá kết quả thực hiện công việc của các Ban/Đơn vị/Cá nhân trong toàn TCT thông qua KPIs để làm cơ sở bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm.



Chính sách liên quan đến người lao động:

PV GAS đã xây dựng và ban hành chính sách nhân viên theo các quy định của Nhà nước, Tập đoàn và đặc thù của PV GAS với cơ chế trả lương, trả thưởng linh hoạt, có tính cạnh tranh theo cơ chế thị trường nhằm nuôi dưỡng và thu hút nhân tài trong và ngoài nước làm việc lâu dài tại PV GAS, cụ thể như sau:

- PV GAS đảm bảo được việc làm cho người lao động, hầu hết người lao động được bố trí công việc phù hợp với trình độ chuyên môn và khả năng, không có trường hợp nào ngừng việc hoặc mất việc.
- Đảm bảo tiền lương, thu nhập cao và ổn định để người lao động yên tâm công tác; Việc trả lương, trả thưởng và các chế độ đãi ngộ khác dựa trên năng lực thực sự và hiệu quả công việc của từng cá nhân.
- Thường thành tích định kỳ và đột xuất cho cá nhân và đơn vị, thường sáng kiến cải tiến; Thưởng vận hành an toàn công trình khí; Thưởng nhân các ngày lễ của quốc gia và sự kiện đặc biệt của Tập đoàn, PV GAS.
- Các loại phụ cấp đặc thù ngành khí được áp dụng phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc của từng vị trí công việc.
- Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước; Chế độ bảo hiểm tự nguyện mang tính phúc lợi cao cho người lao động (Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, Bảo hiểm tai nạn, sinh mạng và phẫu thuật nằm viện).
- Khám và theo dõi sức khỏe định kỳ; Trợ cấp, tặng quà nhân các sự kiện đặc biệt của người lao động.
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho người lao động.
- Tôn trọng và tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe và môi trường. PV GAS có môi trường làm việc chuyên nghiệp, luôn áp dụng công nghệ tiên tiến và trang thiết bị hiện đại.
- Năm 2020 có 36 kiến nghị được người lao động đưa ra tại các buổi đối thoại định kỳ. Tất cả các kiến nghị đều được PV GAS xem xét, xử lý thỏa đáng.
- Ngoài ra, đã có hơn 150 ý tưởng, giải pháp sáng kiến thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh được đề xuất. Tất cả các ý tưởng, giải pháp đều đã và đang được PV GAS tiếp nhận, đánh giá và hỗ trợ tác giả triển khai áp dụng vào thực tế.

Gắn kết hoạt động kinh doanh với cộng đồng xã hội

Trong năm 2020, dù gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, Tổng công ty vẫn tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình ASXH, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng xã hội. Tổng công ty đã phối hợp tổ chức các chương trình tài trợ ASXH trên khắp các miền tổ quốc, trong đó đặc biệt tài trợ cho các vùng sâu, vùng xa – nơi có hoàn cảnh khó khăn, thông qua các chương trình này, PV GAS một phần đã đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội, đồng thời đã lan tỏa sự yêu thương, gắn kết giữa tập thể cán bộ công nhân viên PV GAS đến những địa phương, cá nhân có hoàn cảnh khó khăn cần sự giúp đỡ.

Cụ thể:

Tổng công ty đã ký kết tài trợ các chương trình ASXH với tổng kinh phí là 120 tỷ đồng. Trong đó:

- Tài trợ cho lĩnh vực Giáo dục – Trường học: 73,5 tỷ đồng chiếm khoảng 60% tổng kinh phí tài trợ ASXH;
- Tài trợ cho lĩnh vực Y tế - Bệnh viện: 29 tỷ đồng chiếm khoảng 25% tổng kinh phí tài trợ;
- Tài trợ Nhà Đại đoàn kết cho người nghèo: 7 tỷ đồng chiếm khoảng 5% tổng kinh phí tài trợ;
- Tài trợ các chương trình Đến ơn đáp nghĩa, đối tượng chính sách: 4 tỷ đồng chiếm khoảng 3% tổng kinh phí tài trợ;
- Tài trợ để khắc phục hậu quả thiên tai, cứu trợ nhân đạo: 9,2 tỷ đồng chiếm khoảng 7% tổng kinh phí tài trợ.





Triển khai và củng cố văn hóa doanh nghiệp

Trải qua hơn 30 năm hình thành và phát triển, đến nay Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV GAS) đã trở thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực khí với hạ tầng công nghiệp khí hoàn chỉnh, đồng bộ từ đầu tư thượng nguồn, thu gom, vận chuyển, tàng trữ, chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí; có đóng góp quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng và phát triển kinh tế đất nước...;

Cùng với quá trình hình thành và phát triển, PV GAS đã dần định hình và khẳng định nét văn hóa riêng biệt, với các giá trị cốt lõi: An toàn – Chuyên nghiệp – Đổi mới – Hợp tác – Hiệu quả.

PV GAS luôn xem Văn hóa doanh nghiệp (VHDN) cũng là một trong những cấu phần quan trọng trong Hệ thống quản trị nhân sự tiên tiến để tạo nên những nét riêng, đặc trưng của PV GAS, phát huy lợi thế về nguồn nhân lực, góp phần gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh và duy trì sự phát triển bền vững. Do đó, quá trình thực hành và lan tỏa Văn hóa PV GAS luôn được các cấp Lãnh đạo, CBCNV quan tâm, hưởng ứng thông qua các hoạt động cụ thể như sau:

- Xây dựng và ban hành Sổ tay Văn hóa PV GAS với các giá trị cốt lõi, hệ thống các chuẩn mực hành vi và bộ quy tắc ứng xử áp dụng trong toàn Tổng công ty.
- Tiến hành bài trí văn phòng khoa học và đồng bộ với các giá trị Văn hóa PV GAS; xây dựng đồng phục, bộ nhận diện thương hiệu PV GAS.
- Duy trì và thực hành tốt 5S trong toàn TCT.
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động tập thể, teambuilding theo chủ đề văn hóa, cuộc thi tìm hiểu Văn hóa PV GAS, các phong trào thi đua để gắn kết, lan tỏa các giá trị Văn hóa PV GAS.
- Luôn duy trì kiến tạo, thực hành phổ biến và truyền thông Văn hóa PV GAS đến toàn thể CBCNV để đảm bảo nhận thức đúng, đồng bộ và thể hiện vai trò quan trọng của VHDN trong sự phát triển bền vững của PV GAS.
- Luôn quan tâm đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa học tập, hướng đến một tổ chức học tập bằng cách thúc đẩy tinh thần tự học, tự đào tạo của mỗi CBCNV.

Với phương châm “mỗi CBCNV là một đại sứ Văn hóa PV GAS” và quá trình thực hành Văn hóa đi vào thực chất, hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng đến thực thi chiến lược phát triển cũng như tăng cường động lực làm việc cho các CBCNV, PV GAS luôn luôn cải tiến, thực hành kiến tạo Văn hóa doanh nghiệp.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ NĂM 2020

Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	55/NQ-KVN	05/05/2020	Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của PV GAS về việc bầu lại Thành viên Hội đồng Quản trị
2	56/NQ-KVN	05/05/2020	Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của PV GAS về việc bầu lại Thành viên Hội đồng Quản trị
3	57/NQ-KVN	05/05/2020	Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của PV GAS về việc miễn nhiệm Kiểm soát viên
4	58/NQ-KVN	05/05/2020	Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của PV GAS về việc bầu bổ sung Kiểm soát viên
5	59/NQ-KVN	05/05/2020	Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của PV GAS
6	75/NQ-KVN	10/08/2020	Nghị quyết về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Nhân sự và sở hữu cổ phần

STT	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Sinh Khang	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	46.257%
2	Ông Dương Mạnh Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc	19.80%
3	Bà Võ Thị Thanh Ngọc	Thành viên Hội đồng Quản trị	14.85%
4	Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị	14.85%
5	Ông Đỗ Đông Nguyên	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	
6	Ông Trương Hồng Sơn	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	
Tổng cộng			95.762%

Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị (Hội đồng Quản trị)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số buổi họp tham dự	Tỉ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Sinh Khang	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	26/12/2018		27/27	100%	
2	Ông Dương Mạnh Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc	09/05/2015		27/27	100%	
3	Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị	22/04/2011		27/27	100%	
4	Bà Võ Thị Thanh Ngọc	Thành viên Hội đồng Quản trị	20/10/2015		26/27	96%	Công tác
5	Ông Đỗ Đông Nguyên	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	27/04/2018		27/27	100%	
6	Ông Trương Hồng Sơn	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	09/04/2019		26/27	96%	Nghỉ phép

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chỉ đạo và giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành PV GAS thông qua việc:

- Thường xuyên tổ chức, chủ trì, đồng chủ trì, tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, của Ban Tổng Giám đốc để chỉ đạo, đánh giá tình hình thực hiện, xem xét các giải pháp, kiểm tra, giám sát,... các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính, tổ chức, nhân sự, tái cấu trúc,... trong toàn PV GAS.
- Thực hiện Chương trình giám sát năm 2020 của Hội đồng Quản trị.
- Xem xét các báo cáo, đánh giá của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát nội bộ, của Đoàn kiểm tra, giám sát nội bộ về hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn PV GAS.
- Trao đổi, thảo luận với Ban Tổng Giám đốc về việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của ĐHĐCĐ, Hội đồng Quản trị.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Căn cứ quy định của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Điều lệ PV GAS và Quy chế quản trị PV GAS, việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm hiện tại, Hội đồng Quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị đã thành lập Ban Kiểm soát nội bộ để giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong việc giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, và quản lý điều hành trong PV GAS; hỗ trợ Ban Kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PV GAS.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị còn phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng Quản trị phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị trong toàn PV GAS.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị

(liên quan đến các vấn đề phải công bố thông tin theo quy định của Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 và Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	04/NQ-KVN	05/05/2020	Thông qua các dự thảo Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS với PV Power và PVPower NT2 tiêu thụ khí mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt
2	07/NQ-KVN	20/01/2020	Thông qua việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
3	15/NQ-KVN	17/02/2020	Thông qua các dự thảo Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS với PV Power và PVPower NT2 tiêu thụ khí mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt
4	199/QĐ-KVN, 200/QĐ-KVN	18/02/2020 và 19/02/2020	Bổ nhiệm các Phó Tổng Giám đốc của PV GAS
5	21/NQ-KVN	21/02/2020	Phê duyệt công thức giá bán Condensate Thái Bình năm 2020
6	22/NQ-KVN	27/02/2020	Thông qua các nội dung chính của Bổ sung Số 15 GSA NT1 điều chỉnh sản lượng khí cấp năm 2020 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1
7	24/NQ-KVN	09/03/2020	Thông qua Sửa đổi, Bổ sung số 02 Hợp đồng hợp tác kinh doanh cho Dự án đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn
8	26/NQ-KVN	12/03/2020	Sửa đổi Nghị quyết số 76/NQ-KVN ngày 15/5/2018 về việc thông qua các nội dung chính của Hợp đồng bán và hoán đổi khí thiên nhiên thuộc vỉa khí - condensate khu vực Đông Bắc Rồng giữa PVN và PV GAS
9	32/NQ-KVN	31/03/2020	Thông qua các dự thảo Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS với PV Power và PVPower NT2 tiêu thụ khí mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt
10	412/QĐ-KVN	01/04/2020	Ông Nguyễn Quốc Huy thôi làm Phó Tổng Giám đốc PV GAS
11	34/NQ-KVN	03/04/2020	Thông qua dự thảo Hợp đồng mua bán khí năm 2020 giữa PV GAS với PVFCCo
12	35/NQ-KVN	03/04/2020	Thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng thường niên năm 2020

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
13	458/QĐ-KVN	17/04/2020	Công tác cán bộ của PV GAS
14	60/NQ-KVN	08/05/2020	Chấp thuận GSA Sao Vàng – Đại Nguyệt giữa PVN và PV GAS
15	63/NQ-KVN	29/05/2020	Chấp thuận dự thảo Sửa đổi, Bổ sung số 02 Hợp đồng mua bán khí Bể Cừu Long giữa PVN và PV GAS
16	67/NQ-KVN	26/06/2020	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và trả cổ tức còn lại của năm 2019 của PV GAS
17	70/NQ-KVN	01/07/2020	Thông qua dự thảo Thỏa thuận thanh toán tiền mua bán khí năm 2019 giữa PV GAS và PVFCCo
18	71/NQ-KVN	31/07/2020	Thông qua dự thảo Sửa đổi, Bổ sung số 04 HĐ dịch vụ thu gom, tiếp nhận, nén khí bể Cừu Long giữa PV GAS với PVN và VSP
19	72/NQ-KVN	31/07/2020	Thông qua dự thảo sửa đổi, Bổ sung số 01 hợp đồng dịch vụ thuê công suất nén Rồng Đồi Mồi và Rồng Mở Rộng
20	73/NQ-KVN	31/07/2020	Thông qua nội dung chính Thỏa thuận hợp tác giữa PV GAS và PVChem
21	81/NQ-KVN	26/08/2020	Chấp thuận dự thảo Sửa Đổi, Bổ sung số 01 Hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy GPP Cà Mau giữa PVN và PV GAS
22	82/NQ-KVN	27/08/2020	Thông qua các nội dung chính của Bổ sung số 16 GSA NT1 về cam kết cấp và nhận khí các tháng còn lại năm 2020 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1
23	87/NQ-KVN	28/09/2020	Chấp thuận chủ trương thoái toàn bộ phần vốn góp của PV GAS tại Gas South
24	92/NQ-KVN	05/11/2020	Chấp thuận chủ trương tham gia và các nội dung chính của hợp đồng hợp tác kinh doanh để thực hiện chuỗi dự án Cảng Dịch Vụ - Khí - Điện
25	93/NQ-KVN	09/11/2020	Chấp thuận các nội dung chính của Sửa đổi, Bổ sung số 06 Hợp đồng dịch vụ vận hành và bảo dưỡng hệ thống thu gom khí thấp áp Vòm Bắc giữa PV GAS và Vietsovpetro
26	94/NQ-KVN	10/11/2020	Thông qua các nội dung chính của Bổ sung số 17 GSA NT1 về cam kết cấp và nhận khí năm 2021 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1
27	96/NQ-KVN	07/12/2020	Chấp thuận Sửa đổi, Bổ sung số 02 của Hợp đồng dịch vụ số 2779/HĐ-DKVN giữa PVN và PV GAS
28	107/NQ-KVN	29/12/2020	Chấp thuận Sửa đổi, Bổ sung số 03 Hợp đồng mua bán khí và condensate mỏ Thiên Ưng và mỏ Đại Hùng giữa PVN và PV GAS



Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	04/NQ-KVN	14/01/2020	Thông qua các dự thảo Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS với PV Power và PVPower NT2 tiêu thụ khí mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt
2	15/NQ-KVN	17/02/2020	Thông qua dự thảo Thỏa thuận tạm thanh toán về mua bán khí bổ sung cho nhà máy GPP Cà Mau giữa PVN và PV GAS
3	21/NQ-KVN	21/02/2020	Phê duyệt công thức giá bán Condensate Thái Bình năm 2020
4	22/NQ-KVN	27/02/2020	Thông qua các nội dung chính của Bổ sung Số 15 GSA NT1 điều chỉnh sản lượng khí cấp năm 2020 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1
5	26/NQ-KVN	12/3/2020	Sửa đổi Nghị quyết số 76/NQ-KVN ngày 15/5/2018 về việc thông qua các nội dung chính của Hợp đồng bán và hoán đổi khí thiên nhiên thuộc vỉa khí - condensate khu vực Đông Bắc Rồng giữa PVN và PV GAS
6	32/NQ-KVN	31/03/2020	Thông qua các dự thảo Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng mua bán khí giữa PV GAS với PV Power và PVPower NT2 tiêu thụ khí mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt
7	34/NQ-KVN	03/04/2020	Thông qua dự thảo Hợp đồng mua bán khí năm 2020 giữa PV GAS với PVFCCo
8	60/NQ-KVN	08/5/2020	Chấp thuận GSA Sao Vàng - Đại Nguyệt giữa PVN và PV GAS
9	63/NQ-KVN	29/05/2020	Chấp thuận dự thảo Sửa đổi, Bổ sung số 02 Hợp đồng mua bán khí Bể Cừu Long giữa PVN và PV GAS
10	70/NQ-KVN	01/07/2020	Thông qua dự thảo Thỏa thuận thanh toán tiền mua bán khí năm 2019 giữa PV GAS và PVFCCo

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
11	71/NQ-KVN	31/07/2020	Thông qua dự thảo Sửa đổi, Bổ sung số 04 HĐ dịch vụ thu gom, tiếp nhận, nén khí bể Cừu Long giữa PV GAS với PVN và VSP
12	72/NQ-KVN	31/07/2020	Thông qua dự thảo sửa đổi, Bổ sung số 01 hợp đồng dịch vụ thuê công suất nén Rồng Đổi Mới và Rồng Mở Rộng
13	73/NQ-KVN	31/07/2020	Thông qua nội dung chính Thỏa thuận hợp tác giữa PV GAS và PVChem
14	81/NQ-KVN	26/08/2020	Chấp thuận dự thảo Sửa Đổi, Bổ sung số 01 Hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy GPP Cà Mau giữa PVN và PV GAS
15	82/NQ-KVN	27/08/2020	Thông qua các nội dung chính của Bổ sung số 16 GSA NT1 về cam kết cấp và nhận khí các tháng còn lại năm 2020 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1
16	87/NQ-KVN	28/09/2020	Chấp thuận chủ trương thoái toàn bộ phần vốn góp của PV GAS tại Gas South
17	92/NQ-KVN	05/11/2020	Chấp thuận chủ trương tham gia và các nội dung chính của hợp đồng hợp tác kinh doanh để thực hiện chuỗi dự án Cảng Dịch Vụ - Khí - Điện
18	93/NQ-KVN	09/11/2020	Chấp thuận các nội dung chính của Sửa đổi, Bổ sung số 06 Hợp đồng dịch vụ vận hành và bảo dưỡng hệ thống thu gom khí thấp áp Vòm Bắc giữa PV GAS và Vietsovpetro
19	94/NQ-KVN	10/11/2020	Thông qua các nội dung chính của Bổ sung số 17 GSA NT1 về cam kết cấp và nhận khí năm 2021 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1
20	96/NQ-KVN	07/12/2020	Chấp thuận Sửa đổi, Bổ sung số 02 của Hợp đồng dịch vụ số 2779/HĐ-DKVN giữa PVN và PV GAS
21	107/NQ-KVN	29/12/2020	Chấp thuận Sửa đổi, Bổ sung số 03 Hợp đồng mua bán khí và condensate mỏ Thiên Ưng và mỏ Đại Hùng giữa PVN và PV GAS

Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát:

Không phát sinh giao dịch trong năm 2020.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Bà Phạm Thị Thu Cúc	Vợ của Ông Bùi Ngọc Quang - Phó Tổng Giám đốc	0	0	0	0	Mua/Bán phục vụ chi tiêu cá nhân trong kỳ báo cáo

CỔ PHẦN, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Đến thời điểm 31/12/2020, Tổng số cổ phần PV GAS đang lưu hành là **1.913.950.000** cổ phần, trong đó, số cổ phần hạn chế chuyển nhượng là 50.000 cổ phần.

Cơ cấu cổ đông (chốt tại thời điểm 31/12/2020)						
STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	1.832.835.900	95,8%	1	1	
2	Công đoàn Công ty	80.000	0%	1	1	
3	Cổ đông khác	81.034.100	4,2%	9.713	153	9.560
	Trong nước	18.374.272	3,8%	8.879	44	8.835
	Nước ngoài	62.659.828	0,4%	834	109	725
Tổng cộng		1.913.950.000	100%	9.715	155	9.560

- ▶ Trong năm 2020, PV GAS không phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ.
- ▶ Cổ phiếu quỹ: Hiện tại PV GAS không còn nắm giữ cổ phiếu quỹ.

Sở hữu của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, BKS và cán bộ quản lý

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ (31/12/2020)	% tổng số CP (31/12/2020)
Hội đồng Quản trị				
1	Ông Nguyễn Sinh Khang Đại diện phần vốn PVN	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	0 885.335.900	0,00 46,26
2	Ông Dương Mạnh Sơn Đại diện phần vốn PVN	Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Giám đốc	0 379.000.000	0,00 19,80
3	Ông Phan Quốc Nghĩa Đại diện phần vốn PVN	Thành viên Hội đồng Quản trị	70.000 284.250.000	0,00 14,85
4	Bà Võ Thị Thanh Ngọc Đại diện phần vốn PVN	Thành viên Hội đồng Quản trị	2.000 284.250.000	0,00 14,85
5	Ông Đỗ Đông Nguyên	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	0	0,00
6	Ông Trương Hồng Sơn	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	0	0,00

Ban Kiểm soát				
1	Ông Mai Hữu Ngân	Trưởng BKS	0	0.00
2	Bà Trần Thị Hoàng Anh	Trưởng BKS	3.000	0.00
3	Ông Nguyễn Công Minh	Kiểm soát viên	0	0.00
4	Bà Hồ Thị Ái Thanh	Kiểm soát viên	0	0.00

Ban Tổng Giám đốc				
1	Ông Dương Mạnh Sơn Đại diện phần vốn PVN	Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Giám đốc	0 379.000.000	0,00 19,80
2	Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc	0	0,00
3	Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc	0	0,00
4	Ông Bùi Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc	0	0,00
5	Ông Phạm Đăng Nam	Phó Tổng Giám đốc	0	0,00
6	Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	0	0,00
7	Ông Hoàng Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	11.450	0,00
8	Ông Huỳnh Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc	0	0,00

Kế toán trưởng				
1	Ông Nguyễn Công Luận	Kế toán trưởng	10	0,00

Người được ủy quyền CBTT				
1	Ông Phạm Đăng Nam	Phó Tổng Giám đốc	0	0,00

Chi trả, tạm ứng cổ tức trong năm 2020

Chi trả cổ tức còn lại năm 2019 bằng tiền mặt

- Ngày đăng ký cuối cùng: 15/07/2020.
- Tỷ lệ thực hiện: 35%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận cổ tức 3.500 đồng).
- Ngày thanh toán: 30/10/2020

GIỚI THIỆU VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRỰC THUỘC, CÔNG TY LIÊN KẾT

Danh sách các công ty trực thuộc PV GAS (chi nhánh)

Nhóm sản xuất và dịch vụ

01

Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ

Chức năng, nhiệm vụ: vận chuyển và phân phối khí từ bể Cửu Long và Nam Côn Sơn 1 và Nam Côn Sơn 2 – GĐ2, cung cấp cho các khách hàng khách hàng điện, đạm, công nghiệp và khách hàng khác tại khu vực Đông Nam Bộ.

Thế mạnh: lực lượng lao động với kinh nghiệm vận hành công trình khí lâu năm nhất tại PV GAS; quản lý và vận hành hệ thống đường ống dẫn khí từ bể Cửu Long đến Bà Rịa – Phú Mỹ - Nhơn Trạch – Hiệp Phước trên 370 km và Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ hiện đại và lớn nhất Việt Nam hiện nay.

Hoạt động chính năm 2020: phân phối an toàn, hiệu quả 6.759 triệu m3 khí khô cho các khách hàng điện, đạm, công nghiệp.

Địa chỉ: 101 Lê Lợi, phường 6, TP. Vũng Tàu

Điện thoại: 0254 3834174

Fax: 0254 3834171

Website: www.pvgas.com.vn

02

Công ty Khí Cà Mau

Chức năng, nhiệm vụ: vận chuyển khí từ mỏ PM3 thuộc bể Malay – Thổ Chu đến các khách hàng khách hàng điện, đạm tại khu vực Tây Nam Bộ.

Thế mạnh: lực lượng lao động trẻ về tuổi đời nhưng đầy sáng tạo, nhiệt huyết và quyết tâm trong công việc và trong học tập để vận hành an toàn và hiệu quả hệ thống đường ống dẫn khí với công suất 6,2 triệu m3 khí/ngày đêm.

Hoạt động chính năm 2020: vận chuyển an toàn, hiệu quả 1.826 m3 khí về bờ

Địa chỉ: 101 Lê Lợi, phường 6, TP. Vũng Tàu

Điện thoại: 0254 3834174

Fax: 0254 3834171

Website: www.pvgas.com.vn



03

Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn

Chức năng, nhiệm vụ: vận chuyển khí từ bể Nam Côn Sơn về Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ.

Thế mạnh: được tổ chức trên cơ sở một Hợp doanh với các công ty Dầu khí hàng đầu thế giới với phương thức quản trị tiên tiến; quản lý và vận hành hệ thống đường ống dẫn khí có công suất vận chuyển lớn nhất Việt Nam hiện nay, 22 triệu m3 khí/ngày đêm.

Hoạt động chính năm 2020: vận chuyển an toàn, hiệu quả 5.568 triệu m3 khí về bờ; liên tục 3 năm liền hệ thống khí đạt độ tin cậy, sẵn sàng 100%.

Địa chỉ: tầng 7 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. HCM

Điện thoại: 028 37840111

Fax: 08 37840345

Website: www.pvgas.com.vn

04

Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu

Chức năng, nhiệm vụ: sản xuất, tàng trữ, phân phối khí và các sản phẩm khí.

Thế mạnh: quản lý và vận hành Nhà máy xử lý khí Dinh Cố và hệ thống kho chứa, cảng xuất nhập LPG, Condensate trên khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam, chiếm trên 50% tổng công suất kho chứa LPG trên cả nước; không chỉ giúp gia tăng giá trị sản phẩm khí, tạo thêm doanh thu và lợi nhuận cho PV GAS, mà còn phối hợp nhịp nhàng với Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí chiếm lĩnh thị phần chi phối tại thị trường LPG Việt Nam.

Hoạt động chính năm 2020: tiếp nhận và xử lý 1.246,6 triệu m3 khí ẩm bể Cửu Long, sản xuất 1.086,6 triệu m3 khí khô, 240,9 nghìn tấn LPG, 50,6 nghìn tấn Condensate, vận chuyển 52,8 nghìn tấn Condensate Nam Côn Sơn và Hải Thạch - Mộc Tinh và đáp ứng 100% nhu cầu hợp lý của khách hàng sử dụng các dịch vụ Kho cảng Thị Vải.

Địa chỉ: 101 Lê Lợi, phường 6, TP. Vũng Tàu

Điện thoại: 0254 3833622

Fax: 0254 3838257

Website: www.pvgas.com.vn



05 Công ty Dịch vụ khí

Chức năng, nhiệm vụ: bảo dưỡng, sửa chữa ngăn ngừa, thường xuyên, đột xuất và kiểm định, hiệu chuẩn kịp thời, có chất lượng, góp phần đảm bảo các hệ thống khí của PV GAS hoạt động ổn định.

Thế mạnh: lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao, chuyên sâu, thông thạo công tác bảo dưỡng, sửa chữa và kiểm định, hiệu chuẩn các công trình khí của PV GAS.

Hoạt động chính năm 2019: hoàn thành các công việc/đầu việc bảo dưỡng sửa chữa lớn: dừng khí của hệ thống khí Hàm Rồng - Thái Bình (tháng 6/2020), PM3 - Cà Mau (tháng 8/2020), Cửu Long (tháng 9/2020).

Địa chỉ: 101 Lê Lợi, phường 6, TP. Vũng Tàu

Điện thoại: 0254 3586381

Fax: 0254 3563180

Website: www.pvgas.com.vn

06 Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí

Chức năng, nhiệm vụ: kinh doanh, xuất nhập khẩu LPG tại thị trường Việt Nam và thế giới.

Thế mạnh: hệ thống kho cảng rộng khắp cả nước (kho LPG Thị Vải 71.260 tấn, kho LPG Gò Dầu 4.000 tấn, kho LPG Dung Quất 2.000 tấn, kho LPG Hải Phòng 1.500 tấn); nguồn hàng đa dạng (Dinh Cố, Dung Quất, Trung Đông và các nước trong khu vực); có hợp đồng mua bán LPG với hầu hết các doanh nghiệp kinh doanh LPG lớn tại thị trường các miền Bắc, Trung, Nam; uy tín của thương hiệu PV GAS; đội ngũ nhân viên am hiểu thị trường LPG Việt Nam.

Hoạt động chính năm 2019: kinh doanh 1.907,9 nghìn tấn LPG tại thị trường Việt Nam và thế giới; chiếm lĩnh 62% thị phần LPG tại thị trường Việt Nam.

Địa chỉ: tầng 11 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. HCM

Điện thoại: 028 37840220

Fax: 028 37840215

Website: www.pvgas.com.vn



07 Chi nhánh Khí Hải Phòng – Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP

Chức năng, nhiệm vụ: Phân phối và kinh doanh LPG và condensate.

Hoạt động chính năm 2020:
Thành lập tháng 12/2019.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

08 Chi nhánh kinh doanh LNG – Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP

Chức năng, nhiệm vụ: Phân phối và kinh doanh khí khô, LNG và condensate.

Hoạt động chính năm 2020:
Thành lập tháng 12/2019.

Địa chỉ: tầng 6 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP.HCM.

Nhóm quản lý dự án đầu tư xây dựng

01 Công ty Quản lý Dự án khí

Địa chỉ: 101 Lê Lợi, phường 6, TP. Vũng Tàu
Điện thoại: 0254 3834174
Fax: 0254 3834171
Website: www.pvgas.com.vn

Chức năng, nhiệm vụ: vận chuyển và phân phối khí từ bể Cửu Long và Nam Côn Sơn 1 và Nam Côn Sơn 2 – GĐ2, cung cấp cho các khách hàng khách hàng điện, đạm, công nghiệp và khách hàng khác tại khu vực Đông Nam Bộ.

Thế mạnh: lực lượng lao động với kinh nghiệm vận hành công trình khí lâu năm nhất tại PV GAS; quản lý và vận hành hệ thống đường ống dẫn khí từ bể Cửu Long đến Bà Rịa – Phú Mỹ – Nhơn Trạch – Hiệp Phước trên 370 km và Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ hiện đại và lớn nhất Việt Nam hiện nay.

Hoạt động chính năm 2019: phân phối an toàn, hiệu quả 6.759 triệu m3 khí khô cho các khách hàng điện, đạm, công nghiệp.

02 Ban quản lý dự án nhà máy xử lý khí Cà Mau

Địa chỉ: 101 Lê Lợi, phường 6, TP. Vũng Tàu
Điện thoại: 0254 3834174
Fax: 0254 3834171
Website: www.pvgas.com.vn

Chức năng, nhiệm vụ: phân phối và kinh doanh LNG và condensate.

Thế mạnh: phân phối 60,6 ngàn tấn condensate, thực hiện công tác chuẩn bị kinh doanh LNG (chuẩn bị nguồn nhập khẩu LNG, chuẩn bị thị trường tiêu thụ khí LNG/khí tái hóa).

Hoạt động chính năm 2019: vận chuyển an toàn, hiệu quả 1.826 m3 khí về bờ

03 Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. HCM
Điện thoại: 028 37840930
Fax: 028 37840180
Website: www.pvgas.com.vn

Chức năng, nhiệm vụ: chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư một số dự án thu gom khí của PV GAS.

Thế mạnh: lực lượng lao động đều là những thành viên kỳ cựu, từng tham gia công tác đầu tư xây dựng nhiều dự án trong ngành dầu khí; có bản lĩnh, sáng tạo trong việc xử lý tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư.

Phương hướng: chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư một số dự án thu gom khí của PV GAS.



Danh sách các công ty thành viên và liên kết

01

Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam – PV GAS LPG

Ngành nghề kinh doanh chính: xuất nhập khẩu và kinh doanh khí hóa lỏng (bán lẻ LPG), kinh doanh khí thiên nhiên nén (CNG).

Thế mạnh: trong nhóm đứng đầu thị trường LPG dân dụng tại miền Bắc; sở hữu hệ thống kho chứa, trạm chiết nạp, mạng lưới phân phối LPG rộng khắp từ Hà Giang đến Đà Nẵng.

Vốn điều lệ: 365,0 tỷ đồng

PV GAS nắm giữ: 51%

Doanh thu: 3.457,9 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 0,5 tỷ đồng

Tỷ suất LNST/ VĐL: 0,13%

Hoạt động chính năm 2020: sản xuất và kinh doanh 247,9 nghìn tấn LPG.

Địa chỉ: tầng 11 tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 024 39445555

Fax: 024 39445333

Website: www.pvgasn.vn

Sự phối hợp nhịp nhàng, hoạt động hiệu quả các công ty thành viên không chỉ hỗ trợ và nối dài dây chuyền sản xuất kinh doanh khí của PV GAS mà còn bảo toàn và phát huy nguồn vốn đầu tư tài chính của PV GAS.

02

Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam – PV GAS D

Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống.

Thế mạnh: vận hành và cung cấp khí thấp áp bằng đường ống cho khách hàng tại các KCN Phú Mỹ, Mỹ Xuân, Gò Dầu, Nhơn Trạch, Hiệp Phước và tiếp tục mở rộng.

Vốn điều lệ: 900 tỷ đồng

PV GAS nắm giữ: 50,5%

Doanh thu: 7.526,7 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 202,9 tỷ đồng

Tỷ suất LNST/ VĐL: 22,5%

Hoạt động chính năm 2020: cung cấp 911,5 triệu m3 khí thấp áp.

Địa chỉ: tầng 7 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. HCM.

Điện thoại: 028 37840445

Fax: 028 37840446

Website: www.pvgasd.com.vn

03

Công ty CP bọc ống Dầu khí Việt Nam – PV Coating

Ngành nghề kinh doanh chính: bọc ống cho các công trình, dự án trong và ngoài ngành Dầu khí.

Thế mạnh: Công ty duy nhất tại Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực bọc ống với các loại hình bọc bê tông gia trọng, bọc chống ăn mòn 3 lớp, bọc cách nhiệt, bọc bend, bọc mối nối,... cho loại ống có đường kính từ 6 đến 48”.

Vốn điều lệ: 216,0 tỷ đồng

PV GAS nắm giữ: 52,9%

Doanh thu: 695,1 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 60,6 tỷ đồng

Tỷ suất LNST/ VĐL: 28%

Hoạt động chính năm 2020: hoàn thành bọc và bàn giao ống cho giai đoạn 2 dự án đường ống dẫn khí NCS2 điều chỉnh, dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt đảm bảo chất lượng, tiến độ.

Địa chỉ: Đường số 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điện thoại: 0254 3924456

Fax: 0254 3924455

Website: www.pvcoating.vn

04

Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí – PV Pipe

Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất ống thép cho các công trình, dự án trong và ngoài ngành Dầu khí.

Thế mạnh: sở hữu nhà máy có quy mô lớn và hiện đại đầu tiên tại Việt Nam, sản xuất ống thép hàn thẳng trên dây chuyền công nghệ 3 - Roll Bending đạt tiêu chuẩn API 5L và 2B phiên bản mới nhất.

Vốn điều lệ: 1.838,5 tỷ đồng

PV GAS nắm giữ: 99,9%

Doanh thu: 308,3 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 40,4 tỷ đồng

Tỷ suất LNST/ VĐL: 2,2%

Hoạt động chính năm 2020: hoàn thành sản xuất, bàn giao ống thép cho giai đoạn 2 dự án đường ống dẫn khí NCS2 điều chỉnh đảm bảo chất lượng, tiến độ; ngoài ra PV PIPE đã cung cấp được 87 tấn ống cho dự án Zeeco flare system của PTSC Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại: 028 37840196

Fax: 028 37840198

Website: www.pvpipe.vn

05

Công ty cổ phần CNG Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh và vận chuyển CNG.

Thế mạnh: Công ty hàng đầu tại Việt Nam chuyên sản xuất, vận chuyển, phân phối CNG để cung cấp cho các nhà máy có sử dụng nhiệt năng trong quá trình sản xuất, chế biến; phục vụ cho các khu chung cư và được sử dụng như là nhiên liệu thay thế xăng dầu trong ngành giao thông vận tải.

Vốn điều lệ: 270,0 tỷ đồng

PV GAS nắm giữ: 56%

Doanh thu: 2.291,5 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 27,3 tỷ đồng

Tỷ suất LNST/VĐL: 10,1%

Hoạt động chính năm 2019: cung cấp 223,8 triệu m3 CNG.

Địa chỉ: tầng 7 tòa nhà GAS TOWER, 61 đường 30/4, phường 7, TP. Vũng Tàu.

Điện thoại: 0254 3574635

Fax: 0254 3574619

Website: www.cng-vietnam.com

07

Công ty cổ phần LNG Việt Nam

Đang thực hiện các thủ tục giải thể.

06

Công ty TNHH Khí nhiên liệu giao thông vận tải PVGAZPROM

Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất ống thép cho các công trình, dự án trong và ngoài ngành Dầu khí.

Vốn điều lệ: 200 tỷ đồng

PV GAS nắm giữ: 29,0%

Hoạt động chính năm 2019: Đang xem xét chuyển giao phần vốn của GGEF tại PVGAZPROM, cập nhật FS điều chỉnh, hoàn thành đánh giá hồ sơ dự thầu gói EPC.

Địa chỉ: tầng 5 tòa nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. HCM.

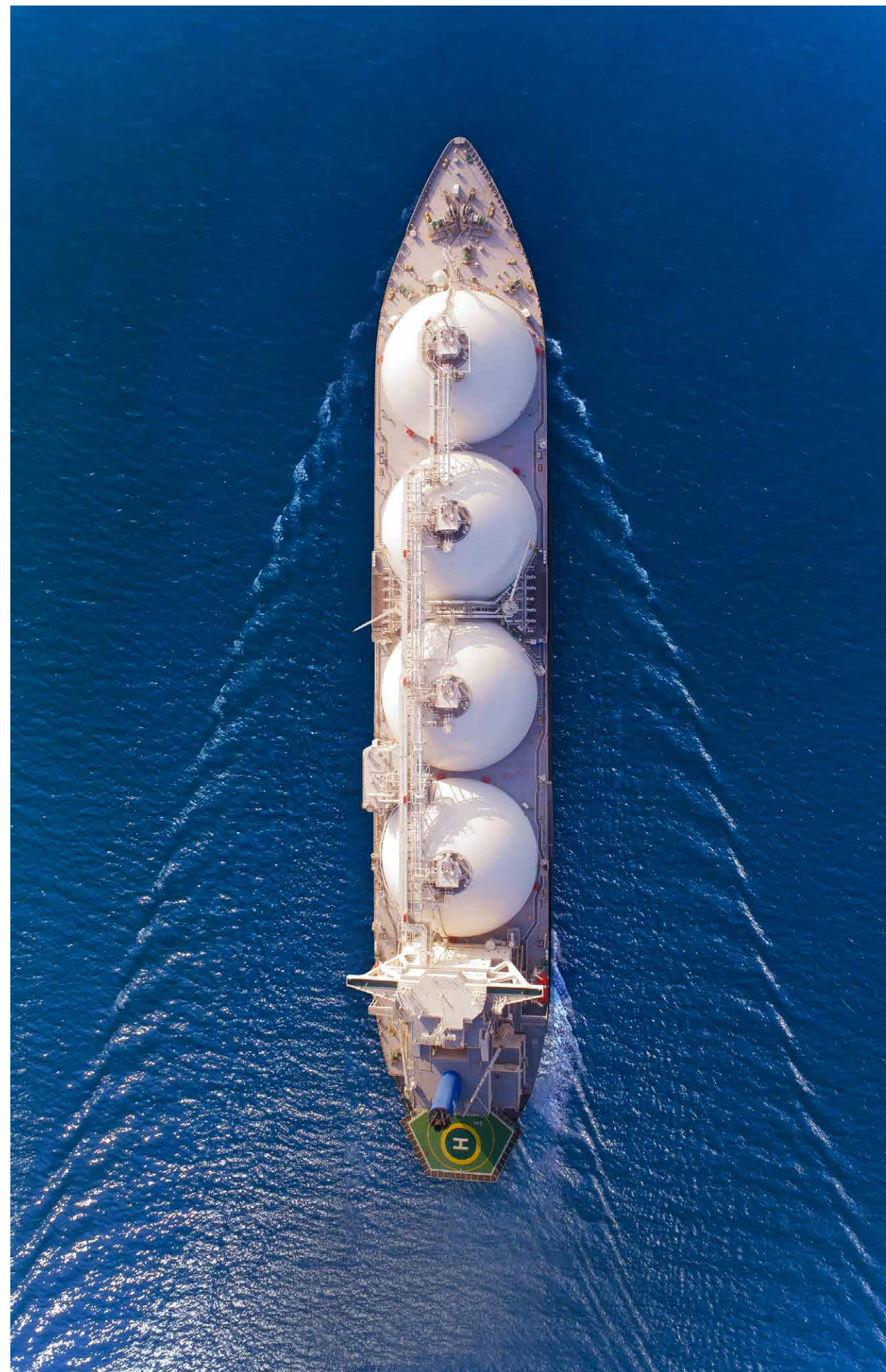
Điện thoại: 028 37816000

Fax: 028 37816960

08

Công ty cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam

Triển khai phương án thoái toàn bộ vốn góp của PV GAS tại Công ty cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam.





CHƯƠNG 03

Chiến lược phát triển

100

Khó khăn thử thách phát triển thị trường

102

Mô hình kinh doanh và động lực
tăng trưởng giai đoạn 2021-2025

104

Kế hoạch SXKD 2021

KHÓ KHĂN THỬ THÁCH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Thu xếp nguồn cung LNG phục vụ dự án NMD:

Hiện nay, PV GAS đã ký kết hợp đồng khung mua bán LNG (MSA – Master Sales Agreement) với hai nhà cung cấp: Shell Singapore và Gazprom Marketing and Trading Singapore (GMTS) để có thể cung cấp các chuyến hàng LNG giao ngay khi PV GAS có nhu cầu.

Các chuyến hàng giao ngay thông thường được các nhà nhập khẩu/người mua LNG huy động trong thời gian chạy thử kho cảng nhập khẩu LNG hoặc khi phát sinh nhu cầu đột biến theo mùa từ các khách hàng tiêu thụ LNG. Với các hợp đồng MSA, PV GAS có thể linh hoạt bổ sung thêm nguồn hàng LNG khi có nhu cầu thông qua việc phát yêu cầu chào mua đến các nhà cung cấp LNG.

Ghi nhận thông qua thống kê các giao dịch mua bán LNG giao ngay và ngắn hạn trong vòng 5 năm qua cho thấy tổng khối lượng LNG giao dịch thông qua hình thức này tăng dần hàng năm và hiện đang chiếm tỷ trọng 30% tổng khối lượng LNG giao dịch trên thị trường. Do vậy, trong thời gian tới PV GAS sẽ tiếp tục ký kết các hợp đồng MSA với các nhà cung cấp LNG tăng số lượng lên từ 20 - 30 MSA để tăng tính cạnh tranh và linh hoạt trong việc thu xếp các chuyến hàng giao ngay.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương liên quan đến việc triển khai thực hiện lựa chọn nhà cung cấp LNG đảm bảo cạnh tranh, công khai, minh bạch, PV GAS đã xây dựng Quy trình phối hợp lựa chọn nhà cung cấp LNG và nguyên tắc xác định giá bán khí tái hóa cho các NMD theo phương án tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà cung cấp LNG đảm bảo nguồn cung LNG dài hạn, ổn định duy trì cấp khí liên tục cung cấp cho các NMD Nhơn Trạch 3&4. Quy trình phối hợp lựa chọn nhà cung cấp đã được trình, báo cáo và đang tiếp tục giải trình, chỉnh sửa bổ sung theo các ý kiến góp ý của Bộ Công Thương và các bộ ngành, các bên liên quan.

Hiện nay, PV GAS đang phối hợp với đơn vị Tư vấn để xây dựng kế hoạch thu xếp nguồn cung LNG và hồ sơ chào mua LNG để lựa chọn nhà cung cấp LNG.

Dự kiến quá trình đánh giá lựa chọn nhà cung cấp sẽ phù hợp với Quy trình phối hợp lựa chọn nhà cung cấp và ký kết các hợp đồng mua LNG dài hạn trong giai đoạn 2021-2022, theo đó trước mắt sẽ thu xếp khoảng 80% nhu cầu LNG của các NMD Nhơn Trạch 3&4 theo hình thức hợp đồng dài hạn, phần còn lại đáp ứng cho nhu cầu của NMD cũng như khách hàng công nghiệp sẽ được điều chỉnh hoặc thu xếp bổ sung thông qua các hợp đồng MSA.

Thử thách về phát triển thị trường LNG:

Hiện tại các mức thuế phí về môi trường, xử lý thải vẫn chưa cao nên các NMD chạy khí vẫn chưa thực sự cạnh tranh so với các NMD chạy nhiên liệu khác như than.

Các khung pháp lý, tiêu chuẩn đối với LNG hiện còn đang trong quá trình hoàn thiện chi tiết nên các bên, đối tác tham gia vào chuỗi giá trị LNG còn gặp khó khăn trong việc triển khai, xin phê duyệt dự án.

Đối với khách hàng công nghiệp, PV GAS đã triển khai nhiều buổi tiếp xúc, hội thảo để giới thiệu về LNG. Tuy nhiên, LNG là sản phẩm mới nên một số khách hàng vẫn còn băn khoăn về đặc tính, độ an toàn và việc chuyển đổi sang sử dụng sản phẩm này.

Ngoài ra, mỗi chuyến hàng LNG có giá trị lớn và đòi hỏi các điều khoản bảo lãnh phức tạp trong khi đó, độ trễ trong việc thanh toán từ phía khách hàng có thể ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh LNG.



MÔ HÌNH KINH DOANH VÀ ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

Mục tiêu

Phát triển PV GAS lớn mạnh, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao, hoạt động hoàn chỉnh trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị khí và sản phẩm khí. Phát huy hiệu quả vai trò Đơn vị duy nhất của PVN trong nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, chế biến, tồn trữ, kinh doanh kịp thời, an toàn, hiệu quả toàn bộ nguồn khí thu gom trong nước và bao tiêu tối đa sản phẩm LPG từ các nhà máy sản xuất của PVN. Tiếp tục thực hiện hiệu quả vai trò Doanh nghiệp Khí chủ lực, dẫn dắt ngành công nghiệp khí Việt Nam phát triển an toàn, bền vững, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và hội nhập quốc tế. Phát triển PV GAS với Sứ mệnh “Mang nguồn năng lượng sạch từ thiên nhiên phục vụ phát triển kinh tế xã hội và mang lại lợi ích thiết thực cho đất nước, cổ đông, người lao động, đối tác và cộng đồng xã hội.

Phát triển PV GAS với giá trị cốt lõi “**ĐOÀN KẾT - ĐỔI MỚI - CHUYÊN NGHIỆP - HÀNH ĐỘNG - HIỆU QUẢ**”, trong đó:

| ĐOÀN KẾT

Phát triển PV GAS là tập thể đoàn kết, thống nhất tư tưởng, cùng chung khát vọng, đam mê cống hiến, cùng nỗ lực hành động, mỗi thành viên đều hết mình hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao nhằm đạt mục tiêu chung – phát triển PV GAS và ngành công nghiệp Khí Việt Nam vững mạnh.

| ĐỔI MỚI

Phát triển PV GAS theo tinh thần dám nghĩ, dám làm, không ngừng học hỏi, ứng dụng, sáng tạo ... đưa các ứng dụng, giải pháp, công nghệ ... nhằm đổi mới, hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

| CHUYÊN NGHIỆP

Phát triển PV GAS với đội ngũ cán bộ, công nhân viên có đức, có tâm, có trình độ cao, tác phong chuyên nghiệp, kỷ luật nghiêm ngặt, không ngừng đổi mới sáng tạo, chuyên tâm và tận lực với công việc. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình, quy định trong các quá trình hoạt động; các quy định của Pháp luật; các cam kết với khách hàng/đối tác và cộng đồng xã hội.



| HÀNH ĐỘNG

Mọi cá nhân và tập thể quyết tâm đồng lòng hành động quyết liệt, trách nhiệm, chủ động, sáng tạo, kịp thời, linh hoạt, hiệu quả nhiệm vụ được giao nhằm đạt mục tiêu đã định.

| HIỆU QUẢ

Hiệu quả là thước đo của mọi hành động. Phát triển PV GAS trên nguyên tắc sử dụng các nguồn lực tối ưu, tiết kiệm, chống lãng phí; đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn khí trong nước góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, lương thực, bảo vệ môi trường, tài nguyên, giữ vững an ninh quốc phòng.

KẾ HOẠCH SXKD 2021

- Thực hiện các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam làm cơ sở phát triển lâu dài của PV GAS.
- Vận hành an toàn, hiệu quả và đảm bảo công tác an ninh, an toàn các công trình khí hiện có.
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; Tiêu thụ, cung cấp khí và các sản phẩm khí tối đa cho khách hàng; Sản xuất và đẩy mạnh công tác phát triển bán lẻ LPG, gia tăng thị phần, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tập trung kiểm soát tiến độ, thu xếp, bố trí đủ vốn theo tiến độ giải ngân của dự án, đảm bảo đưa các dự án/chuỗi dự án vào vận hành đúng tiến độ và phát huy hiệu quả đầu tư. Thực hiện thanh quyết toán các dự án đã hoàn thành theo thời hạn quy định.
- Quản lý/khai thác có hiệu quả các hợp đồng mua bán vận chuyển khí. Hoàn thành việc đệ trình các cấp có thẩm quyền, khách hàng về giá khí, cước phí cho nguồn hiện hữu cũng như các mỏ mới. Nghiên cứu, tìm kiếm, phát triển các nguồn khí mới trong, ngoài nước; Tham gia đầu tư thượng nguồn khí có điều kiện và đảm bảo hiệu quả.
- Triển khai phương án cấp sớm LNG ngay khi được phê duyệt và chuẩn bị thị trường tiêu thụ LNG; Hoàn thiện xây dựng Đề án tổng thể phát triển hạ tầng nhập khẩu - phân phối - kinh doanh LNG và đẩy nhanh nghiên cứu các phương án: (i) Thu gom, vận chuyển khí mỏ Tuna đường ống về Việt Nam; (ii) Nâng công suất đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Nhơn Trạch/Hồ Chí Minh; (iii) Lựa chọn địa điểm xây dựng kho LPG/LNG tại miền Bắc; (iv) Triển khai phương án cấp LNG tại khu vực Tây Nam Bộ; (v) Tuyến ống cấp khí từ Hiệp Phước đến các Nhà máy điện Long An; ...
- Chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống và ứng phó với tác động kép của dịch Covid-19. Tăng cường thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí tối thiểu từ 5-10% cho từng khoản chi phí cụ thể, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, sức cạnh tranh của doanh nghiệp.
- Tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc; Rà soát, sắp xếp nhân sự hiệu quả, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS. Không ngừng nâng cao năng suất lao động, thực hiện tốt công tác an sinh - xã hội.
- Thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ phù hợp với các văn bản của Nhà nước, Tập đoàn và tình hình thực tiễn tại Tổng công ty. Nâng cao công tác quản trị, tích cực giữ và mở rộng thị trường, rà soát và từng bước số hóa, đơn giản hóa hệ thống quản lý.
- Nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ; Kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty; Tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền, công tác kiểm tra, quản lý thu hồi công nợ, xây dựng phương án xử lý dứt điểm với công nợ tồn đọng, khoản bảo lãnh/đảm bảo của PV GAS cho các đơn vị thành viên.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 2021

(Kế hoạch sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt)

Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021
Sản lượng		
Sản lượng khí khai thác	Tỷ m3	9,8
Sản lượng khí khô cung cấp	Tỷ m3	9,5
Sản lượng LPG sản xuất	10³ Tấn	348
Sản lượng LPG cung cấp	10³ Tấn	1.600
Sản lượng Condensate sản xuất và cung cấp	10³ Tấn	108
Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (Hợp nhất)		
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	70.169
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8.795
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7.036
Nộp NSNN	Tỷ đồng	3.547
Kế hoạch Công ty mẹ		
Kế hoạch tài chính		
Doanh thu	Tỷ đồng	69.165
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8.687
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6.950
Nộp NSNN	Tỷ đồng	3.490
Kế hoạch Vốn đầu tư		
Tổng Vốn đầu tư	Tỷ đồng	3.778
Trong đó: Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	3.649
Mua sắm TTB	Tỷ đồng	129
Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	-
Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	6.256
Trong đó: Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	2.626
Vốn vay + vốn khác	Tỷ đồng	3.629



CHƯƠNG 04

Báo cáo tài chính

- 108**
Thông tin về doanh nghiệp
- 109**
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 110**
Báo cáo kiểm toán độc lập
- 112**
Bảng cân đối kế toán hợp nhất
(Mẫu số B 01 – DN/HN)
- 115**
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
(Mẫu số B 02 – DN/HN)
- 116**
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
(Mẫu số B 03 – DN/HN)
- 118**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
(Mẫu số B 09 – DN/HN)

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 3500102710 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17 tháng 1 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất ngày 30 tháng 5 năm 2017.
---	---

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Sinh Khang	Chủ tịch
	Ông Dương Mạnh Sơn	Thành viên
	Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên
	Bà Võ Thị Thanh Ngọc	Thành viên
	Ông Đỗ Đông Nguyên	Thành viên
	Ông Trương Hồng Sơn	Thành viên

Ban kiểm soát	Bà Trần Thị Hoàng Anh	Trưởng ban (từ ngày 5 tháng 5 năm 2020)
	Ông Mai Hữu Ngạn	Trưởng ban (đến ngày 5 tháng 5 năm 2020)
	Ông Nguyễn Công Minh	Kiểm soát viên
	Bà Hồ Thị Ái Thanh	Kiểm soát viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Dương Mạnh Sơn	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Đăng Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Huỳnh Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Văn Phong	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 1 năm 2021)
	Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 4 năm 2020)
	Ông Bùi Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 27 tháng 8 năm 2020)

Người đại diện theo pháp luật	Ông Dương Mạnh Sơn	Tổng Giám đốc
--------------------------------------	--------------------	---------------

Trụ sở chính	Tòa nhà PV Gas Tower, Số 673 Đường Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.
---------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
--------------------------	-----------------------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần và các công ty con (“Tổng Công ty”) thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tổng Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất này. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn khác.

Phê chuẩn Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 59. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Dương Mạnh Sơn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Gửi các cổ đông của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần và các công ty con (“Tổng Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020, và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần phê chuẩn ngày 22 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính hợp nhất kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 59.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được chọn lựa dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 17 tháng 3 năm 2020.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Viết Hùng Trân
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền
Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM10163
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2021

Lương Thị Ánh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2019-006-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		39.472.227.294.732	41.815.396.772.23
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.237.246.729.402	4.475.889.167.22
111	1. Tiền		1.323.144.129.455	1.151.995.985.52
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.914.102.599.947	3.323.893.181.70
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		21.613.236.327.512	24.915.000.000.00
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	21.613.236.327.512	24.915.000.000.00
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		10.239.199.864.118	10.358.798.068.40
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	5.579.798.691.334	4.683.939.543.84
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6(a)	435.275.808.580	844.110.099.287
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	4.620.069.494.260	5.142.871.041.44
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(395.944.130.056)	(312.832.668.282)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	710.052.112
140	Hàng tồn kho	9	1.662.572.767.363	1.574.702.523.10
141	1. Hàng tồn kho		1.729.146.683.995	1.645.289.410.39
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(66.573.916.632)	(70.586.887.288)
150	Tài sản ngắn hạn khác		719.971.606.337	491.007.013.491
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	57.558.696.174	89.084.285.844
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	15(a)	609.333.648.494	367.882.617.612
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15(b)	53.079.261.669	34.040.110.035

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm				
Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		23.736.173.735.371	20.363.390.617.402
210	Các khoản phải thu dài hạn		162.062.201.594	127.884.370.801
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6(b)	73.909.907.257	79.220.337.859
216	2. Phải thu dài hạn khác	7(b)	88.152.294.337	48.664.032.942
220	Tài sản cố định		19.773.601.197.998	15.849.872.770.378
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11(a)	19.335.105.714.286	15.437.766.089.565
222	- Nguyên giá		54.739.218.312.039	48.513.599.270.479
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(35.404.112.597.753)	(33.075.833.180.914)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế			
227	3. Tài sản cố định vô hình	11(b)	438.495.483.712	412.106.680.813
228	- Nguyên giá		585.234.713.955	539.724.659.083
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(146.739.230.243)	(127.617.978.270)
230	Bất động sản đầu tư		22.357.771.534	23.186.576.974
231	- Nguyên giá		26.427.782.233	26.427.782.233
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.070.010.699)	(3.241.205.259)
240	Tài sản dở dang dài hạn		2.302.958.751.607	3.020.872.112.628
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	2.302.958.751.607	3.020.872.112.628
250	Đầu tư tài chính dài hạn		379.189.574.851	404.693.951.815
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	369.189.574.851	394.693.951.815
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	35.000.000.000	35.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(c)	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
260	Tài sản dài hạn khác		1.096.004.237.787	936.880.834.806
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	1.022.822.668.367	823.187.362.762
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		50.808.879.996	30.489.957.914
269	3. Lợi thế thương mại	13	22.372.689.424	83.203.514.130
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		63.208.401.030.103	62.178.787.389.634

Các thuyết minh từ trang 110 đến trang 155 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm				
Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		13.708.720.044.649	12.564.256.032.003
310	Nợ ngắn hạn		9.748.781.422.071	9.964.436.306.143
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	2.676.585.638.208	1.913.892.958.734
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		228.058.965.321	202.837.473.408
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15(c)	553.509.459.627	876.865.173.928
314	4. Phải trả người lao động		199.352.091.251	118.098.347.249
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.767.917.733.282	4.047.844.728.329
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		77.365.272.465	936.607.573
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	749.208.259.798	1.029.191.512.264
320	8. Vay ngắn hạn	18(a)	1.017.470.000.000	1.340.567.850.126
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	9.050.349.783
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	479.314.002.119	425.151.304.749
330	Nợ dài hạn		3.959.938.622.578	2.599.819.725.860
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		21.600.730.715	22.464.760.780
337	2. Phải trả dài hạn khác		93.020.749.601	86.941.807.721
338	3. Vay dài hạn	18(b)	1.963.867.248.970	1.455.930.000.000
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		171.627.679.439	182.000.454.368
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	20	1.700.127.271.921	836.651.603.962
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		9.694.941.932	15.831.099.029
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		49.499.680.985.454	49.614.531.357.631
410	Vốn chủ sở hữu		49.499.680.985.454	49.614.531.357.631
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	21, 22	19.139.500.000.000	19.139.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		19.139.500.000.000	19.139.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22	210.679.541.297	210.679.541.297
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	22	196.658.562.648	196.658.562.648
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	22	18.853.826.843.892	18.844.379.948.876
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	22	6.287.318.113	6.287.318.113
421	6. Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	10.028.673.271.871	10.109.461.187.456
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước		2.319.480.175.551	59.908.671.304
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		7.709.193.096.320	10.049.552.516.152
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	1.064.055.447.633	1.107.564.799.241
440	TỔNG NGUỒN VỐN		63.208.401.030.103	62.178.787.389.634

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.134.965.486.838	75.310.106.606.268
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	[304.809.430.862]
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25 64.134.965.486.838	75.005.297.175.406
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26 52.728.949.502.327	58.086.688.538.104
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	11.406.015.984.511	16.918.608.637.302
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27 1.451.117.996.323	1.664.550.734.786
22	7. Chi phí tài chính	28 169.134.841.287	240.940.076.023
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	28 101.218.192.497	197.609.807.262
24	8. Phần (lỗ) trong công ty liên kết	11.351.394.583	504.636.282
25	9. Chi phí bán hàng	29 1.943.004.886.832	2.394.374.579.372
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30 769.205.023.620	875.266.258.698
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20 + 21 - 22 -24 -25 -26)	9.964.437.834.512	15.072.073.821.713
31	12. Thu nhập khác	50.448.429.544	16.104.369.827
32	13. Chi phí khác	36.822.035.359	19.915.348.120
40	14. (Lỗ) khác (40=31-32)	13.626.394.185	[3.810.978.293]
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	9.978.064.228.697	15.068.262.843.420
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31 2.037.319.332.206	2.967.381.924.337
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31 [31.046.323.461]	15.229.609.228
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	7.971.791.219.952	12.085.651.309.855
	Phân bổ cho:		
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	7.854.955.921.939	11.902.248.028.143
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông không kiểm soát	116.835.298.013	183.403.281.712
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23(a) 4.028	6.059
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23(b) 4.028	6.059

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.978.064.228.697	15.068.262.843.420
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	2.554.097.877.410	2.691.351.575.784
03	Các khoản dự phòng	933.523.809.294	836.351.949.750
04	(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	18.570.413.088	(17.215.375.585)
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư	(1.316.211.508.585)	(1.584.783.105.309)
06	Chi phí lãi vay	101.218.192.497	197.609.807.262
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	12.269.263.012.401	17.191.577.695.322
09	Tăng các khoản phải thu	(960.719.844.944)	(702.159.409.023)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(83.857.273.599)	277.061.101.494
11	Giảm các khoản phải trả	(192.156.621.517)	(401.099.202.738)
12	Tăng chi phí trả trước	(168.109.715.935)	(142.271.505.195)
14	Tiền lãi vay đã trả	(95.440.410.322)	(275.508.833.227)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2.090.389.867.815)	(2.853.005.601.343)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.348.190.447.194)	(413.676.152.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	7.330.398.831.075	12.680.918.093.290

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(4.173.689.627.906)	(2.690.311.002.689)
22	2. Thu tiền từ thanh lý từ TSCĐ	26.793.066.361	1.475.305.521
23	3. Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	(29.153.945.745.754)	(37.350.400.000.000)
24	4. Thu tiền từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	31.865.500.000.000	34.030.200.000.000
25	5. Số dư tiền và tương đương tiền giảm do Tổng Công ty không còn quyền kiểm soát tại Công ty con này	-	(183.385.237.974)
27	6. Thu tiền lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	1.534.467.421.577	1.470.287.703.043
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	99.125.114.278	(4.722.133.232.099)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	2.201.825.438.530	2.344.153.043.210
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay	(2.020.031.039.686)	(4.294.384.540.138)
35	3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	-	(7.899.885.693)
36	4. Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông	(6.850.062.019.942)	(8.229.985.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(6.668.267.621.098)	(10.188.116.382.621)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	761.256.324.255	(2.229.331.521.430)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4.475.889.167.227	6.705.645.460.007
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	101.237.920	(424.771.350)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5.237.246.729.402	4.475.889.167.227







Đặng Thị Hồng Yên
Người lập

Nguyễn Công Luận
Kế toán trưởng

Dương Mạnh Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2021

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 34.
Các thuyết minh từ trang 110 đến trang 155 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

1. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty

Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần, tiền thân là Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên, là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500102710 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày ngày 17 tháng 1 năm 2007.

Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển sang mô hình hoạt động dưới hình thức công ty Cổ phần với tên gọi là Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 5 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi với vốn điều lệ là 19.139,5 tỷ đồng.

Ngành nghề kinh doanh đăng ký của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần và các công ty con (“Tổng Công ty”) bao gồm: Thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí và sản phẩm khí. Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí đường ống, chi tiết: Chế biến khí và sản phẩm khí. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Tổ chức phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG, Condesate; Xuất nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, LPG, Condensate. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan, chi tiết: Tư vấn đầu tư, thiết kế xây dựng công trình công nghiệp cơ khí chế tạo. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, dân dụng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, chi tiết: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình khí, dự án khí và liên quan đến khí. Bán buôn chuyên ngành khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí, nhập vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất của chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cảng. Kinh doanh bất động sản. Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng từ khâu nguồn từ cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí. Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông lâm ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Dịch vụ vận tải và các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí, vận chuyển sản phẩm khí (kinh doanh dịch vụ vận chuyển các sản phẩm khí). Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện, công trình khí hoặc liên quan đến khí.

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm thu gom, nhập khẩu, vận chuyển, tàng trữ, chế biến, phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có 6 công ty con và 2 công ty liên kết như sau:

			31.12.2020		31.12.2019	
Tên công ty	Địa điểm hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỉ lệ sở hữu %	Tỉ lệ biểu quyết %	Tỉ lệ sở hữu %	Tỉ lệ biểu quyết %
Công ty con						
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất ống thép	99,99	99,99	99,99	99,99
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Phân phối khí thấp áp	50,50	50,50	50,50	50,50
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất khí thiên nhiên	56,00	56,00	56,00	56,00
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	Tp. Hà Nội	Phân phối khí hóa lỏng	51,31	51,31	51,31	51,31
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	Tp. Vũng Tàu	Kinh doanh dịch vụ bọc ống	52,94	52,94	52,94	52,94
Công ty Cổ phần LNG Việt Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất khí thiên nhiên	51,00	51,00	51,00	51,00
Công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Phân phối khí hóa lỏng	35,26	35,26	35,26	35,26
Công ty TNHH Khí nhiên liệu Giao thông Vận tải PVGazprom	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh khí	29,00	29,00	29,00	29,00

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có Trụ sở chính và 11 chi nhánh hạch toán phụ thuộc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10 chi nhánh) như sau: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có Trụ sở chính và 11 chi nhánh hạch toán phụ thuộc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10 chi nhánh) như sau:

Tên chi nhánh	Địa điểm hoạt động
Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	TP. Vũng Tàu
Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	TP. Vũng Tàu
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	TP. Hồ Chí Minh
Công ty Dịch vụ Khí	TP. Vũng Tàu
Công ty Quản lý Dự án Khí	TP. Hồ Chí Minh
Ban Quản lý Dự án Khí - Đông Nam Bộ	TP. Vũng Tàu
Công ty Khí Cà Mau	Tỉnh Cà Mau
Công ty Đường Ống Khí Nam Côn Sơn	TP. Vũng Tàu
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau	Tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Khí Hải Phòng	TP. Hải Phòng
Công ty kinh doanh LNG	TP. Hồ Chí Minh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 2.704 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.625 nhân viên).

2. Các chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Tổng Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Tổng Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính hoặc thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.





2.4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ tại ngày cuối năm. Theo đó, tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của báo cáo cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Theo đó, tỷ giá Tổng Công ty sử dụng có sự khác biệt so với tỷ giá quy định nêu trên. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, sự khác biệt này không gây ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2.5. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tổng Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thể thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thể thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày Tổng Công ty kiểm soát công ty con.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng Công ty áp dụng

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tổng Công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty con và ngày kết thúc kỳ kế toán của Tổng Công ty. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

Ngh nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tổng Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tổng Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi Tổng Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tổng Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong các công ty liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết, Tổng Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng Công ty với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tổng Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tổng Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày đến hạn thu hồi của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực

hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước xuất trước đối với LPG mua ngoài và cơ sở bình quân gia quyền đối với các loại hàng tồn kho khác, bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.10. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

b. Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán năm.

d. Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào cuối kỳ kế toán năm khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy mà Tổng Công ty nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán từ khi đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”)

BCC là thỏa thuận giữa Tổng Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc chia lợi nhuận sau thuế. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

a. Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Tài sản đồng kiểm soát bởi các bên tham gia BCC là tài sản được các bên mua, xây dựng, được sử dụng cho mục đích của BCC và mang lại lợi ích cho các bên tham gia BCC theo quy định của BCC. Tổng Công ty ghi nhận phần giá trị tài sản đồng kiểm soát được hưởng là tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, đồng thời ghi nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b. Đối với BCC chia LNST

BCC chia LNST là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát. BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC. Tổng Công ty áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm.

2.12. Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc: 3 - 50 năm

Máy móc và thiết bị: 3 - 20 năm

Phương tiện vận tải: 3 - 13 năm

Thiết bị quản lý: 3 - 10 năm

Công trình khí và các thiết bị khác: 2 - 20 năm

Phần mềm máy tính: 3 - 8 năm

TSCĐ hữu hình là máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải dùng cho việc sản xuất, chiết nạp khí CNG tại Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được khấu hao nhanh theo phương pháp số dư giảm dần theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, với thời gian hữu dụng là 6 năm và được áp dụng tương tự như thời gian hữu dụng theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

TSCĐ hữu hình là hệ thống phân phối khí thấp áp tại Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam được khấu hao nhanh với khung khấu hao là 5 năm để phản ánh phù hợp hiệu suất sử dụng tài sản.

TSCĐ hữu hình là máy móc, thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm của dự án bọc ống tại Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam được khấu hao theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong năm. Theo đó, mức khấu hao theo khối lượng sản phẩm sản xuất và thời gian khấu hao tối thiểu của dự án bọc ống lần lượt là 234.934 đồng/m và 5 năm.

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất không thời hạn và có thời hạn, trong đó:

- Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi

nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất trong năm.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc: 32 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ;

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tới ngày đến hạn thanh toán tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.13. Bất động sản đầu tư

2.14. Thuê hoạt động

2.15. Chi phí trả trước

2.16. Nợ phải trả



2.17. Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tới ngày đến hạn thanh toán tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.18. Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất của năm báo cáo.

2.19. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí trong năm.

2.20. Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng

Tổng Công ty lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo Quyết định số 49/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thu dọn các công trình, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí. Theo đó, cách xác định số dư của khoản dự phòng là dự toán đã được Bộ Công thương phê duyệt. Dự toán được xác định căn cứ vào tổng ước tính chi phí thu dọn và khôi phục mặt bằng sẽ phát sinh khi hoàn trả mặt bằng trong tương lai và được ghi nhận đều trong suốt thời gian được Bộ Công thương phê duyệt. Giá trị dự phòng tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận trong năm báo cáo.

2.21. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Tổng Công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 28 tháng 6 năm 2016. Theo đó, Tổng Công ty căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ trích lập tối đa 10% thu nhập tính thuế TNDN trong năm để hình thành quỹ.

2.22. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.23. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; và chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Tổng Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.24. Phân chia lợi nhuận

Theo Điều lệ của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần, cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán năm dựa vào ngày chốt danh sách cổ đông theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị sau khi phương án chi trả cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và trích lập các quỹ theo điều lệ của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau:

a. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để cung cấp nguồn vốn cho các dự án phát triển của Tổng Công ty.

b. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác được trích lập từ LNST của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng và được sử dụng để dùng cho công tác khen thưởng, phúc lợi cộng đồng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

2.25. Ghi nhận doanh thu	a. Doanh thu bán hàng Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau: - Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; - Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa; - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; - Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại. b. Doanh thu cung cấp dịch vụ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau: - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; - Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. c. Thu nhập lãi Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng. d. Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được xác lập quyền nhận cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.
2.26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.
2.27. Chi phí tài chính	Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư tài chính và lỗ tỷ giá hối đoái.
2.28. Chi phí bán hàng	Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
2.29. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng Công ty.

2.30. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.31. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

2.32. Các bên liên quan

Các bên liên quan được định nghĩa theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2.33. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

2.34. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán năm.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.12); và
- Các khoản dự phòng (Thuyết minh 2.19).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	2020	2019
	VND	VND
Tiền mặt	6.856.350.974	4.120.897.016
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.316.287.778.481	1.140.131.323.102
Tiền đang chuyển	-	7.743.765.404
Các khoản tương đương tiền (*)	3.914.102.599.947	3.323.893.181.705
	5.237.246.729.402	4.475.889.167.227

(*)Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,3%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 4,3%/năm đến 5,5%/năm).

4. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư này bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng đến dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,6%/năm đến 7,2%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 5%/năm đến 7,2%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản tiền gửi với tổng giá trị là 16.000.000.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 16.000.000.000 Đồng) đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 18[a]).

b. Đầu tư vào công ty liên kết

	2020		2019	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	226.460.000.000	324.941.370.143	226.460.000.000	500.736.843.600
Công ty TNHH Khí Nhiên liệu Giao thông Vận tải PVGazprom	58.000.000.000	44.248.204.708	58.000.000.000	(*)
	284.460.000.000	369.189.574.851	284.460.000.000	394.693.951.815

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2020		2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	25.000.000.000	(25.000.000.000)	25.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10.000.000.000	-	10.000.000.000	(*)
	35.000.000.000	(25.000.000.000)	35.000.000.000	(25.000.000.000)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà cổ phiếu của các công ty này được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán được xác định dựa vào giá niêm yết của các cổ phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ vào thời điểm đó. Tuy nhiên, cổ phiếu của Công ty TNHH Khí nhiên liệu Giao thông Vận tải PVGazprom, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam và Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán nên Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	2020	2019
	VND	VND
Bên thứ ba	4.047.536.709.791	3.015.664.654.796
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	1.532.261.981.543	1.668.274.889.046
	5.579.798.691.334	4.683.939.543.842

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 487.465.958.539 đồng và 286.982.566.647 đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 8.

6. Trả trước cho người bán

(a) Ngắn hạn

	2020	2019
	VND	VND
Bên thứ ba (*)	288.654.290.291	446.558.180.391
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	146.621.518.289	397.551.918.896
	435.275.808.580	844.110.099.287

(*) Chi tiết các khoản trả trước cho người bán chiếm từ 10% trở lên trong tổng trả trước cho người bán ngắn hạn bên thứ ba như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Công ty TNHH Samsung C&T Corporation Việt Nam	175.869.340.851	279.732.779.456

(b) Dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư trả trước cho người bán ngắn hạn thể hiện khoản trả trước cho nhà điều hành theo BCC cho đường ống Nam Côn Sơn ký ngày 15 tháng 12 năm 2000.

7. Phải thu khác

(a) Ngắn hạn

	2020	2019
	VND	VND
Dự thu tạm tính doanh thu bán và vận chuyển khí	4.281.037.041.392	4.579.937.500.307
Dự thu lãi tiền gửi	215.716.216.665	408.467.752.693
Khác	123.316.236.203	154.465.788.447
	4.620.069.494.260	5.142.871.041.447

Trong đó

Bên thứ ba	3.552.633.320.588	3.809.764.492.642
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	1.067.436.173.672	1.333.106.548.805
	4.620.069.494.260	5.142.871.041.447

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư các khoản phải thu khác ngắn hạn đã quá hạn thanh toán là 50.000.000.000 đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 8.

(b) Dài hạn

	2020	2019
	VND	VND
Phải thu góp vốn theo BCC (*)	73.819.086.015	35.923.908.884
Ký quỹ, ký cược	14.333.208.322	12.740.124.058
	88.152.294.337	48.664.032.942

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư thể hiện khoản Tổng Công ty góp vốn để thực hiện xây dựng dự án đường ống Lô B – Ô Môn theo BCC số 1183/KVN-TC giữa Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần, Chevron Southwest Vietnam Pipeline Co., Ltd, Mitsui Oil Exploration Co., Ltd và PTTEP Southwest Vietnam Pipeline Company Limited ngày 6 tháng 6 năm 2014.

8. Nợ quá hạn thanh toán

	2020		2019	
	Gía trị gốc VND	Gía trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Gía trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Sản xuất – Dịch vụ – Thương mại - Xây dựng Thành Tài	68.789.423.236	-	68.789.423.236	71.568.492.466
Trên 3 năm	68.789.423.236	-	68.789.423.236	71.568.492.466
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – CTCP	113.288.140.492	32.907.534.344	80.380.606.148	16.724.667.269
Trên 3 năm	76.509.984.124	-	76.509.984.124	61.276.826.009
Từ 2 năm đến 3 năm	14.572.316.234	10.701.694.210	3.870.622.024	13.448.202.214
Từ 1 năm đến 2 năm	15.018.623.577	15.018.623.577	-	14.879.825.153
Từ 6 tháng đến 1 năm	7.187.216.557	7.187.216.557	-	7.500.420.041
Khác	305.388.394.811	108.614.294.139	196.774.100.672	118.308.800.764
Trên 3 năm	115.853.081.141	-	115.853.081.141	883.364.610
Từ 1 năm đến 2 năm	120.302.127.151	60.151.063.575	60.151.063.576	11.366.631.079
Từ 6 tháng đến 1 năm	69.233.186.519	48.463.230.564	20.769.955.955	3.748.954.893
	487.465.958.539	141.521.828.483	345.944.130.056	286.982.566.647
				80.380.606.148
				61.276.826.009
				9.413.741.550
				7.439.912.577
				2.250.126.012
				110.883.569.668
				102.309.850.182
				7.823.928.507
				749.790.979
				262.832.668.282

Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn khác quá hạn thanh toán được trình bày chi tiết như sau:

[illegible]

9. Hàng tồn kho

	2020		2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	65.504.882.633	-	13.193.519.943	-
Nguyên vật liệu	211.521.452.922	-	326.909.316.758	-
Phụ tùng thay thế	770.842.840.540	(66.573.916.632)	737.024.844.499	(70.586.887.288)
Công cụ, dụng cụ	57.042.753.193	-	56.051.032.989	-
Chi phí SXKD dở dang	4.822.446.362	-	30.191.402.152	-
Thành phẩm	76.012.518.761	-	84.266.088.363	-
Hàng hoá	417.131.876.144	-	397.653.205.692	-
Hàng gửi đi bán	126.267.913.440	-	-	-
	1.729.146.683.995	(66.573.916.632)	1.645.289.410.396	(70.586.887.288)

10. Chi phí trả trước

(a) Ngắn hạn

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	12,459,486,386	39,955,137,333
Chi phí quảng cáo và truyền thông	25,635,483,906	13,937,378,778
Khác	19,463,725,882	35,191,769,733
	57,558,696,174	89,084,285,844

(b) Dài hạn

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí vỏ bình gas	569.666.174.127	442.072.188.874
Chi phí thuê đất và văn phòng	254.068.280.770	247.620.491.272
Khác	199.088.213.470	133.494.682.616
	1.022.822.668.367	823.187.362.762

11. Tài sản cố định (“TSCĐ”)

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Công trình khí và thiết bị khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	7.734.295.119.429	8.868.065.541.594	857.032.818.862	361.018.307.191	30.693.187.483.403	48.513.599.270.479
Mua trong năm	45.242.828.482	15.010.77879.1	10.383.186.877	31.976.637.527	3.434.811.357	170.152.475.021
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	29.136.697.153	18.170.361.702	-	-	6.276.616.130.204	6.323.923.189.059
Thanh lý	(63.001.099.497)	(10.860.679.023)	(5.036.415.078)	(17.280.285.359)	(74.781.779.615)	(170.960.258.572)
Phân loại lại (*)	(1.018.568.472.727)	(3.688.609.608.061)	(3.335.569.260)	-	4.710.513.650.048	-
Khác (**)	(119.959.311.247)	(14.257.882.692)	9.918.136.032	291.570.815	26.511.123.144	(97.496.363.948)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6.607.145.761.593	5.251.622.744.298	868.962.157.433	376.006.230.174	41.635.481.418.541	54.739.218.312.039
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	4.111.806.063.594	3.313.633.011.407	677.210.971.830	271.782.566.935	24.701.400.567.148	33.075.833.180.914
Khấu hao trong năm	493.252.728.644	523.955.015.431	36.689.711.068	44.405.515.659	1.362.037.970.309	2.460.340.941.111
Thanh lý	(28.273.374.289)	(8.535.720.501)	(5.036.415.078)	(17.376.887.359)	(74.682.436.321)	(133.904.833.548)
Phân loại lại (*)	(230.865.613.341)	(842.303.832.446)	(4.228.599.549)	74.119.823	1.077.323.925.513	-
Khác	1.831.678.585	442.313.187	-	(424.740.613)	(5.941.883)	1.843.309.276
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	4.347.751.483.193	2.987.190.787.078	704.635.668.271	298.460.574.445	27.066.074.084.766	35.404.112.597.753
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	3.622.489.055.835	5.554.432.530.187	179.821.847.032	89.235.740.256	5.991.786.916.255	15.437.766.089.565
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.259.394.278.400	2.264.431.957.220	164.326.489.162	77.545.655.729	14.569.407.333.775	19.335.105.714.286

(*) Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần thực hiện đầu tư các hạng mục công trình dựa trên tổng mức đầu tư được Hội đồng Quản trị phê duyệt theo Văn bản số 1342/QĐ-KVN ngày 30 tháng 10 năm 2014. Ngày 26 tháng 11 năm 2020, Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần hoàn tất Báo cáo Quyết toán Dự án hoàn thành, theo đó, Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần đã thực hiện phân loại lại nguyên giá và khấu hao lũy kế của các nhóm TSCĐ hữu hình.

(**) Đây là các khoản điều chỉnh về nguyên giá và khấu hao lũy kế của Hạng mục GPP thuộc Dự án Nhà máy Xử lý khí Cà Mau theo Báo cáo xây dựng cơ bản được kiểm toán ngày 23 tháng 3 năm 2020 về quyết toán hạng mục dự án hoàn thành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 19.145.934.006.418 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 18.862.659.174.230 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số TSCĐ hữu hình có nguyên giá là 12.533.814.640.641 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 13.257.251.390.439 đồng) được ghi nhận tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các công trình này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	368.266.030.963	171.458.628.120	539.724.659.083
Mua trong năm	716.000.000	57.770.109.052	58.486.109.052
Thanh lý	-	(12.976.054.180)	(12.976.054.180)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	368.982.030.963	216.252.682.992	585.234.713.955
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	5.552.422.643	122.065.555.627	127.617.978.270
Khấu hao trong năm	1.635.233.893	30.462.072.260	32.097.306.153
Thanh lý	-	(12.976.054.180)	(12.976.054.180)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7.187.656.536	139.551.573.707	146.739.230.243
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	362.713.608.320	49.393.072.493	412.106.680.813
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	361.794.374.427	76.701.109.285	438.495.483.712

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 72.649.524.029 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 81.400.565.974 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, TSCĐ vô hình của Tổng Công ty với tổng giá trị còn lại là 35.915.268.288 đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh 18(b)).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2020	2019
	VND	VND
Kho chứa LNG quy mô 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải	1.143.902.528.328	108.565.985.404
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	725.814.856.194	713.687.757.747
Kho cảng nhập khẩu LNG Sơn Mỹ	138.013.773.143	137.938.773.143
Dự án Đường ống thu gom khí mỏ Cá Rồng Đỏ	70.435.976.690	70.435.976.690
Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 2	-	1.461.213.433.323
Dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt	-	280.688.369.277
Khác	224.791.617.252	248.341.817.044
	2.302.958.751.607	3.020.872.112.628

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.020.872.112.628	1.235.198.326.718
Tăng trong năm	5.606.009.828.038	2.062.647.599.710
Chuyển sang TSCĐ (Thuyết minh 11[a])	[6.323.923.189.059]	[276.973.813.800]
Số dư cuối năm	2.302.958.751.607	3.020.872.112.628

13. Lợi thế thương mại

Biến động của lợi thế thương mại trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	83.203.514.130	165.674.410.771
Phân bổ trong năm	[60.830.824.706]	[67.446.146.641]
Giảm do thanh lý công ty con	-	[15.024.750.000]
Số dư cuối năm	22.372.689.424	83.203.514.130

14. Phải trả người bán ngắn hạn

		2020		2019	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND
Bên thứ ba (*)	1.520.402.885.439	1.520.402.885.439		1.127.185.794.885	1.127.185.794.885
Bên liên quan (Thuyết minh 35[b])	1.156.182.752.769	1.156.182.752.769		786.707.163.849	786.707.163.849
	2.676.585.638.208	2.676.585.638.208		1.913.892.958.734	1.913.892.958.734

(*) Chi tiết nhà cung cấp có số dư chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả người bán ngắn hạn bên thứ ba như sau:

	2020	2019
	VND	VND
BGN International DMCC	412.340.583.167	-
Abu Dhabi National Oil Company	355.760.387.200	432.776.348.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn trọng yếu nào bị quá hạn.

15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước

	2020	2019
	VND	VND
(a) Thuế GTGT được khấu trừ		
Thuế GTGT được khấu trừ	609.333.648.494	367.882.617.612
(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
Thuế nhập khẩu	19.401.795.154	27.428.515.001
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	4.417.560.000	4.417.560.000
Khác	29.259.906.515	2.194.035.034
	53.079.261.669	34.040.110.035

(c) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước		
Thuế TNDN	418.594.123.561	730.842.141.300
Thuế GTGT	83.968.878.509	123.184.820.181
Thuế thu nhập cá nhân	18.192.891.764	19.798.265.373
Khác	32.753.565.793	3.039.947.074
	553.509.459.627	876.865.173.928

15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước (tiếp theo)

	Tại ngày 1.1.2020	Tăng trong năm	Cấn trừ	Trả trong năm	Tại ngày 31.12.2020
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ					
Thuế GTGT được khấu trừ	367.882.617.612	7.284.129.081.303	[7.042.678.050.421]	-	609.333.648.494
Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước					
Thuế GTGT					
Nội địa	123.184.820.181	8.109.495.319.729	[7.042.678.050.421]	[1.106.033.210.980]	83.968.878.509
Nhập khẩu	[4.417.560.000]	972.686.989.975	-	[972.686.989.975]	[4.417.560.000]
Thuế nhập khẩu	[27.428.515.001]	323.987.032.969	-	[315.960.313.122]	[19.401.795.154]
Thuế TNDN	730.842.141.300	1.778.141.850.076	-	[2.090.389.867.815]	418.594.123.561
Thuế thu nhập cá nhân	19.798.265.373	81.528.823.684	-	[83.134.197.293]	18.192.891.764
Khác	845.912.040	131.122.140.917	-	[128.474.393.679]	3.493.659.278
	842.825.063.893	11.396.962.157.350	[7.042.678.050.421]	[4.696.678.972.864]	500.430.197.958

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí mua và xử lý khí	3.478.147.178.346	3.841.513.246.064
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa	-	29.985.828.140
Khác	289.770.554.936	176.345.654.125
	3.767.917.733.282	4.047.844.728.329
Trong đó:		
Bên thứ ba	1.483.780.387.043	1.930.534.461.556
Bên liên quan (Thuyết minh 35[b])	2.284.137.346.239	2.117.310.266.773
	3.767.917.733.282	4.047.844.728.329

17. Phải trả ngắn hạn khác

	2020	2019
	VND	VND
Phải trả BCC (*)	242.996.074.579	237.752.846.413
Chiết khấu doanh thu vận chuyển khí Nam Côn Sơn	230.854.251.814	348.065.220.579
Phải trả nhà thầu xây dựng cơ bản	-	253.958.496.577
Khác	275.357.933.405	189.414.948.695
	749.208.259.798	1.029.191.512.264
Trong đó		
Bên thứ ba	589.424.496.004	743.806.792.119
Bên liên quan (Thuyết minh 35[b])	159.783.763.794	285.384.720.145
	749.208.259.798	1.029.191.512.264

(*)Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long hợp tác cùng góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower tại số 673 Đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty thực hiện quản lý và hạch toán kết quả kinh doanh của hợp đồng và phân chia lợi nhuận sau thuế cho các bên theo tỷ lệ vốn góp như sau:

Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần: 70%

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần: 20%

Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long: 10%

17. Phải trả ngắn hạn khác (tiếp theo)

	2020	2019
	VND	VND
Nguyên giá	723.317.373.840	723.317.373.840
Hao mòn lũy kế	125.846.517.781	116.305.193.593
Giá trị còn lại	597.470.856.059	607.012.180.247

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của BCC trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2020	2019
	VND	VND
Doanh thu	83.242.648.047	81.119.697.429
Giá vốn	(45.871.071.123)	(50.141.319.352)
Chi phí khác	(73.006.562)	(13.762.051.776)
Thuế TNDN	(14.097.243.923)	(9.030.298.903)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	23.201.326.439	8.186.027.398
Phân chia theo tỷ lệ góp vốn:		
- Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	16.956.403.244	5.886.641.926
- Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần	3.797.008.357	1.328.383.361
- Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	2.447.914.838	971.002.111

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty không có khoản phải trả ngắn hạn khác trọng yếu nào bị quá hạn.

18. Các khoản vay

(a) Ngắn hạn	Tại ngày 1.1.2020	Tăng	Giảm	Đánh giá lại	Nợ dài hạn đến hạn trả	Tại ngày 31.12.2020
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	369.947.850.126	721.693.189.560	(1.041.641.039.686)	-	-	50.000.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đáo hạn trong vòng 1 năm	970.620.000.000	-	(978.390.000.000)	5.985.000.000	969.255.000.000	967.470.000.000
	1.340.567.850.126	721.693.189.560	(2.020.031.039.686)	5.985.000.000	969.255.000.000	1.017.470.000.000

Chi tiết số dư cuối năm của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 31.12.2020	Mục đích vay	Lãi suất	Tài sản thế chấp
	VND			
Vay ngân hàng				
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	30.000.000.000	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động	(*)	Tín chấp Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 4)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	20.000.000.000	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động	(*)	

(*) Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên từng Giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất thông báo của các ngân hàng và không thay đổi trong suốt thời hạn cho vay.

18. Các khoản vay (tiếp theo)

(b) Dài hạn	Tại ngày 1.1.2020	Tăng	Đánh giá lại	Nợ dài hạn đến hạn trả	Tại ngày 31.12.2020
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	1.455.930.000.000	1.480.132.248.970	(2.940.000.000)	(969.255.000.000)	1.963.867.248.970
Chi tiết số dư cuối năm của khoản vay dài hạn như sau:					
	Tại ngày 31.12.2020	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Tài sản thế chấp
	VND				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.000.000.000	Mua sắm, xây dựng TSCĐ	60 tháng kể từ ngày giải ngân	7,8%	TSCĐ vô hình (Thuyết minh 11[b])
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	27.846.223.242	Mua sắm, xây dựng TSCĐ	36 tháng kể từ ngày giải ngân	(i)	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	47.371.388.558	Mua sắm, xây dựng TSCĐ	24 tháng kể từ ngày giải ngân	(i)	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	136.521.412.753	Mua sắm, xây dựng TSCĐ	Đến ngày 29 tháng 8 năm 2027	(i)	Tín chấp
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.268.393.224.417	Mua sắm, xây dựng TSCĐ	36 tháng kể từ ngày giải ngân	(i)	Tín chấp
Ngân hàng Cathay United Bank	1.451.205.000.000	Mua sắm, xây dựng TSCĐ	Đến tháng 10 năm 2026	Libor + 2,4%	Tín chấp
Trong đó:					
Đáo hạn trong vòng 1 năm	967.470.000.000				
Đáo hạn trên 1 năm	483.735.000.000				

(i) Lãi suất huy động 12 tháng trả lãi sau thông thường của cá nhân bình quân + 2,8%.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	425.151.304.749	359.194.325.499
Tăng trong năm (Thuyết minh 22)	323.141.294.817	317.240.383.413
Sử dụng trong năm	(268.978.597.447)	(251.283.404.163)
Số dư cuối năm	479.314.002.119	425.151.304.749

20. Dự phòng phải trả dài hạn

Số dư dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng cho các công trình khí như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Bể Cừu Long (i)	1.386.608.517.110	654.113.528.500
PM3 - Cà Mau (i)	225.619.959.431	122.295.531.680
Đường ống Phú Mỹ - Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	32.174.817.197	25.037.742.820
Nhà máy chế biến, đường ống vận chuyển và các trạm phân phối khí (iii)	37.947.854.883	-
Khác	17.776.123.300	35.204.800.962
	1.700.127.271.921	836.651.603.962

(i) Dự phòng phải trả chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng công trình khí Bể Cừu Long và công trình khí PM3 – Cà Mau được lập dựa trên cơ sở dự toán đã được Bộ Công thương phê duyệt theo Quyết định số 1295/QĐ-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2019.

(ii) Dự phòng phải trả chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả công trình Đường ống Phú Mỹ - Hồ Chí Minh được lập dựa trên cơ sở dự toán đã được Bộ Công thương phê duyệt theo Quyết định số 3754/QĐ-BCT ngày 19 tháng 9 năm 2016.

(iii) Dự phòng phải trả chi phí thu dọn, khôi phục và hoàn trả nhà máy chế biến, đường ống vận chuyển và các trạm phân phối khí được lập dựa trên cơ sở dự toán đã được Bộ Công thương phê duyệt theo Quyết định số 2437/QĐ-BCT ngày 16 tháng 9 năm 2020.

Theo Quyết định số 49/2017/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu dọn các công trình, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động đầu khí, số trích lập dự phòng của các khoản chi phí nêu trên được lập dựa trên dự toán do Bộ Công thương phê duyệt.

21. Vốn góp của chủ sở hữu

(a) Số lượng cổ phiếu		
	2020	2019
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký, đã phát hành, và đang lưu hành	1.913.950.000	1.913.950.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu				
		2020		
				2019
		Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông
				%
Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam		1.832.835.900	95,76	1.832.835.900
Cổ đông khác		81.114.100	4,24	81.114.100
		1.913.950.000	100,00	1.913.950.000

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần		
	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
		VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	1.913.950.000	19.139.500.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.913.950.000	19.139.500.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.913.950.000	19.139.500.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần không có cổ phiếu ưu đãi.

22. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối năm trước	LNST chưa phân phối năm nay	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	19.139.500.000.000	210.679.541.297	255.319.038.873	14.862.130.022.329	6.287.318.113	3.110.217.713.815	7.488.620.742.728	1.794.370.735.459	46.867.125.112.614
Kết chuyển LNST chưa phân phối	-	-	-	-	-	7.488.620.742.728	[7.488.620.742.728]	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	11.902.248.028.143	183.403.281.712	12.085.651.309.855
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	4.070.802.087.346	-	[4.070.802.087.346]	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi [Thuyết minh 19]	-	-	-	-	-	[142.394.261.886]	[147.273.842.125]	[27.572.279.402]	[317.240.383.413]
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	[6.316.035.000.000]	[1.913.950.000.000]	[173.266.845.753]	[8.403.251.845.753]
Thay đổi quyền sở hữu	-	-	[58.660.476.225]	[88.552.160.799]	-	-	188.315.268.659	[669.297.763.678]	[628.195.132.043]
Khác	-	-	-	-	-	[9.698.436.007]	20.213.061.475	[72.329.097]	10.442.296.371
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	19.139.500.000.000	210.679.541.297	196.658.562.648	18.844.379.948.876	6.287.318.113	59.908.671.304	10.049.552.516.152	1.107.564.799.241	49.614.531.357.631
Kết chuyển LNST chưa phân phối	-	-	-	-	-	10.049.552.516.152	[10.049.552.516.152]	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	7.854.955.921.939	116.835.298.013	7.971.791.219.952
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	9.446.895.016	-	[9.446.895.016]	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi [Thuyết minh 19] (*)	-	-	-	-	-	[157.870.336.935]	[145.745.894.556]	[19.525.063.326]	[323.141.294.817]
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	[6.698.825.000.000]	-	[151.237.019.942]	[6.850.062.019.942]
Tiến chênh lệch giá khí phải trả cho Nhà nước (**)	-	-	-	-	-	[1.186.877.709.681]	-	-	[1.186.877.709.681]
Thuế TNDN điều chỉnh giảm liên quan đến chỉ trả tiền chênh lệch giá khí cho Nhà nước	-	-	-	-	-	237.375.541.937	[16.931.063]	-	237.375.541.937
Khác	-	-	-	-	-	25.663.387.790	-	10.417.433.647	36.063.890.374
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	19.139.500.000.000	210.679.541.297	196.658.562.648	18.853.826.843.892	6.287.318.113	2.319.480.175.551	7.709.193.096.320	1.064.055.447.633	49.499.680.985.454

22. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

[*] Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 194/BB-ĐHĐCĐ của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần ngày 5 tháng 5 năm 2020, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 10/NQ-DHĐCĐ của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam ngày 28 tháng 4 năm 2020, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 214/KCA-KD của Công ty Cổ phần kinh doanh LPG Việt Nam ngày 24 tháng 4 năm 2020 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 10/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam ngày 20 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần đã thông qua việc phân phối LNST của năm 2019 như sau:

Trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ ban quản lý điều hành từ LNST 2019 với số tiền là 305.144.179.060 đồng. Đồng thời, Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần cũng tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2020 với số tiền là 145.745.894.556 đồng.

Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức còn lại năm 2019 từ LNST năm 2019 với số tiền là 6.699 tỷ đồng, tương ứng với 35% vốn điều lệ. Tại ngày 23 tháng 6 năm 2020, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần đã thông qua Nghị quyết số 67/NQ-KVN cho kế hoạch chi trả cổ tức còn lại năm 2019 với tỷ lệ 35% mệnh giá/cổ phiếu. Theo Thông báo số 34/TB-KVN ngày 3 tháng 7 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách chi trả cổ tức là ngày 15 tháng 7 năm 2020 và ngày chi trả cổ tức dự kiến là ngày 30 tháng 10 năm 2020.

[**] LNST chưa phân phối năm 2019 bao gồm lợi nhuận từ doanh thu bán khí bể Nam Côn Sơn cho Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần tương ứng với phần chênh lệch giá khí thị trường và giá khí trong bao tiêu với số tiền là 50.884.613 USD (tương đương 1.186 tỷ đồng) cho giai đoạn từ ngày 20 tháng 3 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo Quyết định số 01/2020 QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần phải chuyển số tiền này về Ngân sách Nhà nước khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Ngày 17 tháng 8 năm 2020, Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần đã chuyển số tiền này về Ngân sách Nhà nước sau khi Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định chi trả tiền bán khí nêu trên vào ngày 10 tháng 8 năm 2020.

23. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày như sau:

	2020	2019
	VND	(Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	7.854.955.921.939	11.902.248.028.143
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	[145.745.894.556]	[305.144.179.060]
	7.709.210.027.383	11.597.103.849.083
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	1.913.950.000	1.913.950.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	4,028	6,059

Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2019 theo số trích lập thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 194/BB-ĐHĐCĐ của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần ngày 5 tháng 5 năm 2020, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 10/NQ-DHĐCĐ của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam ngày 28 tháng 4 năm 2020, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 214/KCA-KD của Công ty Cổ phần kinh doanh LPG Việt Nam ngày 24 tháng 4 năm 2020 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 10/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam ngày 20 tháng 5 năm 2020. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại là 6.059 đồng/cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 6.142 đồng/cổ phiếu).

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

a. Ngoại tệ các loại

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 2.361.732 Đô la Mỹ và 446 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.132.124 Đô la Mỹ và 457 Euro).

b. Cam kết vốn

Các khoản cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng được trình bày tại Thuyết minh số 36(a).

c. Cam kết khác

Tổng Công ty có những cam kết tại liên quan đến hoạt động kinh doanh khí được trình bày ở Thuyết minh 36(b).

25. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2020	2019
	VND	VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán khí khô	33.067.078.232.455	42.134.214.210.541
Doanh thu bán LPG	23.250.194.524.628	23.270.255.500.366
Doanh thu vận chuyển khí và condensate	4.503.208.973.610	3.394.661.528.113
Doanh thu bán CNG	2.283.064.675.668	4.855.302.428.515
Doanh thu bán condensate	703.355.269.888	1.309.057.817.926
Khác	328.063.810.589	346.615.120.807
	64.134.965.486.838	75.310.106.606.268
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	-	304.809.430.862
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán khí khô	33.067.078.232.455	42.134.214.210.541
Doanh thu bán LPG	23.250.194.524.628	23.043.394.496.708
Doanh thu vận chuyển khí và condensate	4.503.208.973.610	3.394.661.528.113
Doanh thu bán CNG	2.283.064.675.668	4.777.354.001.311
Doanh thu bán condensate	703.355.269.888	1.309.057.817.926
Khác	328.063.810.589	346.615.120.807
	64.134.965.486.838	75.005.297.175.406

26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2020	2019
	VND	VND
Giá vốn bán khí khô	27.292.959.752.518	32.370.280.982.909
Giá vốn bán LPG	21.546.597.365.888	20.997.960.782.539
Giá vốn bán CNG	2.132.764.376.057	2.679.601.178.481
Giá vốn vận chuyển khí và condensate	821.971.926.613	791.385.841.760
Giá vốn bán condensate	653.609.529.257	1.086.579.889.912
Khác	281.046.551.994	160.879.862.503
	52.728.949.502.327	58.086.688.538.104

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.327.562.903.168	1.598.716.946.137
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	113.182.575.855	64.986.420.184
Khác	10.372.517.300	847.368.465
	1.451.117.996.323	1.664.550.734.786

28. Chi phí tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	101.218.192.497	197.609.807.262
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	38.802.146.494	5.687.193.216
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	18.570.413.088	17.215.375.585
Khác	10.544.089.208	20.427.699.960
	169.134.841.287	240.940.076.023

29. Chi phí bán hàng

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	919.559.763.241	796.285.895.905
Chi phí quảng cáo	342.957.779.567	441.606.452.582
Chi phí nhân viên	190.114.998.676	211.766.833.363
Chi phí khấu hao TSCĐ	108.077.103.033	285.771.682.716
Khác	382.295.242.315	658.943.714.806
	1.943.004.886.832	2.394.374.579.372

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	202.568.488.030	191.633.455.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	141.016.462.807	153.189.378.005
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	80.304.446.683	36.592.000.550
Lợi thế thương mại phân bổ	60.830.824.707	67.446.146.641
Chi phí an sinh xã hội	52.628.728.800	92.368.989.000
Khác	231.856.072.593	334.036.289.024
	769.205.023.620	875.266.258.698

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Tổng Công ty là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư công trình khí sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án, cụ thể như sau:

- Đối với Dự án Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau: Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần được miễn thuế TNDN bốn (4) năm từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2020 đến năm 2028).
- Đối với Dự án Hệ thống thu gom và phân phối khí Hàm Rồng Thái Bình: Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần được miễn thuế TNDN hai (2) năm từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2018) và giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2018 đến năm 2021).

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.978.064.228.697	15.068.262.843.420
Thuế tính ở thuế suất 20%	1.995.612.845.739	3.013.652.568.684
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	41.348.338.185	51.992.384.097
Thuế ưu đãi	(30.688.175.179)	(83.033.419.216)
Chi phí thuế TNDN (*)	2.006.273.008.745	2.982.611.533.565
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	2.037.319.332.206	2.967.381.924.337
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN - hoãn lại	(31.046.323.461)	15.229.609.228
	2.006.273.008.745	2.982.611.533.565

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí mua khí từ các chủ mỏ	31.374.107.618.623	36.190.798.200.833
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.493.267.052.704	2.691.351.575.784
Chi phí nhân công	1.169.208.068.690	1.187.053.874.868
Chi phí vận chuyển	919.559.763.241	796.285.895.905
Chi phí quảng cáo	342.957.779.567	441.606.452.582
Lợi thế thương mại phân bổ	60.830.824.707	67.446.146.641
Khác	1.028.131.042.385	1.282.820.855.883
	37.388.062.149.917	42.657.363.002.496

33. Báo cáo bộ phận

a. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Tổng Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Tổng Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

b. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Tổng Công ty tổ chức các hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực trên cơ sở các Công ty con hoạt động tương đối riêng biệt.

Hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các bộ phận sau:

Hoạt động kinh doanh khí và các sản phẩm khí, gồm có:

- Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
- Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
- Công ty Cổ phần CNG Việt Nam
- Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam
- Công ty Cổ phần LNG Việt Nam

Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí, cụ thể là sản xuất ống thép, xây dựng, lắp đặt và sửa chữa các công trình khí, gồm có:

- Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam

33. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.157.886.301.374	79.360.428.028	-	5.237.246.729.402
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.529.236.327.512	84.000.000.000	-	21.613.236.327.512
Các khoản phải thu ngắn hạn	13.134.431.108.187	281.399.245.501	[3.176.630.489.570]	10.239.199.864.118
Hàng tồn kho	1.437.195.382.060	225.377.385.303	-	1.662.572.767.363
Tài sản ngắn hạn khác	687.236.888.687	32.734.717.650	-	719.971.606.337
Các khoản phải thu dài hạn	163.242.961.246	481.025.473	[1.661.785.125]	162.062.201.594
TSCĐ	19.028.886.537.151	1.457.394.346.840	[712.679.685.993]	19.773.601.197.998
Bất động sản đầu tư	22.357.771.534	-	-	22.357.771.534
Tài sản dở dang dài hạn	2.263.411.584.393	877.681.819	38.669.485.395	2.302.958.751.607
Đầu tư tài chính dài hạn	3.251.442.057.503	-	[2.872.252.482.652]	379.189.574.851
Tài sản dài hạn khác	929.226.815.782	103.326.712.590	41.078.019.991	1.073.631.548.363
Lợi thế thương mại	-	-	22.372.689.424	22.372.689.424
Tổng tài sản hợp nhất	67.604.553.735.429	2.264.951.543.204	[6.661.104.248.530]	63.208.401.030.103

Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	12.629.723.162.634	168.242.471.922	[3.049.184.212.485]	9.748.781.422.071
Nợ dài hạn	3.789.972.728.265	428.643.744.913	[258.677.850.600]	3.959.938.622.578

Tổng nợ phải trả hợp nhất	16.419.695.890.899	596.886.216.835	[3.307.862.063.085]	13.708.720.044.649
----------------------------------	---------------------------	------------------------	----------------------------	---------------------------

33. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.425.991.922.137	49.897.245.090	-	4.475.889.167.227
Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.850.000.000.000	65.000.000.000	-	24.915.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	12.431.584.094.816	632.441.011.759	[2.705.227.038.169]	10.358.798.068.406
Hàng tồn kho	1.192.645.367.317	382.057.155.791	-	1.574.702.523.108
Tài sản ngắn hạn khác	462.556.110.813	28.450.902.678	-	491.007.013.491
Các khoản phải thu dài hạn	129.065.130.453	481.025.473	[1.661.785.125]	127.884.370.801
TSCĐ	14.611.687.011.543	1.553.752.218.710	[315.566.459.875]	15.849.872.770.378
Bất động sản đầu tư	23.186.576.974	-	-	23.186.576.974
Tài sản dở dang dài hạn	2.788.675.301.668	1.131.181.819	231.065.629.141	3.020.872.112.628
Đầu tư tài chính dài hạn	3.203.116.235.946	-	[2.798.422.284.131]	404.693.951.815
Tài sản dài hạn khác	746.693.881.531	85.006.389.457	21.977.049.688	853.677.320.676
Lợi thế thương mại	-	-	83.203.514.130	83.203.514.130
Tổng tài sản hợp nhất	64.865.201.633.198	2.798.217.130.777	[5.484.631.374.341]	62.178.787.389.634

Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	11.366.253.236.083	804.395.867.147	[2.206.212.797.087]	9.964.436.306.143
Nợ dài hạn	2.402.052.378.955	342.219.875.400	[144.452.528.495]	2.599.819.725.860

Tổng nợ phải trả hợp nhất	13.768.305.615.038	1.146.615.742.547	[2.350.665.325.582]	12.564.256.032.003
----------------------------------	---------------------------	--------------------------	----------------------------	---------------------------

33. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu thuần				
Chi phí kinh doanh	74.961.929.507.252	1.003.441.895.383	(11.830.405.915.797)	64.134.965.486.83
Giá vốn hàng bán	(66.129.722.736.686)	(882.206.675.153)	11.570.769.999.060	(55.441.159.412.779)
Chi phí bán hàng	(63.446.837.461.498)	(814.752.247.525)	11.532.640.206.696	(52.728.949.502.327)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.014.510.339.779)	-	71.505.452.947	(1.943.004.886.832)
	(668.374.935.409)	(67.454.427.628)	(33.375.660.583)	(769.205.023.620)
Kết quả hoạt động kinh doanh	8.832.206.770.566	121.235.220.230	(259.635.916.737)	8.693.806.074.059
Phần lỗ trong các công ty liên kết				(11.351.394.583)
Doanh thu hoạt động tài chính				1.451.117.996.323
Chi phí tài chính				(169.134.841.287)
Lợi nhuận khác				13.626.394.185
Lợi nhuận trước thuế TNDN				9.978.064.228.697
Chi phí thuế TNDN				(2.037.319.332.206)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				31.046.323.461
Lợi nhuận sau thuế TNDN				7.971.791.219.952

33. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Hoạt động phụ trợ kinh doanh khí và các sản phẩm khí	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu thuần				
Chi phí kinh doanh	87.335.242.941.488	715.142.612.105	(13.045.088.378.187)	75.005.297.175.406
Giá vốn hàng bán	(73.753.854.956.529)	(600.760.861.714)	12.998.286.442.069	(61.356.329.376.174)
Chi phí bán hàng	(70.432.267.196.329)	(543.243.523.219)	12.888.822.181.444	(58.086.688.538.104)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.452.442.812.126)	-	58.068.232.754	(2.394.374.579.372)
	(869.144.948.074)	(57.517.338.495)	51.396.027.871	(875.266.258.698)
Kết quả hoạt động kinh doanh	13.581.387.984.959	114.381.750.391	(46.801.936.118)	13.648.967.799.232
Phần lỗ trong các công ty liên kết				(504.636.282)
Doanh thu hoạt động tài chính				1.664.550.734.786
Chi phí tài chính				(240.940.076.023)
Chi phí khác				(3.810.978.293)
Lợi nhuận trước thuế TNDN				15.068.262.843.420
Chi phí thuế TNDN				(2.967.381.924.337)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(15.229.609.228)
Lợi nhuận sau thuế TNDN				12.085.651.309.855

34. Thuyết minh cho các khoản mục trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ (“BCLCTT”)

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	699.296.088.936	250.957.394.774

35. Thuyết minh về các bên liên quan

Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần được kiểm soát bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”) được thành lập tại Việt Nam với tỷ lệ là 95,76%. Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Khí nhiên liệu Giao thông Vận tải PVGazprom	Công ty liên kết
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Viện Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Liên doanh Việt - Nga VietsoPetro	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại chúng	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – CTCP	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	2020	2019
	VND	VND

(i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty mẹ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.998.314.808.150	3.426.491.480.744
--	-------------------	-------------------

Các công ty liên kết Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	2.661.770.681.841	1.020.032.480.439
--	-------------------	-------------------

Các bên liên quan khác Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam Liên doanh Việt - Nga VietsoPetro Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Việt Nam	5.061.392.208.297 2.654.019.114.864 213.173.187.781 446.074.186.212 296.492.730.082 117.461.057.359 - -	8.846.474.194.542 2.218.029.708.065 220.550.172.308 376.192.912.129 847.181.794.620 4.815.743.107 9.207.125.089 4.971.833.801
--	--	--

(iii) Mua hàng hóa và dịch vụ

Công ty mẹ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	14.069.142.205.968	16.121.316.832.125
--	--------------------	--------------------

Các công ty liên kết Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	53.256.922.550	64.562.270.103
--	----------------	----------------

Các bên liên quan khác Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam Liên doanh Việt - Nga VietsoPetro Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí Trường Cao đẳng nghề Dầu khí Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Việt Nam Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	2.486.323.208.470 2.190.215.285.750 904.179.073.455 217.709.113.025 625.961.538.952 237.085.395.154 47.511.384.636 33.847.053.596 16.718.226.878 16.555.906.263 13.773.586.855 12.591.952.562 9.113.134.673 -	1.503.823.108.845 562.990.495.373 599.330.387.085 171.491.430.357 748.853.025.240 574.697.510.687 - 15.162.668.200 - - 13.937.592.000 63.874.677.778 5.119.994.384 438.915.660
--	--	---

(iii) Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng

	2020	2019
	VND	VND

Lương và các quyền lợi gộp khác	16.309.925.695	17.554.926.303
---------------------------------	----------------	----------------

35. Thuyết minh về các bên liên quan (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2020	2019
	VND	VND
(i) Tiền gửi có kỳ hạn		
Bên liên quan khác		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.400.000.000.000	617.877.013.292
(iii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	235.334.798.040	272.760.593.097
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	261.553.364.917	459.787.685.401
Bên liên quan khác		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	583.144.806.880	370.302.127.151
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	236.962.736.585	210.276.167.229
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	118.239.877.268	106.749.286.194
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	46.042.688.142	46.739.648.142
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	30.449.431.838	542.626.133
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	12.326.159.524	6.483.793.351
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	5.879.400.696	25.390.956.774
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	2.328.717.653	169.242.005.574
	1.532.261.981.543	1.668.274.889.046
(iii) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6(a))		
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	141.237.895.281	394.724.912.865
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	2.868.030.977	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	2.515.592.031	2.827.006.031
	146.621.518.289	397.551.918.896

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2020	2019
	VND	VND
(iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))		
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.564.268.635	2.616.074.790
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	6.774.640.502	9.476.508.626
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	950.024.244.490	1.264.226.690.692
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	50.000.000.000	50.000.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	46.084.296.613	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	7.988.723.432	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	4.870.608.031
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	1.916.666.666
	1.067.436.173.672	1.333.106.548.805
(v) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14)		
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	76.471.339.838	184.117.736.588
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	19.644.216.209	23.927.142.417
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	441.446.739.201	124.359.870.506
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	401.679.592.455	175.912.959.380
Liên doanh Việt - Nga VietsoPetro	149.542.277.968	200.952.930.031
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	44.446.493.124	52.228.429.347
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	18.736.776.645	25.208.095.580
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	2.685.683.783	-
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	1.529.633.546	-
	1.156.182.752.769	786.707.163.849

35. Thuyết minh về các bên liên quan (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2020	2019
	VND	VND
(vi) Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 16)		
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.278.454.336.677	2.080.143.674.770
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	3.525.639.662	4.081.773.014
Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	2.157.369.900	-
Liên doanh Việt - Nga VietsoPetro	-	33.084.818.989
	2.284.137.346.239	2.117.310.266.773

(vii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17)

Công ty mẹ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	128.771.076.079
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	36.754.800.590	-
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – CTCP	159.783.763.794	156.613.644.066
	196.538.564.384	285.384.720.145

(viii) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a))

Các bên liên quan khác		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	63.096.755.743

36. Các cam kết

(a) Cam kết vốn

	2020	2019
	VND	VND
Dự án kho cảng nhập khẩu LNG Sơn Mỹ	34.160.184.082.494	34.160.184.082.494
Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 2	18.010.439.448.475	18.010.439.448.475
Dự án kho chứa LNG quy mô 1 triệu tấn/ năm tại Thị Vải	6.342.906.101.765	6.342.906.101.765
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Cá Rồng Đỏ	4.116.830.292.111	4.116.830.292.111
Dự án đường ống thu gom, vận chuyển mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt	-	2.896.874.516.814
	62.630.359.924.845	65.527.234.441.659

(b) Cam kết khác

	Sản lượng tối thiểu cam kết	Thời gian cam kết
	(tỷ m3/ năm)	
Cam kết mua khí với		
Chủ khí Lô 06,1	2,7	Trong giai đoạn bình ổn
Chủ khí Lô 11,2	1,216	Trong giai đoạn bình ổn
Chủ khí Lô 05,2 và 05,3	1,368	Trong giai đoạn bình ổn
Chủ khí Lô 102 và 106	0,204	Trong giai đoạn bình ổn
Cam kết bán khí Nam Côn Sơn với		
Tổng Công ty Điện lực Việt Nam	1,85	Trong giai đoạn bình ổn
Công ty TNHH Phú Mỹ 3 BOT Power	0,85	Đến tháng 9 năm 2023
Công ty TNHH Năng lượng Mekong	0,85	Đến tháng 2 năm 2024
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	0,447	Trong giai đoạn bình ổn
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	0,785	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2036

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt ngày 16 tháng 3 năm 2021.


Đặng Thị Hồng Yến
Người lập


Nguyễn Công Luận
Kế toán trưởng


Dương Mạnh Sơn
Tổng Giám đốc





TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS, 673 Nguyễn Hữu Thọ,
Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Tp HCM

T: (028) 3 7816 777

F: (028) 3 7815 666

www.pvgas.com.vn